

TRẦN THƯ

ANH CẢ CÒ

Người tù xử lý nội bộ

Hà Nội

Bản quyền thuộc tác giả.

©Trần Thu, 2006.

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi viết cuốn sách này vì nghĩ rằng mình đã may mắn được sống những hoàn cảnh mà ít người được sống, không viết ra thì thật phí của giờ.

Tôi định viết thành một cuốn tiểu thuyết, vì đủ chất liệu cho một cuốn tiểu thuyết. Nhưng trong đời tôi chưa viết cuốn tiểu thuyết nào, nếu viết thì chắc chắn cần có thời gian. Mà tôi thì không còn thời gian: tôi bị bệnh ung thư, sống chết không biết thế nào, đành chọn cách viết kể chuyện thật, tuy có cái phiền của nó nhưng có thể nhanh hơn, may ra kịp.

Tôi viết thành hai đợt, đợt đầu viết trong thời gian xen kẽ giữa bốn lần leo lên bàn mổ, trong đó có nhiều trang viết ngay trong bệnh viện.

Sau lần mổ thứ năm, tôi phải giành thời gian để dịch vài cuốn sách kiếm ít tiền chữa bệnh. Sau đó định bắt tay vào làm tiếp thì chẳng may bị một cơn tai biến mạch máu não, nhưng cũng lại may, chỉ bị liệt nửa người bên trái. Tập tành ít lâu đã đỡ, tôi kiếm cái máy chữ cũ tập mổ cò một tay viết tiếp phần cuối. Vì làm việc như vậy nên không tránh khỏi có những chỗ sơ lược, mong bạn đọc hiểu cho.

Cuốn sách này có nhiều tình tiết buồn, nhưng tôi thường cố viết thành vui, vì câu chuyện là một bi hài kịch. Bi đát đấy mà cũng khôi hài đấy.

Viết xong được bốn năm, thấy mình vẫn chưa chết, tôi tranh thủ xem lại, sửa chữa, bổ sung một số đoạn. Và thêm vài lời bạt.

Tôi hy vọng rằng đến một lúc nào đó tình hình thuận lợi, cuốn sách này sẽ được ra mắt bạn đọc. Lúc ấy chắc chắn tôi đã về châu ông bà ông vải rồi (chứ tôi chẳng đi gặp cụ Marx và cụ Lenin đâu). Nếu cuốn sách của tôi may mắn được in thì tôi mong rằng nó sẽ được in theo bản đã bổ sung này.

PHẦN MỘT

Một sáng tháng Sáu năm 1973, tại trại giam quân sự trung ương ở Bất Bạt, Sơn Tây.

Tôi quay lại nhìn lần chót ngôi nhà nhỏ giam tôi. Đó là một ngôi nhà vuông, nom như cái chòi canh đê, đủ cho một người ở, kê một giường cá nhân, một bàn viết kèm theo ghế tựa, trên tường có cái giá xích đồng để đặt các đồ linh tinh. Nhà có hai cửa sổ, xây trên sườn đồi thoải thoải, trước nhà là sân và vườn rộng khoảng một sào, có giếng nước trong leo lẻo với con cá lội tung tăng, có chuồng gà ghép bằng thân cây sắn, có hố vệ sinh.

Bên ngoài, dưới chân đồi là ruộng lúa và xa xa là mấy ngọn đồi thông. Ngồi trước cửa sổ nhìn ra sân thấy một bụi hồng lớn, hoa lá um tùm, cao hơn đầu người, do ai bị giam ở đây trước tôi đã trồng. Không rõ loại hồng gì mà hoa chỉ nhỏ bằng những bông nhài lớn, nhưng nhiều lớp cánh đỏ chót, rất đẹp, và chi chít hàng trăm, mấy trăm bông. Bao nhiêu buổi chiều xuống, tôi đã đứng ngắm bụi hồng này hồi lâu, chọn xem bông nào là Thúy Kiều, bông nào là Thúy Vân.

Đại để là một ngôi nhà kẻ sĩ ở ẩn, trong đó anh muốn làm gì thì làm. Một ngôi nhà ở ẩn, nếu không có cái rào dây thép gai ken lẫn với mấy hàng cây sắn cao rậm rạp, và nếu ban đêm cửa buồng không bị khóa trái. So với tất cả những nơi tôi bị giam giữ trước đó thì đây quả là một nơi không dám mơ ước.

Sáu tháng trước, khi được chuyển từ trại giam Tân Lập, Yên Bái về đây, tôi đã ngạc nhiên một cách thú vị. Nhưng chỉ một tuần sau là mọi sự đã rõ: gia đình tôi lên thăm, báo tin một số anh em đã được về. Vậy là tôi cũng sắp được về. Và đây là nơi tôi được chuẩn bị để làm quen dần với tự do. Thực là chu đáo quá! Nếu dùng một cái được thả ra khỏi nhà tù, khéo tôi hóa rồ mất thật. Và đây cũng là nơi để người ta vỗ béo cho tôi (tất nhiên là bằng tiền của vợ con tôi) trước khi tôi được cho về triềng làng, triềng nước, vì ở đây gia đình được đi thăm nom tiếp tế thoải mái. Chỉ sợ không có sức.

Vậy là một lần chót tôi quay lại nhìn từ biệt ngôi nhà nhỏ đã chứng kiến bao tâm tư của tôi, rồi bước đi theo người quản giáo. Tôi mặc bộ quần áo tù nhuộm chàm, đầu đội nón, vai gánh chiếc ba-lô lính và đồ đạc linh tinh (nồi niêu chai lọ hộp...) treo lưng lẳng hai đầu chiếc đòn gánh làm bằng cành cây, tay trái xách chiếc bu gà có một con gà mái già đã đẻ ba, bốn lứa mà bà mẹ vợ tôi đã đem đến tiếp tế cách đây mấy tháng, để nó làm bạn với tôi trong cảnh cô quạnh. Bây giờ trông thấy tôi trong bộ dạng này chắc bà phải cười ra nước mắt.

Người quản giáo dẫn tôi loanh quanh đường đời đến một gian nhà khác, bảo tôi đặt đồ lên vào góc, và chỉ cho tôi ngồi vào bên bàn, ở đó đã có ba người, hai cán bộ chấp pháp của Bộ Công an và một trung tá của Cục Bảo vệ Quân đội, ngồi trực sẵn.

Một trong hai người kia mở đầu:

- Chắc anh đã rõ hôm nay anh được gọi ra đây để làm gì?

Tôi gật đầu:

- Có!

Rồi ông ta đọc cho tôi nghe liền một lúc bốn cái lệnh.

Lệnh thứ nhất: lệnh tạm giam Trần Thụ ba năm vì tội chống Đảng, ký tháng Mười hai năm 1967.

Lệnh thứ hai: lệnh tạm giam thêm ba năm, ký sau ba năm, tức 1970.

Lệnh thứ ba: lệnh tạm tha, ký mấy ngày trước đây.

Đến đây thì kèm theo lời giải thích:

- Như thế là anh được về sớm sáu tháng so với thời hạn. Đó là do chính sách khoan hồng của Đảng và do anh đã cải tạo tốt.

Cuối cùng là lệnh thứ tư: lệnh quản chế ba năm lao động cải tạo tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, ký cùng ngày với lệnh tạm tha.

Tôi có vài ý nghĩ.

Một là: tất cả các lệnh trên đây, cùng với lệnh bắt tôi trước kia và các lệnh khác sau này, tôi chỉ được đọc cho nghe qua một lần, không được cầm đọc, càng không được có một bản sao gửi cho đương sự để thi hành, cho nên tôi không nhớ được cụ thể ngày ký và người ký. Hình như người ta không muốn tôi có được bất cứ một thứ giấy tờ gì làm bằng chứng cho việc tôi bị bắt.

Hai là: tôi có cảm tưởng là cả bốn lệnh trên đây đều được ký cùng một lúc, một ngày, nhưng lại đề ngày tháng khác nhau. Nếu không thì tại sao một lệnh được ký cách đây năm năm rưỡi lại phải đợi đến bây giờ mới được đọc cho đương sự nghe để thi hành?

Ba là: tất cả đều là tạm. Tạm giam, nghĩa là không xét xử, không có án, không có thời hạn, thích thì giam thêm, không thích nữa thì tạm tha, nghĩa là không tha hẳn, có thể hiểu là: được cho về thì “tăng xương”¹, âm ớ là ông bắt lại.

Bốn là: một cơ quan nhà nước là Bộ Công an lại bắt giam người vì tội chống Đảng, và tha người cũng vì chính sách khoan hồng của Đảng.

Tất cả các thủ thuật làm cho việc bắt bớ tôi có vẻ hợp hiến ấy tôi thấy nó lũng càn lũng cũng quá! Nhưng những ý nghĩ ấy là mãi về sau này ngồi nghĩ lại tôi mới nảy ra dần dần. Chứ ngay lúc đó thì những cảnh hiện ra trước mắt tôi, những câu nói lọt vào tai tôi rồi lại bay đi đâu mất, tôi đâu có để ý đến.

Chỉ có độc một ý nghĩ: Tự do! Tự do!

Người tôi cứ bàng hoàng, nhẹ như bấc. Và tất cả những gì đã xảy ra với tôi trong những năm tháng vừa qua bỗng trở thành một quá khứ xa xăm.

Lúc ấy tôi đã quên sạch.

Quên rồi, những đêm giá rét nằm trong xà lim Hỏa Lò, nghe tiếng chuông xe điện leng keng từ phía Cửa Nam vọng lại mà có cảm tưởng như nằm dưới đáy mồ lạnh lẽo nghe tiếng động của trần gian vọng xuống.

Quên rồi, những đêm tháng Sáu, cũng cái xà lim Hỏa Lò rộng vài mét vuông ấy với cái cửa sổ thông hơi sát trần cao năm mét. Tiếng bay rào rào của hàng trăm con muỗi to bằng con ruồi. Chiếc màn bằng vải xô bí rì đĩnh màn còn phủ kín quần áo để che bớt ánh điện 100 oát quái ác ở trên trần cứ chiếu xoáy vào mắt. Và bên trong cái lồng áp ấy, tôi nằm trần truồng, vật vã trên sàn xi-măng nóng hổi và nhầy nhụa mồ hôi ròn ròn từ người tôi chảy xuống. Cảm giác mình như con lợn lẩn lộn trong cái chuồng đầy cứt đái.

Quên rồi, những buổi bức cung đáng sợ. Suốt hai tháng trời chỉ có độc một câu hỏi: “Hoàng Minh Chính đã lệnh cho anh hoạt động những gì trong quân đội?”.

Có lúc đổi thành: “Hoàng Minh Chính đã truyền đạt cho anh những chỉ thị gì của Liên Xô về hoạt động trong quân đội?”, hoặc dữ dằn hơn: “Liên Xô đã chỉ thị cho anh hoạt động gì trong quân đội?”.

¹ *Attention!* (tiếng Pháp): Nghĩa là “Liệu hồn!” (Các chú thích đều của tác giả).

Nếu chuyện đó có thật thì chắc tôi đã khai hết ra rồi. Vì sau chín tháng trời bị quản như thế, người tôi đã nhão hết. Và lại... “*Đảng hỏi anh cơ mà, Đảng mà anh đã hy sinh cả thời trai trẻ của mình cho nó, Đảng đầy tình thương yêu đồng chí, chỉ mong anh trút bỏ tội lỗi đi thì sẽ tha thứ cho anh. Đảng chỉ muốn cứu vớt anh. Anh khai mau cho xong đi, để về. Về cho chị ấy đi học bác sĩ chứ, cơ quan chị ấy định bố trí cho chị ấy đi học lớp bác sĩ mà. Về mà chăm lo cho con cái chứ mặc cho một mình chị ấy hay sao? Và còn tương lai của anh nữa, anh là một cán bộ trẻ có năng lực...*”

Đúng là nếu chuyện mà người ta muốn tôi khai ra là có thật thì chắc chắn tôi đã khai ra hết. Nhưng chuyện đó không hề có và tôi còn đủ tỉnh táo và lương tâm để không đem đặt điều gì cho ai. Nhưng trình bày như thế nào thì cái ông Nhuận có bộ mặt lầm lì da sát tận xương kia vẫn nhất định không tin. Và tiếp theo những lời dỗ ngon ngọt là một cái đập bàn: “Anh định chết rũ xương trong tù hay sao mà không chịu khai?”. Tôi ngòì đó, lòng đầy tuyệt vọng, nước mắt chỉ muốn ứa ra, và óc lớn vồn một ý nghĩ: có nên lao ra đập đầu vào ô cửa kính kia hay không?

Bao nhiêu cay đắng, bao nhiêu ê chề, bao nhiêu cơ cực, bao nhiêu oán hờn nặng trĩu hai vai!

Nhưng lúc này đây tôi đã quên sạch. Tôi cứ ngòì đó, người lâng lâng, miệng mím cười. Như một thằng ngố.

- Anh chú ý là về địa phương tình hình phức tạp, có những kẻ xấu, đừng để họ lôi kéo.

Câu nói ấy của một trong hai người cán bộ chấp pháp kia làm tôi bưng tỉnh. Và bất ngờ tôi bật ra một câu đối đáp:

- Các anh coi thường tôi quá! Chẳng gì tôi cũng là một tên phản cách mạng cỡ kha khá, lại để mấy anh tề ngụy ở xã lôi kéo hay sao? Tôi tha lôi kéo họ thì thôi chứ.

Nói câu ấy là tôi ám chỉ cái lệnh bắt tôi trong đó gọi tôi là “tên phản cách mạng Trần Thu”. Và cũng ám chỉ cả cái “Sắc lệnh trừng trị phản cách mạng” đầy những điều khoản mờ hồ mà năm 1967 Ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua để làm cơ sở pháp lý cho việc bắt bớ chúng tôi. Và trong quá trình hỏi cung người ta không đánh giá tôi là cái gì khác ngoài cái là phản cách mạng, phản động, phản quốc, phản dân, phản Đảng, tóm lại là ngừ phản.

Nhưng câu nói ấy tôi cũng nói một cách vui vẻ, như một câu pha trò. Tôi tưởng họ sẽ phản ứng. Ngờ đâu họ cũng cười, chắc là thấy câu pha trò có duyên.

Một không khí hồn nhiên vui vẻ.

Lát sau người ta bảo tôi ra xe. Anh trung tá Cục Bảo vệ sẽ áp tải tôi về Phù Cừ. Tôi định ra lấy đồ lễ thì anh ta ngăn tôi lại, ôn tồn nói:

- Anh cứ ra xe, đồ lễ để đấy tôi bảo anh em cảnh vệ mang đỡ ra cho.

Quả thật hôm nay, người với người là... bạn.

Hay là tôi tưởng như thế?

Tôi hăm hở bước ra xe com-măng-ca, hùng dũng như một vị thủ trưởng. Bỗng từ ngọn đồi xa xa, vẳng lại một tiếng con gái trong trẻo:

- Hò lơ, hó lơ, lắng tai nghe tiếng ai...

Tiếng hò của các cô gái dân công trên đường đi chiến dịch năm nào!

Tôi đứng sững lại. Và nước mắt cứ thế trào ra, trào ra, không tài nào ngăn được. Còn miệng thì cười. Một nụ cười thâm trầm.

Tôi vốn là học trò trường Bưởi, cũng như bao bạn khác, nghe lời kêu gọi của cách mạng, đã “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu”. Hoạt động “nghịệp dư” hơn một năm thì tôi được chỉ thị của cấp trên thoát ly gia đình đi làm “chuyên nghiệp”. Tôi trốn nhà ra đi, lấy trộm mang theo một tạ gạo là toàn bộ số gạo mà bố mẹ tôi tích trữ để phòng nạn đói.

Nhưng đi được ít lâu thì bị ông bố tôi tóm gọn.

Số là tôi có một người anh họ, cũng đi Việt Minh nhưng không thoát ly gia đình, và thỉnh thoảng tôi có qua lại nhà để trao tài liệu. Bố tôi đã thuyết phục được anh họ tôi hôm nào tôi đến thì phi báo cho cụ vì cụ muốn nói chuyện với tôi. Thế là một bữa nọ, tôi đã bị bắt sống.

Bố tôi là một ông giáo học rất nghiêm khắc. Trong họ, tôi nổi tiếng sợ rần. Duyên do là hồi tôi còn nhỏ, hàng ngày kèm tôi học ở nhà, không bữa nào cụ không cũng lên cái đầu trọc lóc của tôi vài cái cốc tưởng phải thùng sọ. Vậy mà sọ tôi vẫn “gin”². Ở trường, tôi vẫn giỏi về môn tiếng Pháp, viết chính tả thường không phạm lỗi nào, hoặc chỉ một, hai lỗi là cùng. Nhưng cũng vẫn bài ấy, về nhà bố tôi đọc cho viết lại thì bao giờ tôi cũng phạm từ mười lỗi trở lên.

Chẳng là vì bao nhiêu tâm trí của tôi đều tập trung hết lên đỉnh đầu, nom nớp đón đợi cái cốc như trời giáng sắp nện xuống. Này, này... sắp này... sắp này... cốc! Toàn thân tôi giật bắn lên, mắt tôi nổ đom đóm. Và có lần tôi đã vãi đáí. Riêng chữ “charrette” thì nó đã là cái tai họa một thời của tôi. Vì tôi viết nó không bao giờ đủ được cả hai “r” và hai “t”, không thiếu chữ nọ thì thiếu chữ kia. Cuối cùng hết kiên nhẫn, cụ tôi quát:

- Ngu lắm! “Charrette” là cái xe bò. Xe bò thì phải có hai càng và hai bánh, cho nên phải có hai “r” và hai “t”, nhớ chưa?

Thì ra là cái xe bò có hai càng và hai bánh! Tôi mừng quá và từ đó thoát được cái nạn xe bò.

Nhưng đời học trò thì thường hết vắn nạn nọ đến vắn nạn kia. Sau nạn “xe bò”, tôi bị cái nạn đá bóng. Nghĩa là lớn lên một chút, buổi chiều đi học về, tôi thường tạt ra bờ sông đá bóng. Ôi, cái bãi Éclair nó mới có sức quyến rũ làm sao: đá bóng về muộn, chiều nào tôi cũng được xoi hai ngọn roi mây cháy đít. Nhưng vẫn không chừa. Nói cho đúng là muốn chừa lắm mà không sao chừa nổi.

Từ bờ sông về nhà, tôi phải đi qua phố Chả Cá, ở đó có cái miếu Âm hồn, ngoài cửa miếu có tượng ông Thiện ông Ác đứng gác. Đá bóng về muộn, qua trước cửa miếu, bao giờ tôi cũng kính cẩn ngả mũ chào hai ông, miệng lầm nhảm khấn hai ông phù hộ cho cái mộng của tôi được tai qua nạn khỏi.

Nhưng xem ra hai ông thần này không thiêng lắm.

Tôi có một người chị ruột học ở trường Albert Sarraut mới vào ban tú tài. Ngày xưa con gái Hà Nội nhà tử tế đi học đều mặc áo dài, đi dép có quai hậu, và đến tuổi mười bảy, mười

² Từ tiếng Pháp *origine*, ý là vẫn nguyên si.

tám ra đường bao giờ cũng bước khoan thai, nghiêm trang nhìn thẳng trước mặt, không bao giờ ngó nghiêng hai bên. Chị tôi cũng thuộc loại ấy, mặc dầu chị được coi là hoa khôi. Một thầy giáo chủ nhiệm người Pháp kêu chị lên bảng đọc bài không gọi bằng cái tên nào khác là “Mignonne”³.

Lần ấy lớp chị tôi tổ chức liên hoan tất niên. Nhân dịp ấy, chị đã xoa một lớp phấn kín áo và ra đi thoát qua được mặt bố tôi an toàn. Dè đâu vài phút sau cụ sực nghĩ ra:

- Con Nhung đi qua mặt tao có mùi gì thơm thơm. Nó đánh phấn!

Thế là cụ lập tức bắt tôi đi cùng anh người ở bụng một chậu nước thả sẵn cái khăn mặt đũa theo chị tôi và bất kỳ gặp ở đâu cũng cứ đặt chậu xuống, bắt chị phải rửa mặt tại chỗ.

Nhận được cái lệnh oái oăm ấy, tôi nghĩ ngay đến anh chàng học trò trường Bưởi trắng trẻo và nho nhã nom khá dễ thương, đi học vẫn lẻo đẻo đi sau chị tôi một quãng. Và một chủ nhật gần đây, lợi dụng lúc chỉ có một mình tôi trông cửa hàng, anh ta đã ném vào cả một quyển thơ Sonnet bằng tiếng Pháp của anh viết tặng người đẹp, lời thơ đầy đau buồn và thương nhớ. Tôi lấm lét nhìn vào trong nhà thấy không ai biết, vội rút ngay vào trong người, rồi đợi đến lúc mẹ tôi ra, tôi linh luôn lên gác, lặng lẽ đưa cho chị tôi. Trong nhà, hai chị em tôi thuộc tầng lớp những người cần phải... “liên hiệp lại!”. Chị tôi ngỡ ngàng lật ra xem, và khuôn mặt xinh đẹp của chị ửng dần lên, rồi đỏ rừ...

May mắn làm sao là bà mẹ tôi đã kịp thời huy động toàn bộ dự trữ nước mắt của bà và chặn đứng sự thực thi cái lệnh quái ác kia. Bà có ngờ đâu là bà vừa làm được một việc rất thánh thiện. Còn tôi thì thở phào nhẹ nhõm.

Tôi biết rằng những lời thơ đau buồn ấy đã làm cho tâm hồn con gái của chị tôi rung động. Vì đôi lần tôi bắt gặp chị mở tập thơ ra xem... trộm, thấy tôi đến lại vội cất đi. Và tôi cũng biết chắc chắn rằng chị chưa một lần nào thư từ đáp lại lời tỏ tình ấy, vì nếu có thư thì tôi ắt phải là con nhận mang thư. Ông cụ tôi như thế thì chị nào dám thư từ đi lại với ai.

Hai năm sau chị lâm bệnh nặng qua đời. Đám tang ngợp những vòng hoa trắng. Và ở cuối dòng người đưa tiễn chị, có anh học trò bước đi những bước vô tri, mặt cúi gằm giấu hai hàng nước mắt.

³ Tiếng Pháp, có nghĩa là “cô gái xinh xắn”, đọc lên gần đồng âm với tên chị tôi là My Nhung.

Đưa tang chị về, tôi đã nhảy xe điện, ngồi đến hết đường, rồi lại quay lại. Chuyển sang tàu khác, ngồi đến hết đường, quay lại, rồi lại chuyển sang tàu khác. Cứ như thế suốt một buổi. Tôi cảm thấy mình bơ vơ.

Tên anh học trò kia là Phạm Xuân Lâm, nếu bây giờ còn sống chắc cũng khoảng bảy mươi lăm tuổi, liệu có lúc nào anh hồi nhớ lại mối tình đầu ấy không? Trên bia mộ của chị, tôi đã thay mặt anh cho khắc câu thơ của Malherbe:

Rose, elle a vécu ce que vivent les roses
L'espace d'un matin⁴.

Thực ra ông cụ tôi không phải là người ác. Cụ chỉ sống theo một lễ giáo nào đó thôi, và không phải là con người sắt đá vô tình. Chúng có là tôi đã nhìn thấy cụ khóc. Khóc một cách đau khổ. Đó chính là vào hôm cụ bắt được tôi ở nhà ông anh họ tôi. Vừa khóc vừa kể lể:

- Nó đi, bỏ lại trong ngăn kéo bàn học của nó hai hộp in truyền đơn... Hộp thì tôi chẻ ra đem đốt, khói mù cả nhà, cả một buổi mới cháy hết... Còn đất sét thì tôi nhét xuống cống... Thế mà người ta bắt được nó thì người ta chặt đầu chứ còn gì...

Hồi ấy ở phố Chả Cá có chuyện lính Nhật đi đường bị một con chó hàng phố xò ra cắn đã rút kiếm chém một nhát đứt phăng cái đầu. Chắc cụ đã nghĩ đến chuyện ấy, và nói đến đây, cụ bật dậy, lao đầu vào tường, định đập đầu tự vẫn. Tất nhiên cả nhà đã xô đến, giữ chặt lấy cụ.

Trước cảnh tượng ấy, tôi cũng... khóc. Tôi không nhớ sau đó mọi người đã thuyết phục cụ như thế nào, chỉ biết rằng rốt cuộc cụ vẫn để tôi đi. Tôi ra đi, lòng dạ rối bời: tôi mới mười tám tuổi.

Đoàn thể giao cho tôi in báo *Hồn Nước*. Cơ sở in của chúng tôi được đặt cho cái tên rất kêu là nhà in Ký Con Đoàn Trần Nghiệp⁵, thực ra chỉ có hai người và vài viên đá li-tô, đầu tiên đặt ở làng Mọc Giáp Nhất, ngoại thành Hà Nội. Suốt ngày hai anh em chúng tôi cứ đóng cửa,

⁴ Là một bông hồng, nàng đã sống cái kiếp của những bông hồng
Khoảnh khắc một buổi sáng.

⁵ Ở cuối mỗi số báo *Hồn Nước* đều có ghi: In tại nhà in Ký Con Đoàn Trần Nghiệp.

cắm cung trong cái buồng đầu hồi một căn nhà ba gian là nhà của gia đình anh Hải Hùng, sau này là cục phó Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị. Trong căn buồng tối tăm ấy chúng tôi suốt ngày ngồi viết chữ ngược trên đá li-tô và hì hục in, đến đêm mới được ra bờ ao mài đá. Ở đó suốt một tháng mà trong làng không ai biết là có chúng tôi.

Đến nạn đói Ất Dậu, sáng nào xe bò cũng chở kín kín những xác người chết đói nhặt trên các vỉa hè Hà Nội mang ra ngoại thành chôn. Chúng tôi cũng đói, vì đoàn thể không đủ gạo cung cấp. Thực ra thì không phải nhịn bữa nào, nhưng bữa nào cũng chỉ ăn lưng lửng dạ dày. Có đêm tôi đã lên ra ruộng rau của dân, mượn phép đoàn thể hái trộm rau về luộc ăn.

Một đôi lần về nội thành, tôi bị bố tôi bắt gặp ngoài đường. Nhưng những lần ấy cụ chỉ mắt trước mắt sau dẫn tôi đến hiệu ăn Nghi Xuân, một hiệu ăn Tàu nổi tiếng hồi ấy ở gần chợ Hàng Da, cho ăn một bữa nhớ mấy ngày. Ăn xong, cũng lại mắt trước mắt sau dúm cho tôi một, hai chục đồng Đông Dương. Những đồng tiền ấy tôi giữ như những lá bùa hộ mệnh. Hồi ấy, cơ sở in của chúng tôi đã chuyển về làng Canh, đặt tại nhà anh em anh Bảo Thế (anh Bảo có giọng nói the the và sau này là chính ủy một binh chủng) và hai chúng tôi được gia đình anh nuôi. Nhà anh Bảo là nhà gạch hai tầng xây kiểu nửa cổ nửa kim, khá to, vậy mà hồi ấy cũng thiếu, bữa nào mỗi người cũng chỉ có hai lưng cơm chan với nước bã đậu. Cho nên mỗi lần về Canh, qua Cầu Giáy, tôi lại xuất ra, và cũng chỉ dám xuất ra một đồng mua một nắm cơm tấm Sài Gòn trắng bong, ở giữa nắm có ấn trũng xuống để khi có khách mua thì nhà hàng đổ vào đó thìa muối vừng mặn chát. Đối với tôi lúc ấy thế là sang trọng rồi.

Cách mạng Tháng Tám thành công. Không cần phải nói rằng ông bố tôi rất lấy làm hãnh diện về “thằng Cả Cò” nhà cụ. Nói đúng ta thì đến lúc ấy, đối với cụ tôi đâu phải là thằng Cả Cò nữa, cũng không phải là thằng Cung, mà là anh Cung.

Công bằng mà nói thì cụ nên tự hào về chính cụ: cụ đã vượt được lên cao hơn chính bản thân mình. Vì thực ra, lần gặp tôi ở nhà người anh họ tôi, cụ có đủ quyền uy để kéo tai tôi lôi về, rồi nhốt tịt ở một xó nhà quê nào đó, bắt lấy vợ. Và tất cả sẽ không còn gì để nói nữa.

Kháng chiến toàn quốc. Cụ đã thuê người cáng bà mẹ quanh năm đau ốm của tôi, cùng bày đàn thê tử, bỏ tất cả ở lại, lóc nhóc dắt díu nhau tản cư lên Việt Bắc theo kháng chiến.

Lúc ấy tôi đang ở bộ đội.

Nhọ mặt người một lúc thì tiểu đoàn trưởng Nguyễn Mạnh và tôi, chính trị viên, đã cùng hai đồng chí cần vụ có mặt trên đê sông Luộc. Trăng hạ tuần cho nên phải về khuya mới sáng. Địch càn quét bao giờ cũng chọn tuần trăng, cái đó đã thành quy luật. Trong bóng tối, dòng sông âm thầm cuộn cuộn chảy. Đã cuối mùa lũ nhưng nước còn khá xiết.

Trung đoàn chúng tôi vừa tránh được một nguy cơ bị tiêu diệt gần như có thể sờ mó thấy. Cuối năm 1951, trước khi đánh lên Hòa Bình, địch đã tập trung ba GM⁶ càn quét vùng bắc Thái Bình. Trước đây cứ có triệu chứng địch tập trung lớn quân cơ động thì trong bả sáu chước, chúng tôi chọn cái chước mình cho là khôn ngoan nhất: chuồn. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Quân cơ động rút đi, chúng tôi lại quay trở lại “nói chuyện” với bọn quân chiếm đóng. Nhưng hồi ấy lực lượng chúng tôi còn yếu. Bây giờ được trang bị và tổ chức lại thành trung đoàn mạnh, và trên các mặt trận chính diện, chủ lực ta cũng đánh mạnh, nên chúng tôi nhận được nhiệm vụ phải tích cực đánh địch cả trong càn quét lớn. Lần đầu tiên toàn trung đoàn chống càn lớn chưa có kinh nghiệm, chúng tôi cứ quanh quẩn trong vòng vây, chiến đấu chặn địch trong suốt một tuần để bảo vệ dân. Đến ngày thứ sáu, thấy vòng vây địch đã khép, đất tự do còn lại quá hẹp, không cơ động được, và bộ đội đã tiêu hao mệt mỏi, mới nghĩ tới chuyện rút. Nhưng đến lúc nghĩ tới thì rút không được nữa. Tất cả các mũi trinh sát tung đi đều báo cáo chạm địch.

Thực ra kinh nghiệm về sau của chúng tôi cho thấy rõ càn quét một vùng rộng thì không có vòng vây nào hoàn toàn kín cả. Chẳng qua chỉ là chúng tôi chọn hướng rút dễ nhất: rút xuống nam Thái Bình, đường liền, đất rộng. Ta biết thế ắt địch cũng phải biết thế. Cho nên chúng đã rải quân và xe tăng ra canh phòng cẩn mật suốt dọc đường số 10 là con đường ta sẽ phải vượt qua nếu đi xuống phía nam.

Thế là hôm qua toàn trung đoàn đã phải lộn trở lại chiếm lĩnh các trận địa phòng ngự để quyết chiến với địch thêm một ngày nữa đợi đến tối tìm hướng rút khác. Ngày hôm ấy quả thật là một ngày căng thẳng đối với tiểu đoàn tôi. Nếu hôm ấy không giữ vững được, và đến đêm không rút được thì hôm sau bốn chục khẩu pháo 155, 105 ly và không biết bao nhiêu khẩu cối

⁶ *Groupement mobile* (tiếng Pháp): Binh đoàn cơ động.

120 và 81 ly sẽ trút đạn lên đầu chúng tôi, từng đoàn máy bay sẽ đổ lửa xuống trận địa chúng tôi, và ba binh đoàn cơ động từ mấy phía sẽ bâu vào chúng tôi...

Cố thủ đến hai giờ chiều vẫn giữ vững được, các đợt xung phong của địch đều bị đánh bật thì chúng tôi biết chắc chắn là sẽ giữ vững được đến tối. Cho nên từ hai giờ chiều ban chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi đã chuyển trọng tâm sang làm công tác chuẩn bị cho cuộc hành quân đêm. Tôi cùng các đồng chí địa phương lo chôn chát tử sĩ, săn sóc thương binh, chuyển anh em về những cơ sở có hầm bí mật, gửi vào vùng tề, và các công tác hậu cần khác. Công việc búi như lông lươn.

Còn tiểu đoàn trưởng Mạnh thì tổ chức trinh sát nắm tình hình địch xung quanh. Rút kinh nghiệm đêm trước, lần này trung đoàn cho rút theo hướng khó nhất, cho nên cũng có thể là bất ngờ nhất cho địch: rút qua sông Luộc. Chắc địch không thể nghĩ rằng cả một trung đoàn đã sứt mẻ và mệt mỏi sau một tuần chiến đấu và không có phương tiện vượt sông, lại có thể đem theo toàn bộ vũ khí, khí tài và thương binh của mình qua một đêm lách qua vòng vây của chúng, hành quân hàng chục cây số, vượt qua một con sông lớn, rồi lại hành quân tiếp gần chục cây số nữa về một nơi địch vừa càn xong, cơ sở bị rệu rã.

Và lại đêm hôm trước, khi chúng tôi bị mắc lại ở đường số 10 thì một đại đội của tỉnh Hưng Yên đã lọt qua sông Luộc. Chúng tôi phía ấy địch có sơ hở, đúng như phán đoán của chúng tôi. Mặc dù một đại đội thì lọt, còn một trung đoàn thì có thể không.

Đi cả trung đoàn thì cồng kềnh quá, trung đoàn cho xé nhỏ một tiểu đoàn, phân tán tại chỗ. Chỉ còn hai tiểu đoàn hành quân luồn ra bờ sông đi làm hai mũi cách nhau khoảng một cây số, để nếu tiểu đoàn nào chạm địch thì tiểu đoàn kia sẽ yểm trợ. Toàn trung đoàn nhiệm vụ chính là bảo toàn lực lượng.

Xẩm tối, tiểu đoàn tôi đã rải dài trên đê Sa Lung để tránh trận tập kích pháo chập tôi của địch và chuẩn bị hành quân chiến đấu.

Tiểu đoàn trưởng Mạnh đã nắm một tổ trinh sát và một tiểu đội trang bị toàn tiểu liên đi dò đường, nếu gặp địch phục kích thì diệt, mở đường mà đi. Dò từng quãng, thông đến đâu thì cho liên lạc về dẫn đơn vị lên và trong khi đơn vị hành quân lên thì Mạnh dò tiếp. Nghĩa là hành quân kiểu sâu đo. Nếu không thì không kịp.

Đứng trên đê Sa Lung, tôi nóng ruột như bào. Một tiếng không có tin của Mạnh. Hai tiếng cũng không. Tôi tranh thủ thời gian này thanh toán nốt những công việc còn dở dang. Nhìn theo những chiếc vồng đi khuất dần vào bóng đêm đưa anh em thương binh về các cơ sở,

tôi cảm thấy trong lòng nặng trĩu. Mấy ngày tới sẽ là những ngày thử thách gay gắt nhất đối với họ, số phận của họ sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào lòng dân, vào sự dũng cảm và sức chịu đựng của mỗi người, vào may rủi. Chúng tôi đã bỏ anh em lại trong vòng vây của địch mà ra đi. Nhưng chúng tôi ra đi có lọt hay không, ngày mai cái Trung đoàn 42 này có tồn tại nữa hay không cũng là chuyện chưa rõ. Nhưng dẫu sao thì thành thật mà nói tôi không muốn ở vào hoàn cảnh của những anh em đó.

Mọi công việc tôi đã làm xong từ lâu mà Mạnh ra đi vẫn bật vô âm tín. Lính ngồi chống báng súng ngủ la đà. Cũng như cánh cán bộ tiểu đoàn chúng tôi ở những cuộc họp trong ngôi miếu nhỏ trên gò Vú Cô Tiên.

Đó là nơi tối tối ban chỉ đạo chống càn triệu tập cán bộ các đơn vị tới họp. Trong miếu không thắp đèn. Chỉ có hai, ba cái đèn pin pha đèn dán kín bằng giấy than đánh máy chỉ để hờ một lỗ nhỏ bằng hạt đỗ, rê đi rê lại trên tấm bản đồ trải dưới đất, tỏa ra một ánh sáng mờ mờ. Bọn cán bộ tiểu đoàn chúng tôi lợi dụng bóng tối cứ ngồi lẩn sau lưng các vị cấp trên, gục xuống ngủ. Cực kỳ mệt. Và lại chúng tôi ở đây là đuôi trâu. Chính ủy mặt trận Nguyễn Khai, mắt đỏ như mắt cá chày vì thiếu ngủ, thỉnh thoảng lại gọi:

- Này, ngủ cả à! Lay lay các tướng ấy dậy hộ tí! Phát biểu đi chứ!

Chúng tôi mắt nhắm mắt mở ậm ừ phát biểu một, hai câu chung chung, rồi lại... ngủ. Không cưỡng được.

Bây giờ trên đê Sa Lung, chắc anh em chiến sĩ cũng nghĩ họ là đuôi trâu. Còn tôi thì đã thành đầu gà. Mắt cay xè và chắc cũng phải đỏ như mắt cá chày, nhưng vẫn tỉnh căng. Bây giờ nếu có kê giường rải chiếu đàng hoàng cho tôi, tôi cũng không tài nào ngủ được. Lo đến xoắn ruột. Đi đi lại lại kiểm tra các đại đội cho quên cái mặt đồng hồ lân tinh đi mà không sao quên được. Chốc chốc lại ngó. Pháo địch vẫn bắn cầm canh.

Cuối cùng mãi gần nửa đêm mới có liên lạc của Mạnh hiện ra trong bóng tối:

- Báo cáo! Anh Mạnh bảo anh cho đơn vị lên. Em dẫn đường.

Lính đang ngủ chỉ cần một lệnh khê đã lục tục dậy. Rồi đoàn quân chuyển mình. Cả một tiểu đoàn, lại kéo theo cả nghìn dân, hành quân đội hình một hàng dọc trên đường đồng, nếu đầu đội hình có nhón nha bước một thì từ giữa đến cuối đội hình cũng phải chạy hộc tốc xóc gan. Vậy mà về sau tôi được nghe anh em kể lại, trong khi chạy như thế với một tinh thần luôn

sẵn sàng nổ súng, vẫn có một cậu chiến sĩ nào chạy qua một bãi cứt trâu, đã vừa chạy vừa ngoái cổ lại nói nhỏ bảo anh em chạy sau:

- Này, nhật hộ cái mũ nôi!

Và một cậu chạy sau đã nhanh nhẩu thọc tay xuống bãi cứt, rồi vặc khế:

- Mẹ thằng xỏ lá!

Chạy một quãng, gặp chỗ khó đi thì “dồn tàu”, rồi lại chạy, lại “dồn tàu”, không biết bao nhiêu lần như thế, cuối cùng dừng lại đợi. Đợi Mạnh trinh sát dò đường tiếp. Lính ngồi quỳ xuống thờ, súng chĩa sang hai bên. Cứ thế cho đến ba giờ sáng tôi cúi rạp xuống đất nhìn lên vẫn chưa thấy bóng đê sông Luộc đâu. Thế này thì sang sông làm sao kịp?

Tôi chạy đến đầu làng Nội thì trời đã mờ mờ sáng, gặp Mạnh đứng đón ở đó. Mạnh người Hà Nội, lúc ấy mới hai mươi bốn tuổi nhưng trông già. Tính tình hiền lành, ít nói, nhưng mặt nom lì lợm, đôi mắt lờ lờ, lính sợ lắm. Không bao giờ nói chuyện gái, chuyện vợ, ai hỏi đến chỉ cười trừ. Tình yêu của anh là “garăngxuya”, hiểu theo nghĩa tiếng Việt là gà rán sữa. Nghĩa là mỗi lần diệt xong cái đồn nào, tỉnh ủy địa phương bao giờ cũng tặng riêng ban chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi một trăm đồng Đông Dương, và lần nào Mạnh cũng tùm tùm:

- Thế nào, ông Thư, garăngxuya chứ!

- Ủ thì garăngxuya, sợ gì!

Lúc này anh đứng đó, cổ gày ngẩng, mặt vêu vao và vồn lì lợm nom càng lì lợm. Anh chỉ cho các đại đội tỏa về ba làng. Phải trú quân lại, bố trí bòng ngự chân kiềng, đợi đến đêm mới sang sông được⁷.

Các cán bộ đại đội cũng đứng cấm ở cổng làng của đơn vị mình rồi thấy bất cứ ai chạy tới, dù là lính đơn vị nào còn rớt lại, dù là quân hay dân, cũng cứ ấn bừa cả vào trong làng. Không mau lên thì sáng toét!

Khi trời sáng hẳn, ai đi qua đầu làng thì tưởng đầu làng không người. Toàn bộ kho kinh nghiệm giữ bí mật của một đơn vị địch hậu tích lũy được từ bao lâu nay đã được các đơn vị đem ra thi thố hết.

⁷ Sáu tháng sau, trong trận chống càn Lạc Đà, Mạnh nắm một đại đội định tập kích một đơn vị xe cóc của địch, chẳng may bị lộ và bị địch kéo đến bao vây lại. Chiến đấu ngoan cường suốt một ngày, đến đêm, đơn vị phá vây không lọt và đã bị địch tiêu diệt. Mạnh đã hy sinh trong khi chỉ huy phá vây.

Tôi đi vào làng, không nghe thấy một tiếng gà, không thấy bóng một con lợn, chỉ bừa bãi vô đồ hộp. Hỏi dân thì mới vỡ nhẽ ra là sáng hôm qua một cánh quân địch còn đóng đây. Và chính từ đây chúng đã tiến vào hợp điểm. Và đến đêm, chúng tôi đã luồn qua vách chúng về chiếm lĩnh cái trận địa chúng vừa rời khỏi ban ngày.

Như trẻ con chơi đôi chỗ vậy.

Cả đêm hôm qua chúng tôi đã chạy được... năm ki-lô-mét. Những ki-lô-mét vô giá.

Lát sau có liên lạc của trung đoàn xuống báo tin tiểu đoàn bạn cũng phải trú quân lại và triệu tập Mạnh lên họp.

Được một ngày nghỉ ngơi và chuẩn bị cho cuộc vượt sông. Chập tối Mạnh đã cho một phân đội sang chiếm lĩnh đầu cầu bên kia sông và trinh sát tình hình bên trong đê. Tôi đứng trên đê nhìn các tiểu đội từ trong bóng tối nhô lên đê rồi lại tụt xuống bãi. Anh nào cũng đánh đuộc cái quần đùi, ôm một cây chuối. Và tất cả lủi lủi đi như những bóng ma. Các cán bộ ra lệnh cũng khe khẽ. Dưới nước các tiểu đội giàn thành hàng ngang, tiểu đội sau cách tiểu đội trước một quãng, nom như từng làn sóng. Sườn bên phải khúc vượt sông của chúng tôi là tiểu đoàn bạn. Sườn bên trái, Mạnh bố trí một lực lượng đánh ca-nô, nếu chúng xuất hiện.

Dân Thái Bình hầu hết đã ở lại, đội địch rút thì quay trở về làng. Đi theo bộ đội chỉ còn cán bộ và dân hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương bị mấy trận càn vừa xảy ra ngay trước trận càn này dồn về đây. Địa phương đã chuẩn bị được một số ít đồ gỗ, đồ nan thường ngày vẫn chở khách sang ngang để chở phụ nữ và trẻ em. Còn thì xuống sông tuốt. Tuy vậy nhiều chị em cũng chuẩn bị cây chuối cho chủ động.

Và bây giờ thì không giữ được bà con đi sau bộ đội nữa. Qua các đường ruộng, bà con cứ tự động vọt lên đê. Rồi đến một lúc tôi thấy từ dưới chân đê nhô lên hai cái bóng trắng: hai cô gái trần truồng như nhộng, một tay ôm bọc quần áo, một tay vác cây chuối trên vai, le te chạy tới. Trong đêm tối trông rõ bốn cái vú nhảy nhảy. Đã thế, tới chỗ chúng tôi đứng, còn dừng lại ghé sát vào, thì thào hỏi:

- Đi lối này phải không các anh?

- Phải, đi lối ấy. Nhưng sang bên kia sông nhớ mặc quần áo vào đấy nhé!

Chẳng biết ai đó trả lời, cũng bằng cái giọng thì thào như thế:

- Khi gió các anh!

Chắc phải là mấy mẹ cán bộ huyện mới dám táo tợn vậy⁸, không biết có phải hai cô mà xâm tới hôm qua, trên đê Sa Lung, tôi đã vô tình nghe lỏm được cuộc đối thoại trong bóng tối:

- Mà đi hay ở?

- Tao ở. Còn mà?

- Tao đi. Theo bộ đội.

- Mà theo tao cũng theo.

Rồi cười rinh rích. Cuộc chọn lựa thật là dứt khoát!

Đứng trên đê, tôi lăm lét nhìn theo hai cái bóng đang tung tung đi xuống bờ sông. Phá vây đêm mà nom cứ trắng lóp! Và bất chợt tôi nghĩ đến bốn khẩu pháo 105 ly sáng nay.

Sáng nay, sau khi chúng tôi luân tới được vị trí mới, đôn đốc các đơn vị chuẩn bị trận địa chiến đấu xong, tôi ngồi tựa một gốc cây chợp mắt một tý cho đỡ mệt. Đang ngủ say thì bị ai vỗ đóp một cái vào vai, giật bắn mình. Và có tiếng hỏi giật:

- Này mà ời! Ban chỉ huy tiểu đoàn đâu?

Tôi mở mắt: một cậu chiến sĩ trẻ tuổi tôi đang đứng trước mặt. Vừa bực mình, vừa buồn cười, tôi đáp lại cũng bằng cái giọng cậu ta:

- Tao đây, mà hỏi gì?

Cậu ta đỏ mặt lúng túng:

- Báo cáo anh, em mới về đơn vị, chưa thuộc...

- Chuyện gì thì nói đi.

- Báo cáo, địch kéo tới bốn khẩu pháo 105 ly, bố trí trên đê ngay trước mặt chúng ta...

Tôi bật dậy:

- Vào báo cáo anh Mạnh! Nằm trên cái nong trong nhà kia kìa.

⁸ Ở địch hậu, những năm khó khăn, chị em phụ nữ, dân cũng như cán bộ, không mặc đồ lót vì mặc đồ lót nếu bị địch bắt sẽ bị chúng coi là cán bộ Việt Minh. Cho nên chị em cởi quần áo ngoài ra là lập tức trần như nhộng.

Vài phút sau, tôi cùng tiểu đoàn trưởng Mạnh và trung đoàn phó Nguyễn Tiệp đã nấp sau bờ tre. Trên đê có bốn khẩu 105 ly thật, giàn hàng ngang cách chỗ chúng tôi khoảng bảy trăm mét đồng trống.

Ừng... ùng... ùng... ùng..., bốn tiếng nổ đầu nòng. Đạn pháo rú qua đầu chúng tôi. Rồi oàng oàng... bốn tiếng đạn nổ sau lưng chúng tôi, cách khoảng bốn, năm cây số về hướng trận địa chúng tôi vừa rời bỏ đêm qua. Tiên sư chúng mày nhá, bố chúng mày ở đây cơ mà!

Trên đê, trên xì bốn khẩu pháo nằm tênh hênh, không thấy bóng một đơn vị bộ binh bảo vệ.

Tiểu đoàn trưởng Mạnh cười nói:

- Mẹ! Chúng nó chủ quan thật. Yên trí anh em còn đang lúng túng như gà mắc tóc trong kia mà.

Trung đoàn phó Tiệp cười khì khì, hỏi chúng tôi:

- Thế nào, oánh chứ? Trông ngon quá!

Oánh thì oánh được. Thế nào cũng diệt được một, hai khẩu, còn một, hai khẩu thì chắc chúng sẽ kịp móc vào xe bỏ chạy. Hoặc nếu cỏi ta bắn giỏi thì có thể diệt được cả bốn. Nhưng đánh xong thì thế nào? Mình đang ở tình thế buộc phải nằm im như thóc, ẩn mình trong mấy làng, bốn bề là địch đang đi tìm mình. Đánh thì khác gì lay ông tôi ở bụi này. Thôi, các ông ơi, ngon thì đành nuốt nước bọt vậy, không xơi được đâu!

Thực ra cả ba chúng tôi đều hiểu thế. Trung đoàn phó có hỏi “oánh chứ” chẳng qua chỉ là nói lên nỗi tiếc của gười mà thôi.

Câu chuyện bốn khẩu 105 ly là như thế. Tôi nhìn xuống chân đê: hai cái bóng trắng đã mất hút. Chắc là xuống nước rồi. Bốn khẩu 105 ly sang sông⁹.

Hai mẹ cán bộ huyện này đã xử lý tình huống một cách dứt khoát và nhanh gọn như thế! Còn cái cô sư nữ chùa gì tôi chẳng nhớ thì sao nhỉ? Cứ xúng xính quần chùng áo dài, hay là... thế nào? Tối qua, trên đê Sa Lung tôi thấy một cô sư nữ ngồi lẫn trong hàng quân. Quái nhỉ, dân đi theo bộ đội tôi đã cho xếp hàng, cứ cán bộ phụ trách hần hoi, nói đuôi bộ đội, cách một

⁹ Về sau tôi được anh em kể lại là “bốn khẩu 105 ly” đã sang sông an toàn, và lên bờ đã mặc quần áo vào tử tế. Nhưng cũng lại có tin là, sáng hôm sau đêm vượt sông, dân địa phương đã phát hiện có hai xác phụ nữ trần truồng bị dính mảnh đạn bác trôi dạt vào bờ, gần Bến Trại.

quãng, đề phòng chạm địch, phải nổ súng, sao lại có cô sư nữ này ngồi lẫn vào đám tiểu đoàn bộ? A... tôi chợt nhớ ra.

Cánh trinh sát tiểu đoàn bộ đồn đại nhiều về chuyện cô sư nữ này. Họ bảo cô là học trò Hải Phòng chẳng hiểu vì sao chán đời bỏ về quê đi tu. Hồi còn tề, chùa của cô là cơ sở của trinh sát. Có lần lính đồng vào định kiểm soát chùa, thấy cô đang ngồi tụng kinh một cách thành kính thì bỏ đi ra. Chúng có ngờ đâu trong gầm bệ thờ có cậu tiểu đội trưởng trinh sát đẹp trai, cũng là học trò Hải Phòng, đang ngồi thu lu. Rồi một tối nọ, một cậu trinh sát khác đi ngang đằng sau chùa, nghe thấy trong vườn có tiếng thờ dài nã ruột:

- Tiếc rằng sao bây giờ mới gặp nhau...

Cậu trinh sát tinh nghịch này ghé mồm nói qua hàng rào:

- Chưa muộn đâu! Có tổ chức thì để anh em giúp cho một tay!

Rồi ù té chạy.

Đi đến gần chỗ cô sư nữ ngồi, tôi nghe thấy tiếng lính ta hỏi trêu:

- Sư mà cũng phải chạy à?

Cô đáp:

- Bắt được em thì nó cũng chẳng tha.

Phải rồi, trước kia là đồng thì cô đối phó được, còn bây giờ thì GM chỉ toàn lính Âu Phi, cô sợ là phải. Thôi được, đối với một ni cô xinh đẹp và lại biết xung em với lính thì ta có thể tha thứ cho nhiều điều. Xin mời cô cứ ngồi đấy. Tiểu đoàn bộ cũng có một thuyền nan nhỏ.

Như vậy là cuộc vượt sông ban đầu diễn ra khá tốt đẹp. Nhưng nửa giờ sau, từ giữa sông bắt đầu nổi lên tiếng ồn. Lúc đầu nhỏ và thưa thớt. Rồi cứ tăng dần lên. Có lúc nghe rõ một tiếng kêu thét cụt lùn:

- Mẹ ơi!

Sóng sông Luộc đã đánh tan các đội hình. Dưới nước dân gọi nhau, lính gọi nhau, người đuổi sức kêu cứu, người đã lên bờ cũng gọi tìm nhau. Tiếng ồn tăng lên dần, rồi trở thành như tiếng vỡ chợ. Đứng trên bờ, chúng tôi lo lắng và bất lực nhìn ra sông...

Rồi bất thình lình oàng oàng, hai quả đạn đại bác nổ trên không lóe ra hai khối lửa úp xuống dòng nước: đạn *fusant*¹⁰!... Tiếng ồn lặng bật để sau đó lại nổi lên to hơn, hòa vào tiếng pháo địch bắn dồn dập hơn. Đạn pháo lóe lên, nhảy nhót trên trời như những khối lửa địa ngục. Đêm hôm, tiếng nổ rung chuyển cả một vùng.

Mạnh ra lệnh cho các đại đội:

- Lộ rồi, đợi một lát pháo ngớt thì cho anh em sang ào cả một lần càng nhanh càng tốt, tản rộng ra.

Và anh cho tăng cường lực lượng đánh ca-nô. Lát sau, thấy pháo đã ngớt, tôi bảo Mạnh:

- Tôi bơi sang trước. Anh đợi thuyền đi với các anh bộ tư lệnh.

Tôi cởi quần áo, súng lục, sắc-cốt, giao cho đồng chí cần vụ để anh ta đi thuyền. Anh bơi kém. Tôi giữ độc chiếc quần đùi để bơi vo. Tôi không quen bơi cây chuối.

Sang tới bờ bên kia, tôi lão đảo lội lên bãi, rồi nằm vật xuống, má áp xuống cát, mồm đớp đớp như cá mắc cạn. Đứt hơi. Tôi cứ nằm giang rộng hai tay ôm lấy cái bãi cát Lệ Chi như thế một lúc lâu, rồi hình như nghe có tiếng ai gọi xa xa, không rõ lắm:

- Anh Thư ơi!

Tiếng gọi lặp lại gần hơn và rõ hơn:

- Anh Thư ơi!

Rồi chỉ lát sau tôi thấy anh cần vụ của tôi vừa đi tới, vừa gọi tìm.

Tôi lóp ngóp bò dậy.

- Ôi giời ơi! Anh...

Cậu ta chạy tới đỡ tôi dậy và cười ngượng ngập như người có lỗi:

- Thế mà em cứ tưởng... Em tìm anh mãi.

Cậu ta tưởng tôi đã làm môi cho Hà Bá.

Tôi nhìn ra sông. Chỉ còn ít người bơi rải rác. Mấy cái thuyền cấp cứu đang qua lại xuôi ngược. Pháo địch đã ngừng. Đồng chí cần vụ báo cáo:

¹⁰ Đạn ghém nổ trên không nhằm sát thương.

- Các đơn vị sang ào cả một chuyến gần hết rồi. Sang đến đâu đi luôn. Anh Mạnh cũng vào trong kia rồi. Ta đi thôi, anh.

Tôi vịn vai đồng chí cần vụ đi xuyên qua xóm bãi Lệ Chi. Sức tôi hồi lại dần. Lên tới mặt đê, tôi thấy trung đoàn trưởng Nguyễn Như Thiết đang xuống dốc đê. Thoáng thấy tôi, anh ngoái cổ lại giờ cao tay làm hiệu cho tôi với một nụ cười đắc thắng.

Quả thật, đưa được một trung đoàn sang sông trong điều kiện như vậy không phải là chuyện đùa.

Đi được hơn một cây số tự nhiên tôi thấy bụng đau quặn. Tôi tạt xuống ruộng, ngồi tụt xuống. Rặn mãi chỉ xón ra tí nước nhầy. Tôi lê đất xuống cỏ để chùi (đào đâu ra giấy bây giờ?). Rồi đi tiếp. Một lát sau lại đau quặn. Lại tạt xuống ruộng. Lại tí nước nhầy. Lại đi. Lại đau quặn. Mấy lần như thế. Rồi tức mình tôi chẳng rẽ xuống ruộng nữa, cứ ngồi thụp ngay bên vệ đường. Lính từng người, từng tốp chạy qua sát mặt tôi. Kệ họ! Rồi cuối cùng mệt quá, hậu môn rất như phải bóng do lê xuống cỏ, tôi “giãn chính” nốt cả cái động tác ngồi xuống. Cứ khệnh khạng đi, và cứ mặc nó chảy ra quần, ướt hết đũng, rồi bò xuống đúi nóng nóng. Mặc! Nó làm việc nó, mình làm việc mình. Đường ta ta cứ đi.

Về đến địa điểm bố trí, thuộc huyện Phù Cừ thì trời còn tối, nhưng đã nghe thấy tiếng phụ nữ lao xao và tiếng lợn eng éc. Chị em Phù Cừ đang mổ lợn nấu cơm cho bộ đội vượt sông.

Tôi xuống ao, kỳ cọ một lúc tỉnh người. Vào nhà thì đã thấy cậu cần vụ bung về một bát tiết canh:

- Anh mệt quá nên bị nhiệt đấy thôi. Anh ăn đi, rồi ngủ một giấc, dậy sẽ khỏi.

Chẳng biết thực hư ra sao, nhưng đói quá tôi cứ cầm ăn. Mát ruột! Tôi ngủ độ nửa tiếng thì bật dậy đi nắm tình hình thương vong trong đêm vượt sông. Và mãi đến chiều mới để ý đến cái cơn đau bụng kiết lỵ kia đã biến đâu mất thật! Chẳng còn hiểu ra làm sao.

Nghỉ một ngày để chỉnh đốn đơn vị, bổ sung quân số, v.v... Một ngày “nghỉ” rồi tung rồi mù. Rồi ngay ngày hôm sau, tiểu đoàn tôi nhận được lệnh chuẩn bị gấp rút để đến tối lại vượt sông Luộc, lộn trở về Thái Bình. Địch đã cho một cánh quân từ thị xã Hưng Yên vòng xuống để truy kích chúng tôi. Trong khi đó, bên Thái Bình, địch đã “cát vó” xong, và đã bắt đầu rút một bộ phận, để lại một bộ phận làm công việc bình định. Nhiệm vụ của chúng tôi là trở về Thái Bình tạo cơ hội đánh bọn bình định ấy. Còn cánh quân truy kích của địch thì tiểu đoàn bạn sẽ ở lại đối phó với nó.

Trong một buổi hỏi cung tôi, ông Nhuận nói:

- Biết cái gì về anh Văn¹¹ thì khai ra.

Câu nói thật tế nhị trong sự mập mờ của nó. “Cái gì” là cái gì nhỉ?

Có, tôi biết một cái. Đích xác. Vì nó liên quan trực tiếp đến chúng tôi. Tức là đến ngày thứ năm của trận chống càn nói trên, khi chúng tôi còn đang chiến đấu trong vòng vây, đầy lo âu, chúng tôi đã nhận được một bức điện ngắn gọn:

“Các đồng chí cứ yên tâm. Chủ lực đã mở chiến dịch Lý Thường Kiệt đánh thu hút lực lượng địch, đỡ đòn cho các đồng chí. – Ký tên: VĂN”.

Chiến dịch Lý Thường Kiệt là chiến dịch Đại đoàn 312 đánh Nghĩa Lộ. Và quả thật, nhận được điện, chúng tôi đã yên tâm.

Nhưng khai cái này ra thì chắc ông Nhuận chẳng bằng lòng. Cái khác cơ! Cái khác thì tôi không biết.

Những năm hòa bình mới lập lại, tôi đã sống trong một không khí thật là hào hứng. Không phải chỉ là vì tôi bước vào hòa bình với trên vai một ba-lô thành tích có thể làm cho một thanh niên như tôi cảm thấy tự hào được. Cũng không chỉ vì đất nước tôi vừa mới thực hiện được một kỳ tích lịch sử chấn động địa cầu, mở đầu một phản ứng dây chuyền làm sụp đổ toàn bộ hệ thống thuộc địa thế giới. Mà còn là vì phong trào cộng sản quốc tế và phe xã hội chủ nghĩa đang ở đỉnh cao vinh quang chói lọi của nó. Liên Xô chiến thắng trong một cuộc chiến tranh đẫm máu chưa từng có trong lịch sử, đã cứu loài người khỏi hiểm họa phát-xít. Cách mạng Trung Quốc thành công ném một quả tạ ngàn cân lên cán cân so sánh lực lượng giữa hai phe trên thế giới. Và với Cu Ba, chủ nghĩa xã hội đã đặt được đầu cầu sang tận châu Mỹ. Rồi tên lửa vượt đại châu, rồi đại nhảy vọt, vân vân và vân vân... Không còn như Marx nói nữa:

¹¹ Bí danh của ông Võ Nguyên Giáp.

không phải bóng ma cộng sản đang ám ảnh châu Âu, mà là ánh hào quang của chủ nghĩa cộng sản đang tỏa ra khắp thế giới. Nhân loại khát khao hòa bình và nhân ái, mệt mỏi vì những tai ương mà chủ nghĩa tư bản đem lại cho họ – thất nghiệp và khủng hoảng định kỳ, sự bóc lột thuộc địa, hai cuộc đại chiến thế giới trong vòng ba mươi năm, chủ nghĩa phát-xít và lò thiêu người, v.v... – hướng con mắt hy vọng về phía những người cộng sản. Những đế quốc đầu sỏ cũng nhìn phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh lên bằng con mắt lo ngại và đã huy động toàn bộ lực lượng của họ để ngăn chặn làn sóng đỏ.

Lúc bấy giờ, là một người cộng sản quả thật là một niềm kiêu hãnh lớn lao.

Nếu là hoa tôi sẽ là hoa hướng dương

Nếu là chim tôi sẽ là bồ câu trắng

Nếu là người tôi sẽ là người cộng sản.

Mà tôi thì không những là người cộng sản, lại còn kiêm thêm là lính Cụ Hồ nữa.

Sau tiếp quản ít ngày tôi về thăm nhà. Gia đình tôi tản cư lên Việt Bắc vài năm, hết lương, đã hồi cư về Hà Nội. Hôm ấy về Hà Nội tôi đã đánh bộ quần áo cánh nâu, đội chiếc mũ lá, đi dép lốp, súng lục “Côn-bát” đeo trễ hông, cứ thế nhâng nháo bước giữa phố phường Hà Thành hoa lệ. Tôi có ngờ đâu hình ảnh của tôi lúc ấy chính là hình ảnh chàng trai lý tưởng của nhiều cô gái Hà Nội.

Ông cụ tôi cứ nhất định đòi sắm cho tôi một chiếc xe đạp và một bộ com-ple mới. Tất nhiên tôi chẳng nhận làm gì. Tôi không muốn đổi cuộc sống khắc khổ của bộ đội chúng tôi lấy bất cứ cái gì khác. Và quân lệnh như sơn, kỷ luật tiếp quản nghiêm như kỷ luật chiến trường. Ở đây không phải là những viên đạn đồng mà là những viên đạn bọc đường đang nhắm vào chúng tôi. Và lại tôi chẳng thiếu gì: trong tay tôi là cả một giang sơn, trong tầm tay tôi là cả thế giới.

Ông cụ tôi thấy tôi từ chối thì không bằng lòng. Cuối cùng cụ thốt lên:

- Nghiêm như Nhật!

Đối với cụ đó là lời khen ngợi cao nhất.

Bây giờ người ta tốn nhiều công sức để khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng. Thậm chí người ta còn phải ghi điều đó vào hiến pháp để không cho ai được phép nghi ngờ và phủ định. Nhưng đối với tôi hồi ấy, và chẳng phải riêng tôi, vấn đề thật rõ ràng rành, không cần nhiều lời, không cần hiến pháp. Đành rằng có những chuyện chẳng hay (ai mà tránh được không bao

giờ phạm sai lầm, kể cả Đảng?) nhưng chẳng rõ ràng ràng là Đảng đã dẫn dắt chúng tôi vượt qua muôn vàn thác ghềnh đi tới thắng lợi vĩ đại ngày nay hay sao? Chẳng phải là Đảng đã nêu cho tôi biết bao tấm gương hy sinh, tấm gương đồng cam cộng khổ với dân, hơn thế nữa, khổ trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư đó sao? Đảng đã dạy cho tôi biết phải trái, biết yêu, biết ghét, biết quên, biết nhớ, nhớ nổi nhục mất nước, quên bản thân mình. Trên ý nghĩa đó, Đảng đã sinh ra tôi lần thứ hai.

Mon parti m'a rendu les yeux et la mémoire
Je ne savais plus rien de ce qu'un enfant sait
Que mon sang fut si rouge et mon cœur français
Je savais seulement que la nuit était noire
Mon parti m'a rendu les yeux et la mémoire.¹²

Cho nên đối với tôi thì không nghi ngờ gì nữa, chủ nghĩa Mác – Lênin là chân lý phổ biến tung ra bốn biển đều đúng, rằng chủ nghĩa tư bản đang giẫy chết và chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng vô sản. Đối với tôi lúc ấy, tất cả những gì của Liên Xô, Trung Quốc đều là tốt, là đúng, và nếu có cái gì chưa tốt thì có thể giải thích được bằng những nguyên nhân khách quan, những điều kiện lịch sử cụ thể. Và tất cả những gì của tư bản, đế quốc đều là xấu, và nếu có cái gì xem ra là tốt thì chỉ là cái bề ngoài giả dối hoặc là cái phụ. Tôi đọc *Thăm Liên Xô về* của André Gide nó không vào, cứ bật ra, rồi cuối cùng tôi bỏ dở, không đủ kiên nhẫn đọc hết. Những bài báo hồi bấy giờ tôi viết thì đầy rẫy những câu trích dẫn của Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và đủ thứ nghị quyết của Đảng.

Không thể khác được. Không phải do tôi lựa chọn. Tôi chỉ thực sự lựa chọn có một điều: giành lại độc lập cho đất nước. Còn tất cả những cái khác là tự nó đến, dần dần, một cách tự nhiên. Và tôi cũng không phải người cuồng tín nhất.

Từ sau chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, tư tưởng Mao Trạch Đông ủa vào Việt Nam. Từ đó trở đi, càng ngày tôi càng cảm thấy mình bị coi là phần tử tiểu tư sản bấp bênh, hồi đó được gọi là dân “tạch tạch sè”. Chưa lấy gì làm nặng nề lắm nhưng đôi lúc cũng khó chịu, lâu dài thành mặc cảm. Mao Chủ tịch nói: “Tri thức sách vở không bằng cục cút. Cút còn bón được ruộng chứ tri thức sách vở thì không dùng được vào việc gì”. Mà tôi thì hầu như chỉ có tri thức

¹² Tiếng Pháp, thơ Louis Aragon: Đảng đã trả lại cho tôi đôi mắt và trí nhớ. Trước đây tôi không biết cả những điều mà đứa trẻ con cũng biết. Tôi không biết rằng máu tôi đỏ thắm và trái tim tôi là một trái tim Pháp. Tôi chỉ biết rằng đêm thật tăm tối.

sách vở. Thế mới thật là mệt! Chính cái đó đã kích thích tôi cứ nằng nặc xin bằng được ra đơn vị chiến đấu. Để xem mèo nào cắn mỉu nào!

Như trên tôi đã nói, ông cụ tôi là một ông giáo. Một ông giáo tiểu học trường tư, nhưng đã nghỉ dạy mấy năm trước Cách mạng Tháng Tám, ở nhà giúp bà mẹ quanh năm đầu ồm của tôi trông nom cửa hàng tạp hóa của bà. Kiểu buôn bán là như thế này: lấy lại hàng của các cửa hàng lớn chuyên doanh, đều là chủ hàng quen, đem về bán lại cho các bà hàng xén chợ nhà quê (Đình Bảng, chợ Dầu, v.v...) cũng đều là khách hàng quen, cứ dăm bảy ngày lại gánh đôi bò to tướng ra cất hàng: một súc vở học trò, vài tá bút chì, vài cân đường cát, một cân phèn chua, vài ba cân miến, chục bao nển, một tá khăn mặt, v.v... tạp pí lù, khoảng vài chục món như thế chất đầy vào hai cái bò. Câu “linh tinh như cái bò hàng xén” xuất xứ là như thế. Bà khách hàng ngồi tựa gối trên phản vừa bồm bẻm nhai trầu, vừa xướng lên những món hàng mình cần, xướng đến đâu thì bố tôi lại ghi thành cột vào quyển vở mua hàng lem nhem của bà, còn mẹ tôi thì gáy bàn tính lách cách tính tiền. Tôi làm cái nhiệm vụ đi lấy hàng, nghĩa là chỉ có việc đến nhà chủ hàng bảo họ mang đến cho một tải đường chẳng hạn; tuổi nhỏ mãi chơi, nhiều lúc đi được nửa đường thì quên, không nhớ ở nhà dặn đi lấy gì, phải quay về hỏi lại.

Tản cư theo kháng chiến cụ tưởng chỉ vài ba năm là cùng. Cụ gửi giấy tờ vào Hà Nội nhờ bán cái nhà lấy tiền theo đuổi kháng chiến đến thắng lợi. Bán tổng bán tháo. Dân thành thị, chồng già, vợ ốm, con nhỏ, không nghề nghề gì, chỉ ngồi ăn thì núi cũng lở. Ăn đã mòn vẹt cả cái nhà mà xem ra kháng chiến vẫn chưa đâu vào đâu, nên đầu năm 1951 lại dất dứu khiêng cáng nhau hồi cư. Về Hà Nội không có nhà, lên ở nhờ nhà thờ tổ. Còn ít tiền, chung vốn với một người cháu mở hàng phở. Hàng phở ăn dần vào vốn. Lại quay trở về nghề hàng xén. Vốn ít, cửa hàng không có thì ngồi vỉa hè vậy. May mắn có ông anh vợ chỉ tản cư có mấy tháng, sớm hồi cư nên nhà cửa còn giữ được, và thời chiến tranh buôn bán phát lên như điều, nên khá giả. Tình anh em, ông giúp đỡ bố mẹ tôi và cho ngồi nhờ đầu hè. May mắn thứ hai là cụ đã có một “sáng kiến”: đá lửa đen bán được giá hơn đá lửa trắng. Cụ bèn cạy bút chì ra lấy ruột, cạo

thành bột, rồi tóit tóit cả nhà ngồi xúm lại hồ đá trắng bằng bột chì. Rồi bán lại cho các cửa hiệu buôn. Cái công việc tạp nham chẳng ai thèm làm ấy, không ngờ lại kiếm được khá.

Khi tôi đi kháng chiến về thì các cụ đã thuê được một cửa hàng nhỏ, buôn bán cũng có vẻ nhộn nhịp, và vẫn cung cách như ngày trước. Và ngồi đâu tôi cũng thấy những viên đá lửa nằm lọt trong khe giường, khe bàn ghế.

Lần tôi về Hà Nội khi mới tiếp quản, ông bác tôi – ông bác đã cho bố mẹ tôi ngồi nhờ cửa hàng – một hôm sang chơi nhà tôi, về mặt rất băn khoăn, và hỏi tôi:

- Hôm qua có ba ông bộ đội vào nhà bác hỏi lời thôi nhiều chuyện lắm. Hình như muốn dò la cái gì đấy. Một lần trước đã có ba ông vào, bây giờ lại ba ông khác. Liệu có sợ gì không anh?

Tôi cười giải thích rằng anh em đến thăm hỏi đấy thôi, bộ đội ta ở đâu mà chẳng phải thăm hỏi dân.

Đúng là bộ đội tiếp quản phải làm công tác dân vận, đi thăm hỏi dân, và phải đi thành tổ “tam tam chế” (tổ ba người), đảm bảo an toàn. Anh em ở nông thôn và miền ngược không quen giao tiếp với dân thành thị vùng mới giải phóng, có thể đã thăm hỏi... kỹ quá, nên dễ bị hiểu lầm. Lời giải thích của tôi không làm cho ông bác tôi yên tâm. Và khi quân Pháp rút khỏi Hải Phòng thì ông đã cùng đi theo vào Sài Gòn, để lại bức thư cho bố mẹ tôi bảo dọn sang nhà ông, ở trông nhà hộ. Bố tôi là người cẩn thận, đã lên báo cáo ủy ban và nộp hết đồ đạc của ông anh để lại: sập gụ, tủ chè... và được giữ lại quây, tủ hàng và số ít hàng hóa ông anh để lại để nguy trang việc chuẩn bị ra đi của ông.

Lúc này, ông cụ tôi ở đỉnh cao của sự phấn khởi: nước nhà đã độc lập, gia đình còn nguyên không sút mẻ ai, con lớn có công với cách mạng, tự dựng mình có nhà ở và cửa hàng đảng hoàng. Cụ hăng hái tham gia các hoạt động xã hội ở khu phố. Rồi người ta kết nạp cụ vào Đảng Dân chủ. Cụ không biết rằng Đảng Dân chủ là do cộng sản tổ chức ra để thu hút những người bị coi là tư sản. Không rõ cái nguy cơ ẩn náu trong việc kết nạp ấy, cụ càng phấn khởi và càng hăng hái hơn. Từ nay cụ cũng là “đảng viên”, được đi họp “chi bộ” và xưng hô với nhau bằng “đồng chí”, được làm “công tác đảng”. Trước đó cụ mặc áo lương, quần trắng, áo dài trắng hay thâm tùy mùa, đội khăn xếp, đi giày tây. Bây giờ thành đồng chí rồi, cụ chuyển sang mặc bộ đồ com-plê ka-ki, đội mũ cát ka-ki. Còn cái sự không biết đi xe đạp thì không thể khắc phục được. Đi họp, cứ cuốc bộ phẳng phẳng, dù họp ở xa đến đâu. Nhìn cụ, tôi cảm thấy tội nghiệp.

Đi kháng chiến về tôi thấy tính tình cụ thay đổi nhiều, dễ dãi ra hẳn, rất khoan dung. Có lẽ vì cụ cảm thấy xung quanh mình mọi sự đều tốt đẹp.

Thuở bé tôi là một đứa trẻ ham chơi và rất sợ đi ỉa. Chẳng là vì nhà xí thùng ở thành phố rất hôi. Thường là tôi nhịn cho đến lúc tình hình căng thẳng thì mới đi. Cởi truồng đứng trước cửa nhà xí, tôi hít một hơi dài, mở cửa lao vội vào, cứt bom rơi đánh bịch một cái rồi chạy ra, mặt đỏ tía tai vì cái động tác nín thở bóp cò ấy. Một lần, để trì hoãn công việc khổ ải này, tôi lấy giấy cuộn thành cái nút, đút nút lỗ đít lại. Thấy có mùi thối thối, cụ túm lấy tôi, lột phăng quần ra, rồi kêu lên:

- Đứng rồi, có cục cứt thối lòi ra đây này!

Đâu phải! Đó là cái nút giấy thối. Cái nút giấy rút ra có mùi không được thơm tho gì cho lắm. Không cần phải kể sự thể sau đó đã xảy ra không êm đềm như thế nào.

Thằng con đầu lòng của tôi hình như cũng mang cái gien ấy. Hồi lên năm lên sáu, nó ở với cụ. Một hôm nó đi chơi đâu không thấy mặt, cụ bỏ đi tìm. Và thấy ông mãnh ở chợ Hàng Da, cởi truồng, đang hí húi giặt cái quần ỉa đùn ở máy nước công cộng. Những tội tà đình như thế xưa kia thì đầy hậu quả, nhưng bây giờ chỉ làm cụ buồn cười.

Rồi trong niềm vui đất nước giải phóng, gia đình đoàn tụ, làm ăn yên ổn, dần dần có cái gì nổi cộm: thuế má đánh ngày càng nặng. Cụ cắn răng chịu không để lộ gì ra với tôi. Thỉnh thoảng về nhà, tôi chỉ thấy hai cụ thì thầm bàn luận có vẻ băn khoăn lắm. Hàng phố nhiều nhà đã nghỉ buôn, cứ lấy cái vốn để ngồi ăn dần. Cụ tôi thì không dám, sợ bị “đảng” của cụ phê bình là phản ứng với chính sách của Đảng. Nhưng cụ cũng thu nhỏ bớt lại để hạn chế thiệt hại. Làm ít lỗ ít, làm nhiều lỗ nhiều, càng làm càng lỗ. Cụ thực sự hoang mang, không còn hiểu ra làm sao. Cụ làm sao hiểu được rằng đó là người ta đang làm cái việc tước đoạt lại của những kẻ đi tước đoạt. Cụ sẽ còn phải mất hết.

Rồi cái gì phải xảy ra đã xảy ra: người ta triệu tập cụ đi học tập cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Họa vô đơn chí, thấy một cục hạch nổi lên ở cổ, cụ đi khám thì người ta kết luận là ung thư hạch (*Lymphosarcome*), một trong mấy dạng ung thư nguy hiểm nhất. Ai cũng biết người bị ung thư chỉ mấy tháng cuối cùng mới đau đớn và rạc đi nhanh, còn trước đó trông vẫn như người bình thường. Cụ vẫn đi họp, làm “công tác đảng”, học tập cải tạo và ngày ngày vẫn cuốc bộ đến bệnh viện 108, cả đi lẫn về khoảng sáu, bảy cây số, để chạy tia phóng xạ. Vẫn làm mọi việc băng băng, nhưng xem về trầm uất, ít nói.

Đầu năm 1961, bệnh của cụ bước vào giai đoạn cuối. Cổ và ngực đen thui và cứng như mo nang vì sự bắn phá của tia phóng xạ. Thở bắt đầu khó vì các u chèn ép. Bây giờ thì cụ chỉ còn ngồi trên giường bó gối, chiếc chăn trùm quanh vai, không nói năng gì. Một hôm tôi về nhà đang ngồi thì có một chị cán bộ ban cải tạo vào. Chị thăm hỏi rồi gợi ý nếu cố gắng đi được thì cụ nên đi học tiếp, còn vài buổi nữa thôi. Hôm ấy lần đầu tiên tôi thấy cụ phản kháng. Cụ tung chăn ra, phanh ngực áo gõ bồm bộp vào bộ ngực đen sì và cứng như gỗ của mình, nói gay gắt:

- Sắp chết đây này, học với hành gì!

Tất nhiên là chị cán bộ chỉ còn biết rút lui sao cho đẹp. Còn cụ thì quay mặt đi tránh nhìn tôi. Cụ đang bị cuộc đời dồn vào chân tường. Mà tôi thì không làm gì được cho cụ cả. Cả hai cái tai họa đổ lên đầu cụ đều bất khả kháng.

Rồi bắt đầu những cơn đau dữ dội. Nhăn nhó, quần quai nhưng không kêu la. Bây giờ tất cả tâm trí của cụ chỉ còn có ngong ngóng đợi vợ tôi về tiêm cho mũi moóc-phin. Và hôm nào cũng vậy, khi vợ tôi ra đi, cụ lại năn nỉ dặn:

- Mai chị nhớ về tiêm cho tôi nhá...

Cụ chỉ lo vợ tôi quên.

Đến lúc này thì đêm đêm tôi phải về nhà ngủ, canh cụ thay cho mẹ tôi đã quá mệt mỏi. Đêm hôm ấy như thường lệ, tôi rời tòa soạn, về nhà. Trong đêm ấy tôi phải viết xong bài xã luận nói về Nghị quyết III của Đảng, nghị quyết xây dựng xã hội chủ nghĩa. Tôi đã chọn một câu trong bài thơ chúc Tết đầu năm của Hồ Chủ tịch để làm đầu đề cho bài xã luận: “Đường lên hạnh phúc rộng thênh thang”.

Tôi ngồi một mình trên chiếc bàn đá tròn kê gần giường cụ, cầm bút viết. Và thỉnh thoảng lại ngó sang. Cụ nằm nhắm mắt, thở mệt nhọc. Khoảng hai giờ sáng viết xong, tôi ra nhìn cụ một lần nữa, rồi ngả lưng xuống chiếc ghế dài, ngủ thiếp đi.

Sáng, bừng tỉnh dậy ra xem thì người cụ đã lạnh. Cụ đi không giới giăng được câu nào.

Tôi chạy vội lên gác gọi mẹ và hai em tôi xuống.

Qua lúc xúc động, khóc lóc, tôi nhìn khuôn mặt khắc khổ của cụ, trong lòng băng khuâng... “Đường lên hạnh phúc rộng thênh thang”.

Cuối năm 1963, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ IX, khóa Đại hội III, ra nghị quyết “chống chủ nghĩa xét lại hiện đại”. Trước đó ba năm, Đảng đã ký vào bản Tuyên ngôn Cương lĩnh chung của 81 đảng cộng sản và công nhân thế giới, chấp nhận lập trường chung của 81 đảng. Nhưng sau đó thì từng bước ngả sang lập trường mao-ít của Đảng Cộng sản Trung Quốc, và đến Nghị quyết IX thì ngả hẳn, coi lập trường của 81 đảng do Liên Xô đề xướng là chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Anh Văn Doãn, tổng biên tập báo *Quân đội Nhân dân*, lúc ấy đang học ở trường Đảng cao cấp của Liên Xô, được tin trên đã xin ở lại cư trú chính trị ở Liên Xô cùng các anh Lê Vinh Quốc, nguyên phó chính ủy Đại đoàn 308, chính ủy quân khu Tả Ngạn, và anh Nguyễn Minh Cần, thường vụ thành ủy, phó chủ tịch Hà Nội. Việc Văn Doãn ở lại Liên Xô đã đặt ban biên tập báo *Quân đội Nhân dân* chúng tôi, và cá nhân tôi vào một tình thế tế nhị.

Doãn đối với tôi là một người bạn khá gần gũi. Tôi nhớ cách đó hai mươi năm, tức là năm 1944, khi tôi mới tham gia Việt Minh ít lâu, một hôm tôi được nhóm trưởng hẹn đến một địa điểm ở phố Hàng Bát Đàn, Hà Nội, để nghe một thượng cấp giảng chính trị. Tôi đến thì gặp một thanh niên thấp nhưng đậm người, củ mì củ mì, có đôi mắt to và sáng. Đó là Văn Doãn. Thượng cấp của tôi lúc ấy mới mười bảy tuổi (còn kém tôi một tuổi) là người Duyên Hà, Thái Bình, lên Hà Nội làm gia sư để kiếm tiền trợ học.

Lớp học ấy đối với tôi là một sự khám phá. Cho tới lúc ấy, toàn bộ vốn liếng chính trị của tôi được gói gọn trong hai cuốn *Đông Dương SOS* của Viollis và *Việt Nam* của Malraux, tôi đã mượn đọc ở thư viện trung ương, và trong nội dung những tờ truyền đơn bướm bướm mà tôi đã dán đại ở các góc phố hoặc đút bừa vào khe cửa các nhà: Ủng hộ Việt Minh, Đánh đuổi Nhật Pháp, Việt Nam độc lập. Và đây là lần đầu tiên tôi được biết thế giới chia làm hai phe, có bốn mâu thuẫn, được biết thế nào là tuyên truyền, tổ chức quần chúng, v.v... tóm lại là nội dung của cái được gọi là “bốn bài Việt Minh”. Văn Doãn không quên đem câu chuyện quá trùng nở ra con gà để giải thích cho chúng tôi rõ cách mạng sẽ nở ra như thế nào, nghĩa là theo quy luật lượng đổi dẫn đến chất đổi.

Sau đó ít lâu, Doãn về quê tham gia phong trào địa phương và cướp chính quyền xong, làm chủ tịch huyện Duyên Hà, rồi trưởng ty công an tỉnh. Lần Cụ Hồ về thăm Thái Bình, Doãn lên bộ com-plê, cra-vát ra đón. Chắc hẳn thấy anh chàng non choẹt đóng bộ com-plê nom buồn cười, Cụ đã túm lấy cra-vát của Doãn kéo thít vào cổ, nói đùa:

- Cái chú này, đeo cái dây thắt cổ này vào làm gì!

Tháng Mười một năm 1946, súng nổ ở Hải Phòng, cuộc kháng chiến ở Hải Phòng đã nổ ra sớm hơn kháng chiến toàn quốc một tháng. Lúc ấy tôi đang ở Hà Nội tham gia việc xây dựng chiến lũy đường phố, bỗng một hôm nhận được thư của Doãn. Thư viết ngắn gọn, bằng một giọng Jacobin¹³ đối với tôi lúc ấy không phải là không có sức thuyết phục. Đại thể là: quân thù đã nổ súng, tổ quốc lâm nguy, hãy xốc tới mặt trận, v.v... và cuối cùng rủ tôi và Mai Luân về làm báo *Quân Bạch Đằng* của chiến khu III với anh. Hai chúng tôi đã ra đi theo tiếng gọi của tổ quốc lâm nguy, về Thái Bình làm báo với anh mấy năm. Sau đó mỗi người đi một ngả, ra đơn vị chiến đấu. Doãn về làm chính ủy Trung đoàn 52 Đại đoàn 320, tôi về Tả Ngạn.

Hai năm sau khi hòa bình lập lại, tôi về báo *Quân đội Nhân dân*, gặp lại Văn Doãn thì Doãn nghiêm nhiên đã trở thành “cây lý luận”. Lên lớp chính trị không cần giấy bao giờ, cứ hai tay đút túi quần mà rủ rỉ nói cả ngày, trích dẫn từng đoạn dài của Marx – Lenin, v.v... cảm sai chữ nào, nghe rất sượng tai. Những dịp có bài mang tính chất lý luận cần viết cho báo chí trong hoặc ngoài nước, ông Đại tướng Võ Nguyên Giáp thường giao cho Doãn chấp bút. Cả ông Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cũng vậy. Một lần ông Thanh giao cho Doãn viết một bài quan trọng, tôi nhớ là bài “Chiến tranh nhân dân” thì phải. Doãn đã viết một bài đăng kín hai trang báo, sau đó nhà xuất bản Sự thật in thành sách. Ông Thanh không biết nghĩ như thế nào, không nhớ ký tên một mình, bảo ký tên hai đồng tác giả: Nguyễn Chí Thanh – Văn Doãn.

Báo *Quân đội Nhân dân* nổi đình đám một thời thì một phần quan trọng cũng là nhờ lòng nhiệt tình, tài năng sắc sảo và đầu óc nhạy bén của Doãn. Và về sau báo *Quân đội Nhân dân* có trở thành cái “lô cốt của chủ nghĩa xét lại hiện đại” (theo như nhận định của Tổng cục Chính trị) cần phải đập tan và người ta đã đập tan thì một phần quan trọng là “tội” của Doãn.

Nhà ở của Doãn cách tòa soạn vài bước, trước đây tấp nập, từ ngày Doãn đi không ai dám lai vãng. Chị Huyền, vợ của Doãn, hồi bí mật từng làm giao liên cho nhiều đồng chí lãnh đạo, trong số đó có ông Văn Tiến Dũng, lâu nay về làm hành chính cho báo *Quân đội Nhân dân*, ngày ngày đến cơ quan, âm thầm như một cái bóng, không dám trò chuyện riêng với ai.

¹³ *Jacobin* (Gia-cô-banh): phái tả trong cuộc Đại Cách mạng Pháp.

Và ngày ngày bà mẹ già của Doãn còng lưng quét lá rụng trên đường Lý Nam Đế về đụn, vì lương của một mình chị Huyền bây giờ phải nuôi sáu bà cháu.

Năm ấy đưa con trai lớn của tôi chuẩn bị thi hết cấp hai. Tôi tổ chức một nhóm bạn bè của nó đến nhà tôi nhờ một thầy phụ đạo vào các chủ nhật. Chị Huyền ngó ý với tôi muốn cho thằng bé đầu lòng của chị đến cùng học. Hai thằng bé cùng tuổi, hai bà mẹ cùng sinh ra hai cháu và cùng nuôi con ở rừng Đầm Đa, Chi Nê. Và bây giờ bố nó đi, thằng bé nhà Doãn không có người kèm cặp. Nhưng nó chỉ đến học được vài buổi thì phải thôi vì ông Phạm Ngọc Mậu, phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đã chỉ thị cho báo *Quân đội Nhân dân* kiểm điểm tôi vì đã “thương xót con cái phản động”.

Rồi một buổi sáng, không báo trước, Tổng cục Chính trị cho xe đến bóc cả nhà Doãn, già trẻ lớn bé lít nhít, đưa thốc lên Vĩnh Yên giao cho một đơn vị quân y quản lý.

Chừng vài năm sau, tôi nghe tin đồn Doãn đã chết ở Liên Xô. Người ta bảo Doãn đã nhảy từ một tầng nhà cao xuống tự tử. Tôi không tin. Vì trong bao nhiêu năm tôi cứ đinh ninh là Doãn, Quốc và Cần ở lại Liên Xô đã tìm thấy môi trường chính trị thích hợp và chắc là các anh sẽ làm được nhiều việc, chí ít thì cũng học tập được thành tài. Thiếu những thông tin xác thực tôi cứ nghĩ rằng khi thay Khrushchev, Brezhnev vẫn tiếp tục đường lối của Đại hội XX, chỉ có khác là mềm mỏng và thận trọng hơn mà thôi. Đài phát thanh Bắc Kinh đã chẳng nói ra rả rằng Brezhnev là chủ nghĩa Khrushchev không có Khrushchev đó sao? Còn các nhà lãnh đạo của ta thì vẫn thi hành chính sách hai mặt, vừa tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô vừa chống chủ nghĩa xét lại Liên Xô. Hàng chục năm về sau dưới ánh sáng cải tổ của Liên Xô, tôi mới vỡ lẽ chế độ Brezhnev là như thế nào. Và đến lúc ấy tôi mới hiểu được cái bi kịch của Doãn, Quốc và Cần. Vậy hãy còn may mắn là các anh không bị trục xuất trả về nước. Nghe nói anh Minh Cần cũng bị ý nghĩ quyên sinh ám ảnh một thời gian dài.

Những nẻo đường nào đã đưa Văn Doãn, một thanh niên yêu nước và đảng viên cộng sản nhiệt thành, một con người hiền lành nhất mực không hề đầu đá ai bao giờ, đã được mệnh danh là Doãn bụt và được chị em phụ nữ, kể cả các cô văn công xinh đẹp quý mến và tin cậy gửi gắm tâm sự riêng (chắc vì quan hệ với anh thì rất an toàn, không sợ bị xảy ra sự cố), một con người khiêm tốn ưa sống nội tâm, không thích xuất đầu lộ diện, ít nói, ngồi trò chuyện đông thường chỉ nghe và mỉm cười¹⁴, một cán bộ đã chiếm được lòng tin vững chắc của nhiều

¹⁴ Đi họp Đại hội Đảng lần thứ III, khi đứng chụp ảnh chung, Doãn cứ đứng lẫn ở hàng cuối, chẳng may bị Cụ Hồ trông thấy. Cụ đã xuống kéo Doãn lên: “Cái chú này, đã lùn lại còn đứng đằng sau. Lên đây!”. Trong bức ảnh, Doãn đứng ở rìa hàng đầu, mỉm cười bẽn lèn.

nhà lãnh đạo Đảng và quân đội, những nẻo đường nào đã đưa con người như thế đến chỗ trở thành “một tên phản quốc lưu vong”? Đó cũng là những nẻo đường đã dẫn tôi và nhiều anh em khác vào nhà tù Hỏa Lò.

Vậy là bước đường đoạn trường của chúng tôi bắt đầu từ Nghị quyết IX năm 1963. Trong học tập nghị quyết, tuyệt đại đa số anh em chúng tôi ở báo *Quân đội Nhân dân* đã tỏ ra không thông. Phần lớn phát biểu vòng vo, có che chắn, dưới dạng thắc mắc, còn thẳng thắn cũng chỉ vài ba người. Và cũng chỉ tương đối thẳng thắn thôi, vì cũng sợ. Người phát biểu thẳng thắn hơn cả là anh Đào Phan, tức Đào Duy Dính. Ngồi họp anh đặt trước mặt mình cả một chồng sách báo, các loại nghị quyết để trích dẫn làm bằng chứng, chứng minh rằng Nghị quyết IX là trái với chủ nghĩa Mác – Lênin, trái với nghị quyết Đại hội III và các nghị quyết trước đây của bản thân Trung ương. Anh em nhà họ Đào (Đào Duy Anh, Đào Duy Kỳ, Đào Duy Dính) quả thực là có gien búng binh. Chẳng thế mà ông Lê Quang Đạo, lúc ấy là phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đã nói: cứ mỗi lần Đảng “gặp khó khăn” là y như rằng thấy Đào Phan “xuất hiện”. Lần trước Đảng gặp khó khăn và Đào Phan đã “xuất hiện” là lần sai lầm cải cách ruộng đất, tiếp theo là vụ Nhân văn giai phẩm.

Về cuối đợt học tập, một số anh em chúng tôi tin vào lời đã thông là ai chưa thông thì có quyền bảo lưu ý kiến, đã xin bảo lưu. Sau chuyện tổng biên tập Văn Doãn ở lại Liên Xô xin cư trú chính trị, việc làm trên của chúng tôi quả thật là một hành động khinh xuất.

Cho nên chỉ sau đó ít lâu, báo *Quân đội Nhân dân* bị tính sổ. Tổng cục Chính trị cho rà soát lại nội dung các số báo *Quân đội Nhân dân* đã phát hành mấy năm qua để tìm những chỗ viết sai đường lối của Đảng. Và người được giao cái công việc bới lông tìm vết ấy không phải ai khác là chính ông Bùi Tín, lúc ấy là một cán bộ Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị. Tôi kể chuyện này không hề có ý định bới móc ông Bùi Tín. Trái lại, tôi cũng muốn tỏ lời hoan nghênh ông trong hai quyển sách của mình đã kéo cái vụ đàn áp được người ta bung bít rất kỹ lưỡng này ra trước ánh sáng dư luận. Nhắc lại chuyện này tôi chỉ muốn nói rằng chúng ta đều từ một lò mà ra cả, chẳng qua là kẻ ra trước người ra sau, mỗi người ra một kiểu mà thôi. Và trước sau rồi sẽ ra hết.

Đó là sự lật xác của cả một thế hệ đã có một thời ngộ nhận chân lý, một sự tự phủ định day dứt kéo dài. Đối với tôi, quá trình ấy kéo dài hơn ba mươi năm, từ năm 1960, khi những tư tưởng của Đại hội XX, Đảng Cộng sản Liên Xô và hội nghị 81 đảng bắt đầu thấm vào tôi.

Đối với các bạn trẻ bây giờ thì “Đại hội XX” không gây một ấn tượng nào cả, thậm chí các bạn cũng chẳng biết nó là cái gì. Nhưng đối với thế hệ chúng tôi lúc bấy giờ thì nó là một cú sốc dữ dội. Nó là quả bom tấn nổ bất thần trên bầu trời tưởng như quang đặng của thế giới cộng sản.

Thế là sau mấy chục năm trời dối trá, một sự dối trá đã tung được hỏa mù vào cả những bộ óc vĩ đại nhất, những nhà bác học, nhà văn, nhà thơ tầm nhân loại, những “Giải thưởng Nobel”, từ Langevin, Curie đến Sartre và Aragon, bức màn bí mật bao phủ chế độ Xô Viết đã bị xé toang, phơi bày ra ánh sáng những tội ác ghê tởm của chế độ độc tài Stalin. Và xé toang bởi một người mà không ai có thể nghi ngờ được độ đáng tin cậy của lời nói: Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, Nikita Khrushchev. Bản báo cáo của Khrushchev đã làm chấn động thế giới và nổi tiếng đến mức người ta không gọi bằng cái tên gọi nào khác là cái tên tắt “Bản báo cáo K”.

Lúc ấy Stalin đang là một huyền thoại. Ta nhớ rằng khi Stalin chết hàng ngày có hàng ngàn người dân Moskva đến tụ tập ở Quảng trường Đỏ khóc lóc:

- Stalin chết rồi ta biết sống với ai?

Cứ như Stalin chết thì trời sập vậy.

Ở Việt Nam ông được coi là ông thánh không bao giờ phạm sai lầm. Năm 1949, ở Việt Bắc, ông Nguyễn Sơn và ông Bùi Công Trừng đến giảng ở trường Nguyễn Ái Quốc đã phê phán kịch liệt chính sách ruộng đất của Đảng và khẩu hiệu “tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công”. Hai ông được nhiều người đồng tình. Ông Trường Chinh giải đáp không xong. Cuối cùng Cụ Hồ đến chỉ cần nói một câu: Bác đã sang Liên Xô báo cáo với đồng chí Stalin. Đồng chí Stalin hoàn toàn tán thành đường lối của Đảng ta. Stalin đã nói đúng là đúng.

Thế là xong! Nhẹ nhàng.

Cho nên vạch trần tội ác của Stalin đòi hỏi phải có một tinh thần dũng cảm lớn lao: lòng dũng cảm ấy đã phải trả giá đắt. Về sau này là cái giá của sự phân liệt của phong trào công sản quốc tế. Phe xã hội chủ nghĩa vững như núi Thái Sơn đã tách làm đôi. Tất cả các đảng cộng sản trên thế giới đều tách làm đôi (ở những đảng cầm quyền thì tách làm hai khuynh hướng cùng tồn tại trong một tổ chức, ở nhiều đảng không cầm quyền thì đã tách ra cả về mặt tổ chức, mỗi đảng thành hai đảng đều tự coi mình là mác-xít – lê-nin-nít).

Còn ngay lúc ấy trên thế giới diễn ra cả một trào lưu rời bỏ hàng ngũ đảng cộng sản (ở các nước đảng chưa nắm được chính quyền) của những người, chủ yếu là trong giới trí thức và đại trí thức, vốn vẫn hoài bão lý tưởng giải phóng con người của chủ nghĩa xã hội, lâu nay bán tín bán nghi trước những lời tố cáo chế độ Xô Viết nhưng vẫn cố giữ lòng tin, thì nay, trước sự thật phũ phàng, đã buộc phải đi đến kết luận: cái mà người ta gọi là chủ nghĩa xã hội chỉ là chế độ toàn trị (*totalitarisme*) của một đảng quyền lực độc tôn thống trị không có kiểm soát. Chế độ ấy không phải giải phóng con người mà chỉ nhân danh sự giải phóng con người để thay sự áp bức này bằng sự áp bức khác mà thôi. Một niềm hy vọng bị lừa dối.

Cái cơn lốc ấy cũng dẫn đến những thâm kịch cá nhân: nhà văn lớn Fadeev, chủ tịch Hội Nhà văn Liên Xô, đã tự sát. Người ta bảo là ông hối hận, vì đã dính vào việc đàn áp các nhà văn Xô Viết. Tôi không rõ tội của ông là thế nào nhưng trước hành động tự sát ấy, tôi kính trọng ông. Cũng như tôi đã kính trọng ông Piroth, trung tá pháo binh Pháp, phó tư lệnh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đã rút lựu đạn tự tử vì pháo của ông ta đã không làm tròn nhiệm vụ¹⁵. Tôi không hiểu tại sao báo chí của ta nhắc tới chuyện tự sát này của Piroth bao giờ cũng bằng giọng dè bieu và đắc chí, trong khi chúng ta rất tự hào về hành động tuần tiết của Hoàng Diệu khi thành Hà Nội thất thủ. Còn tôi thì đôi lúc cứ nghĩ sao ở ta không có một Fadeev hay Piroth nào nhỉ? Mặc dù khối vị có đủ lý do để hành động như hai ông.

Đối với tôi, và có lẽ cũng là đối với tuyệt đại đa số những người cộng sản Việt Nam thì bản báo cáo của Khrushchev chỉ là nói lên những lỗi lầm của cá nhân Stalin mà thôi, và khắc phục được những sai lầm đó, chủ nghĩa xã hội sẽ trở lại trong sáng hơn xưa. Niềm tin của tôi vào chủ nghĩa xã hội không những không bị lung lay mà còn vững chắc hơn. Và quả thật Đại hội XX không chỉ phê phán tệ sùng bái cá nhân Stalin, mà còn đưa ra một loạt luận điểm nó đem lại một bộ mặt mới cho chủ nghĩa xã hội.

¹⁵ Một kỷ niệm riêng của tôi về ông Piroth này đã làm cho tôi nghĩ đến ông. Năm 1953, ở Thái Bình, ông ta là phó tư lệnh trận càn mang tên "Con trâu". Đêm cuối cùng của trận càn, tiểu đoàn tôi đã tập kích tiêu diệt chỉ huy sở chiến dịch của ông ta đóng dã chiến ở bãi bóng thị xã Thái Bình. Trong lúc nghỉ chân trên đường rút quân, tôi căn vặn những sĩ quan Pháp mà chúng tôi bắt được làm tù binh: "Ai trong các anh là trung tá Piroth?". Vì trước khi đánh tôi đã biết rằng tư lệnh trận càn, đại tá de Castrie (chính ông Đờ Cát ở Điện Biên Phủ) sáng hôm ấy đã về Nam Định, chỉ còn phó tư lệnh Piroth ở lại chỉ huy sở. Các tù binh Pháp trả lời: "Ông Piroth là người cụt một cánh tay, mà ông thấy đấy, trong chúng tôi không ai cụt tay cả". Về nơi trú quân, thu gom chiến lợi phẩm, chúng tôi thấy có một khẩu súng lục chỉ huy rất đẹp và một đồng hồ quả quýt mạ vàng trên có khắc mấy chữ: Lt Colonel Piroth. Anh em báo cáo là thu được ở xác một sĩ quan Pháp cụt một tay nằm chết dưới gầm bàn. Chúng tôi đã báo cáo lên trên là trong sổ địch bị tiêu diệt có quan năm Piroth, và gửi khẩu súng cùng chiếc đồng hồ lên tặng Hồ Chủ tịch. Nhưng ít lâu sau lại thấy ông ta xuất hiện ở Điện Biên Phủ. Có nghĩa là đêm hôm ấy ông ta chỉ giả chết. Vậy là đời ông ta chí ít cũng có hai lần chết hụt. Lần thứ nhất ở Ý, trong đại chiến thế giới, khi ông bị thương phải cưa cụt một tay. Tưởng như thế thì ông phải quý cái mạng của mình lắm. Nhưng ông đã quý danh dự của mình hơn. Không đáng kính trọng sao?

Hòn đá tảng của Đại hội XX là tinh thần hòa bình. Hòa hoãn, hòa dịu, chung sống hòa bình, thi đua hòa bình, hợp tác và học tập lẫn nhau giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, giải quyết các cuộc tranh chấp bằng thương lượng hòa bình, chấm dứt chạy đua vũ trang, giải trừ quân bị... Rồi bản thân cách mạng vô sản cũng được dự kiến một con đường mới, con đường quá độ hòa bình. Về chính sách đối nội là tinh thần dân chủ hóa. Dân chủ hóa sinh hoạt xã hội, sinh hoạt Đảng, nhấn mạnh pháp chế xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa quản lý kinh tế...

Bây giờ đây ta thấy những điều đó là chuyện đương nhiên, được thực hiện khắp nơi, và còn làm quá thế nhiều. Nhưng chính những điều đó hồi ấy đã bị coi là chủ nghĩa xét lại hiện đại. Một thí dụ: bây giờ các vị lãnh tụ của ta đi thăm các nước tư bản tấp nập để tìm kiếm sự hợp tác giúp đỡ. Người đầu tiên thực hiện chính sách ngoại giao cởi mở ấy chính là Khrushchev (và đi đến đâu, kể cả đến Mỹ, tư thế còn hách hơn các vị lãnh tụ của ta nhiều) nhưng lại không được các nhà “mác-xít – lê-nin-nít” hồi ấy hoan nghênh. Ở một buổi họp trong quân đội, tôi được nghe ông Nguyễn Chí Thanh phê phán Khrushchev như sau:

- Việc gì phải chạy long tóc gáy như thế? Trông cụ đây này (cụ tức là Mao Trạch Đông), cụ không đi đâu cả, cứ ngồi nhà, anh nào muốn yết kiến thì đến mà gõ cửa xin gặp, cụ sẽ cho gặp.

Nếu ông Thanh còn sống đến bây giờ thì chắc phải là tổng bí thư. Và nếu như vậy, không rõ ông sẽ chọn phương án nào: chạy long tóc gáy hay là cứ ngồi nhà?

Hồi ấy có một chuyện nhỏ nhưng đã làm tôi nhớ lâu: ngôi sao ba-lê của Liên Xô, Plisetskaya, được mời đi Luân Đôn biểu diễn, nhưng không được các nhà lãnh đạo cho đi, vì người ta sợ cô bùng. Plisetskaya đã viết thư khiếu nại lên Khrushchev. Ông đã chấp nhận đề nghị của cô và giải thích chủ trương ấy của mình như sau: “Ta không thể xây dựng một thiên đường, lừa người ta vào đó như một đàn cừ, rồi khóa trái cửa nhốt tịt họ lại được”. Plisetskaya đã ra đi, và biểu diễn xong đã trở về.

Câu chuyện đó tôi nhớ lâu là vì, đối với tôi lúc bấy giờ, Đại hội XX trước nhất không phải những vấn đề đường lối chính trị toàn cầu, mà là niềm hy vọng vào một cuộc sống trong đó không còn lo tái diễn những cuộc bất bớ oan uổng, những cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức; một cuộc sống trong đó không còn đủ mọi sự căm đoán mà trước kia tôi thấy là tự nhiên và bây giờ mới thấy là vô lý; một cuộc sống trong đó phẩm giá con người được tôn trọng, trong đó không còn những câu lầy *Kiều* như:

Bắt phanh trần phải phanh trần

Cho may-ô mới được phần may-ô.

Bây giờ tư duy và thực tiễn đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa đã tiến những bước bỏ xa những phát kiến của Đại hội XX. Nhưng cái gì cũng phải có bước mở đầu. Đại hội XX chính là cuộc thử nghiệm đổi mới đầu tiên của chủ nghĩa xã hội trên bình diện thế giới. Bước mở đầu ấy so với bây giờ là bảo thủ lắm, và không nhất quán. Nhưng thế mới gọi là bước mở đầu.

Nếu sau Đại hội XX tình hình thông đồng bèn giọt, tư tưởng đổi mới không bị đánh bại, thì có thể tin chắc rằng bộ mặt thế giới ngày nay sẽ khác.

Vài câu chuyện về sự tồn tại trước Nghị quyết IX của hai khuynh hướng ở trong Đảng Cộng sản Việt Nam:

Năm 1963, Chủ tịch Đảng Cộng sản kiêm Chủ tịch nước Tiệp Khắc sang thăm Việt Nam, và đã ký với Chủ tịch Hồ Chí Minh một bản tuyên bố chung. Bản tuyên bố chung Hồ Chí Minh – Novotný ấy hoàn toàn đứng trên lập trường của 81 đảng. Điều đó làm cho ông Lê Duẩn rất tức. Ông Ung Văn Khiêm bị cách chức bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Đó là trước mắt, còn sau này thì một số phận tồi tệ hơn sẽ được dành cho ông. Ông Lê Quang Đạo giải thích cho chúng tôi: “Bác tin đồng chí Ung Văn Khiêm nên Bác cứ ký, không xem lại”. Thật kỳ lạ. Hồ Chí Minh mà lại nhắm mắt ký bừa vào một văn kiện quan trọng như vậy, nhất là trong tình thế rất phức tạp của phe xã hội chủ nghĩa nói chung và của Việt Nam nói riêng. Đó không có tí gì là cái “tác phong Hồ Chí Minh” vẫn được nêu lên cho toàn Đảng học tập. Ai cũng biết câu châm ngôn phân cấp: “chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, tác phong Hồ Chí Minh”.

Vụ Caribe còn rắc rối hơn. Cả thế giới nín thở theo dõi sự diễn biến tình hình thay đổi từng giờ từng phút. Không khí một cuộc chiến tranh thế giới đã lơ lửng trên đầu nhân loại. Ở Mỹ người ta đổ xô đi mua hầm tránh bom nguyên tử. Tình hình ở Moskva cũng căng thẳng không kém. Chắc chắn là hàng nghìn đầu đạn hạt nhân của cả hai phía đã chĩa sang nhau, sẵn sàng chờ một hiệu lệnh. Trong khi đó thì những người đứng đầu hai nước Mỹ và Liên Xô liên

tục trao đổi với nhau trực tiếp qua điện thoại, tìm kiếm một cách khó khăn phương án thỏa hiệp mà hai bên đều chấp nhận được.

Nhưng Trung Quốc thì lại muốn đẩy Liên Xô vào cuộc đối đầu quyết liệt với Mỹ. Có thể là họ nghĩ: Mỹ là con hổ giấy, chỉ già dãi non hột, ta cứ làm tới thì nó phải nhượng bộ? Hoặc họ muốn thế giới đại loạn, vì theo quan niệm của họ thì thế giới đại loạn, Trung Quốc được nhờ. Hoặc họ muốn “tọa sơn quan hổ đấu”, ngồi trên núi mà xem hai con hổ đánh nhau? Không rõ.

Đứng trước hai lập trường đối lập nhau như vậy, các nhà lãnh đạo Việt Nam khá bối rối, mỗi người nói một phách, mỗi ngày nói một phách. Có một vị đã nói, tôi không nhớ là ai: “Liên Xô đưa tên lửa vào Cu Ba là phiêu lưu, rút tên lửa ra là đầu hàng”. Tôi không hiểu nổi cái lô-gích ấy. Vậy, nếu rút phiêu lưu rồi thì phải phiêu lưu đến cùng chẳng? Còn chúng tôi thì muốn viết theo cách hiểu của mình. Nhưng phải có cái gì đảm bảo an toàn cho mình về sau, vì chúng tôi biết rằng cuối cùng lập trường chống Liên Xô sẽ thắng. May mắn sao có hai bài báo nhận định hòa bình thế giới đang treo trên sợi tóc và tán thành chủ trương của Liên Xô hòa giải với Mỹ.

Bài thứ nhất đăng trên báo *Nhân dân*, ký tên T.L. Ai cũng biết T.L là chữ viết tắt của Trần Lực, và Trần Lực không phải ai khác mà chính là Hồ Chí Minh. Sau này tôi được nghe anh Lê Liêm lúc bấy giờ là ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng kể lại: cuộc tranh luận trong cơ quan lãnh đạo Đảng rất căng và Cụ Hồ có phát biểu: cần thì đưa tên lửa vào, cần thì lại rút ra, có gì là lạ?

Bài thứ hai là bài xã luận của báo *Học tập*, tạp chí lý luận của Ban Chấp hành Trung ương. Về sau này tôi mới biết bài ấy do anh Kỳ Vân, phó tổng biên tập viết. Anh Kỳ Vân về sau cũng bị bắt trong cùng vụ chúng tôi. Vào tù mấy năm thì anh bị ốm nặng, đến lúc nguy kịch thì được thả cho về chết ở gia đình, đỡ tai tiếng. (Vì đã có chuyện anh Phạm Viết, phó tổng biên tập báo *Thời Mới* chết vì bệnh tim ở trong tù rồi). Gọi là chết ở gia đình, nhưng gia đình anh Kỳ Vân đã tan đàn xẻ nghé. Vợ anh, một cô giáo đi sơ tán cùng học trò, đã chết đuối trong một lần đi tắm sông, ngay trước mắt anh, trông thấy mà chịu. Một đứa con gái của anh đã hy sinh trên Trường Sơn, trong đội ngũ những người thanh niên xung phong chống Mỹ đầu tiên. Nay anh chết nốt, để lại thằng con nhỏ cho chị nó nuôi. Rồi ít lâu sau cô chị cũng lâm bệnh chết, và thằng bé được họ hàng curu mang. Cháu bé ấy tên là Phạm Chí Tân. Năm 1981, tôi được đọc một lá thư của cháu Tân lúc này đã mười chín tuổi, gửi lên “các bác” lãnh đạo

Đảng và nhà nước, thống thiết xin các bác trả lời cho cháu biết bố cháu có tội tình gì? Các bác đã không trả lời.

Anh Kỳ Vân là một đảng viên kỳ cựu từ thời Mặt trận bình dân năm 1936, xứ ủy viên xứ ủy Bắc Kỳ, và đã được thực dân Pháp tặng cho hai án tù, vào tù, vượt ngục, rồi lại vào tù. Đáng buồn là anh đã chết không phải trong nhà tù đế quốc mà là trong nhà tù cộng sản.

Vấn đề máu chót chia rẽ Việt Nam và Liên Xô là vấn đề chiến tranh và hòa bình. Các nhà lãnh đạo Việt Nam không quan tâm đến lý luận, cái mà họ quan tâm là một vấn đề thực tiễn: Việt Nam muốn đánh giải phóng miền Nam, còn Liên Xô thì không muốn bị lôi kéo vào một cuộc đối đầu nguyên tử với Mỹ. Vụ Caribe đã để lại cho họ một bài học.

Thực ra khi đặt bút ký Hiệp định Genève 1954 lập lại hòa bình ở Việt Nam, các nhà lãnh đạo Việt Nam thực lòng mong muốn việc thống nhất đất nước sẽ được thực hiện một cách hòa bình thông qua tổng tuyển cử trên cả hai miền. Nhưng Pháp đã rút chân khỏi miền Nam, trốn tránh trách nhiệm thi hành hiệp nghị. Còn Diệm thì kiên quyết cự tuyệt hiệp thương, một mực hô “vượt sông Bến Hải” và kéo lê máy chém khắp miền Nam.

Mỹ nhảy vào đánh, “tiếp quản” luôn cái vai trò thực dân không lấy gì làm vẻ vang của Pháp, cho nên cuộc chiến tranh ở miền Nam là tiếp tục cuộc chiến tranh chống đế quốc. Nhưng ngay từ hồi ấy, trong giới nghiên cứu đã có ý kiến cho rằng sự đối đầu giữa hai miền đã dần dần trở thành một thứ nội chiến Quốc – Cộng có sự can thiệp của bên ngoài, một cuộc chiến tranh không khoan nhượng nằm trong sự đối đầu ý thức hệ đang phân chia thế giới. Diệm thì quyết chống cộng đến cùng, còn cộng thì quyết làm chủ cả nước đi lên chủ nghĩa cộng sản. Các nhà lãnh đạo miền Bắc có tán thành tổng tuyển cử hòa bình thì chẳng qua cũng chỉ là vì họ chắc chắn tổng tuyển cử thì họ sẽ thắng. Niềm tin ấy hoàn toàn có cơ sở. Thanh thế của lực lượng kháng chiến đang lừng lẫy năm châu. Diệm cũng biết thế và chính vì vậy mà Diệm kiên quyết cự tuyệt tổng tuyển cử.

Xét theo mục tiêu không khoan nhượng của cả hai bên thì cuộc chiến tranh giữa hai miền là không tránh khỏi. Một bên tự nhận mình là tiền đồn của thế giới tự do, một bên là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa. Thế thì đánh nhau chí chạp là phải.

Lúc ấy tâm lý chủ chiến bao trùm xã hội miền Bắc. Tôi đã nghe ông Nguyễn Chí Thanh phát biểu trong một buổi nói chuyện:

- Có đồng chí thắc mắc mới được hưởng hòa bình có mười năm. Đáng ra là phải nói: thế ra là ta đã được hưởng hòa bình những mười năm rồi cơ à! Vì đối với người cộng sản thì mười năm hòa bình là quá nhiều. Cho nên phải xóc ba-lô lên vai, nắm chắc tay súng. Đánh đời ta không xong thì đánh đến đời con, đời con không xong thì đánh đến đời cháu.

Cũng vào hồi ấy, ở Việt Nam có cuộc thi đấu hữu nghị giữa các đội bóng quân đội các nước xã hội chủ nghĩa. Trận chung kết là trận giữa hai đội Albania và Liên Xô. Khán giả sân Hàng Đẫy xưa nay vẫn được coi là hiếu khách, hôm ấy đã reo hò ủng hộ đội Albania và la ó đội Liên Xô. Gần chỗ tôi ngồi, có một vị sĩ quan quân đội hăng máu nhảy chồm lên giơ nắm đấm:

- Oánh bỏ mẹ bọn xét lại đi!

Oánh bỏ mẹ bọn xét lại, vì bọn xét lại đầu hàng sợ Mỹ, còn ủng hộ Albania vì Albania kiên cường chống xét lại. Tất nhiên không phải ai cũng nghĩ thế. Nhiều người nghĩ khác, nhưng họ là cái thiểu số im lặng.

Trước tâm lý xã hội như thế nếu có ai chủ trương chung sống hòa bình và thi đua hòa bình giữa hai miền thì cũng chẳng dám nói ra. Bây giờ nhìn ngược trở lại ta có thể nói nếu thi đua hòa bình thì cảm chắc miền Bắc sẽ thua. Hồi ấy bản tin tham khảo đặc biệt của Việt Nam Thông tấn xã có trích đăng một lời phát biểu của ông Sihanouk mà đến giờ tôi mới thấy là có lý: “Việt Cộng sống trong hòa bình như con voi sống trong một cửa hiệu bán đồ thủy tinh”. Con voi là chứa tể rừng xanh, nhưng trong một cửa hàng thủy tinh thì nó không biết làm thế nào để khỏi đổ vỡ. Suy rộng ra thì là: để làm chiến tranh cách mạng thì chủ nghĩa Mác – Lênin là một vũ khí tuyệt diệu, nhưng để xây dựng trong hòa bình thì nó là một cái không dùng được. Lúc ấy, trung thành với lý tưởng giải phóng dân tộc, tôi cũng nghĩ là phải đánh, chẳng có con đường nào khác. Vấn đề còn lại là đánh như thế nào?

Trung Quốc bảo ta là muốn chống chủ nghĩa đế quốc thì phải chống chủ nghĩa xét lại, tức là chống Liên Xô và những người đồng tình với Liên Xô. Anh em chúng tôi thì nghĩ rằng nếu trong xây dựng xã hội chủ nghĩa ta không thể thiếu được sự giúp đỡ của Liên Xô thì trong

cuộc chiến tranh chống Mỹ lại càng như thế. Muốn Liên Xô giúp đỡ mà lại chống Liên Xô là một điều vô nghĩa. Chính vì thế mà chúng tôi đã không thông với Nghị quyết IX.

Mặt khác, khi còn là “chiến tranh đặc biệt” tức là giữa một bên là chính quyền miền Nam được sự hỗ trợ của Mỹ và một bên là nhân dân miền Nam được sự giúp đỡ của miền Bắc thì không có chuyện gì. Vấn đề nảy sinh khi trước những thất bại của chính quyền miền Nam, Mỹ đe dọa đổ quân vào miền Nam mở rộng cuộc chiến tranh thành “chiến tranh cục bộ”. Vậy Việt Nam lựa chọn như thế nào?

Trong khi làm việc với anh Đinh Chân, cán bộ báo *Quân đội Nhân dân* được ban biên tập cử vào giúp ông biên tập một số văn kiện, ông Giáp có giải thích cho Đinh Chân: “Nếu Mỹ đưa vào miền Nam năm vạn quân thì đã khó (cho ta), nếu họ đưa vào mười vạn thì rất khó, và nếu họ đưa vào mười lăm vạn trở lên thì cực khó”. Tôi đọc được như thế trong cuốn sổ ghi chép của Đinh Chân. Như vậy rõ ràng là ông Giáp cân nhắc rất thận trọng. Và vấn đề quả là rất đáng phải thận trọng. Tiếc đây tôi cũng xin kể là về sau Đinh Chân cũng bị bắt sau tôi ít tháng. Ta có thể đoán vì sao.

Trên đây là một nhận định của ông Giáp. Còn ông Duẩn thì phát biểu trong một buổi nói chuyện với cán bộ: “Nếu Mỹ đánh ta bằng chiến tranh đặc biệt thì ta sẽ thắng nó trong chiến tranh đặc biệt, còn nếu nó đánh ta bằng chiến tranh cục bộ thì ta sẽ thắng nó trong chiến tranh cục bộ”. Đại để có thể hiểu là: Việt Nam để cho Mỹ chọn, tùy, kiểu nào cũng ô-kê. Trong khi nghị quyết của Trung ương thì nói là phải kìm Mỹ trong chiến tranh đặc biệt mà đánh. Còn ông Kosygin, chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô sang thăm Việt Nam đầu năm 1965 thì phát biểu: “Nếu Việt Nam chủ trương đánh thì Liên Xô ủng hộ Việt Nam đánh, nếu Việt Nam chủ trương đàm thì Liên Xô ủng hộ Việt Nam đàm”. Chuyện này do chính ông Duẩn kể lại trong một cuộc nói chuyện với cán bộ. Như vậy là ngay từ 1965, Liên Xô đã trông thấy có hai khả năng giải quyết vấn đề, đàm và đánh, chọn cách nào là chủ quyền của Việt Nam, mặc Việt Nam, Liên Xô không đại gì mà xía vào để rồi lại bị chụp mũ là xét lại, sợ Mỹ.

Hòa hay chiến? Đó là câu hỏi mà tìm được lời giải không phải dễ. Tôi tự đánh giá mình hiểu biết còn quá ít nên không dám phê phán điều gì. Tôi chỉ căn cứ vào chút hiểu biết của mình để có một ý nghĩ cho riêng mình mà thôi.

Trong lịch sử chiến tranh của ta, đã có một lần Mỹ định nhảy vào Việt Nam. Đó là sau khi ta thắng trận Điện Biên Phủ. Trước nguy cơ mở rộng chiến tranh, ta đã không thừa thắng xông lên, mà dừng lại ký kết Hiệp định Genève, chặn đứng Mỹ lại đã, rồi sẽ tính sau. Cho tới

nay chưa ai bảo việc đó là sai lầm. Trong cuộc chiến tranh ở miền Nam, rút cuộc ta cũng phải ngồi đàm phán với Mỹ, ký Hiệp định Paris, gạt Mỹ ra, để người Việt Nam xử sự riêng với nhau. Tôi nghĩ rằng chặn Mỹ lại khi họ chưa nhảy vào có lẽ dễ hơn là để họ đưa mấy chục vạn quân vào rồi mới tìm cách đẩy họ ra. Để làm được việc đó ta phải mất tám năm, với bao nhiêu triệu sinh mạng con người và bao nhiêu tổn thất khác đến bây giờ vẫn chưa khắc phục được.

Tôi nghe nói trong một lần tiếp vị khách Thái Lan (thủ tướng hay bộ trưởng gì đó) ông Đỗ Mười đã nói: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi đã phải trải qua ba cuộc chiến tranh...”. Để nói Việt Nam là anh hùng? Hay là để nói Việt Nam đang có nhiều khó khăn do ba cuộc chiến tranh để lại? Không rõ. Và trong lời đáp, vị khách Thái Lan đã nói: “Nhân dân Thái Lan chúng tôi đã may mắn tránh được ba cuộc chiến tranh...”.

Nếu chuyện đó là có thật thì vị khách Thái Lan quả là đã nói một câu thâm thúy. Chẳng sung sướng gì một dân tộc ra ngõ gặp anh hùng.

Lần đầu tiên tôi được biết ông Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị, là năm 1953 khi tội dự lớp chỉnh quân cải cách ruộng đất ở Việt Bắc. Trước khi chúng tôi bước vào kiểm thảo, ông Thanh đã đến động viên anh em chúng tôi. Là một người lính chiến đấu ở vùng sau lưng địch quen với những tình huống khẩn trương đòi hỏi những mệnh lệnh ngắn gọn và những lời động viên mộc mạc, lần đầu tiên nghe ông Thanh nói, tôi đã có một ấn tượng sâu sắc. Tôi nhớ đã đọc thấy ở trong một tài liệu của Đảng Cộng sản Pháp có nói rằng để giành giật quần chúng với giai cấp thống trị, người công sản chỉ có hai vũ khí: nói và viết (cho nên người công sản phải là người diễn thuyết giỏi và viết báo giỏi). Ông Thanh có cái vũ khí thứ nhất. Và có lẽ cũng chỉ cần thế thôi: trước khởi nghĩa ông làm công việc vận động nông dân, mà nông dân thì đa số mù chữ, không đọc được. Bây giờ nắm chính quyền rồi, nếu cần viết đã có người chấp bút, viết hộ.

Phải thừa nhận ông có tài hùng biện. Khi cần chế giễu ông biết sâu cay, khi cần khuấy động tâm can người nghe thì biết tìm ra những lời thống thiết. Mà không cần lý luận dài dòng

gi, chỉ bằng những câu nô m na bắn trúng điểm đen, với một cách nói sôi nổi, đầy nhiệt tình. Đúng là một *agitateur*¹⁶ thượng đẳng.

Động viên chúng tôi ông nói về trách nhiệm của người cộng sản đối với giai cấp nông dân, về tình thương yêu của Đảng đối với chúng tôi, chỉ mong chúng tôi nhận ra khuyết điểm để làm tròn sứ mệnh cao cả của mình mà thôi.

Lời lẽ của ông cứ thấm vào gan ruột tôi. Không cần phải nói là trong lần kiểm thảo ấy tôi đã tự xỉ vả, bôi nhọ mình bằng thích.

Sang năm sau, trung đoàn tôi được lệnh làm thí điểm chỉnh quân cải cách ruộng đất. Trước đó, bộ đội địch hậu không làm chỉnh quân sợ xảy ra tình huống phức tạp: trước cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, có thể có những người nhảy sang phía địch chỉ cách ta có gang tấc. Và lần này cũng chỉ làm thí điểm một tiểu đoàn, cộng thêm một bộ phận trung đoàn bộ và quân khu bộ. Và cũng không dám làm tại chỗ, phải dặt dứu nhau ra vùng tự do Thanh Hóa, cách đây mấy trăm cây số để quần nhau.

Tôi lúc ấy là phó chính ủy trung đoàn được giao phụ trách lớp ấy dưới sự lãnh đạo trực tiếp của anh Lê Tự, phó chính ủy quân khu. Anh Tự đi Việt Bắc nhận chỉ thị chỉnh quân về phổ biến lại cho ban chỉ huy trung đoàn chúng tôi:

- Yêu cầu chính của chỉnh quân là phải phát động quần chúng đấu tranh vạch mặt những tên phản động, gián điệp chui vào hàng ngũ ta phá hoại, và phải kiên quyết, không được để lọt lưới.

Tôi thắc mắc lắm và phát biểu lại:

- Theo như tôi được nghe anh Thanh nói ở lớp học của chúng tôi thì chỉnh quân là để nâng cao giác ngộ cho quần chúng ngang tầm với nhiệm vụ mới của cách mạng, chứ đâu phải để đấu tố nội bộ?

Trung đoàn trưởng Nguyễn Tiệp cũng băn khoăn lắm, nghe tôi nói thì tán thành ngay:

- Anh Thư nói tôi nghe có lý hơn.

Anh Lê Tự hơi bị lúng túng, rồi giải thích:

¹⁶ *Agitateur* (tiếng Pháp) thường được dịch là “người cổ động”, như vậy chưa đúng nghĩa lắm. Dịch là “người khuấy động” có lẽ sát nghĩa hơn.

- Đó là sau cuộc hội nghị phổ biến kế hoạch, anh Thanh có giữ mình lại nói riêng như vậy.

Đây là lần đầu tiên tôi có cái cảm giác về sự không đi đôi giữa lời nói và việc làm của các nhà lãnh đạo, về sự khác biệt giữa chủ trương công khai với chỉ đạo ngầm. Nhưng cũng chỉ thoáng qua. Tôi còn bao công việc phải lo.

Xin nói thêm là trong cuộc chinh quân thí điểm ấy, chúng tôi đã không đấu tố được tên phản động hay gián điệp nào. Đấu quá yếu chăng? Nhưng nếu phản động và gián điệp chui vào hàng ngũ ta nhiều như thế thì làm sao chúng tôi lại đánh thắng toi tới được như thế, làm sao chúng tôi không xoi no bom địch, làm sao chúng tôi tồn tại được giữa cái nơi nhìn xung quanh đâu cũng là đồn bốt địch? May mắn là đang chinh huấn dở dang thì diễn ra Điện Biên Phủ, cấp trên còn bận bao nhiêu việc khác, chẳng ai nghĩ đến chuyện tổng kết kinh nghiệm của đơn vị thí điểm, chứ nếu không thì cũng phiền cho anh Tự và tôi. Chỉ có tôi là bị kiểm điểm vì một sự cố xảy ra trong chinh quân: tối học phụ, xem phim *Bạch Mao Nữ*, một chiến sĩ, có lẽ vì “quá căm thù giai cấp” và sẵn sảng trong tay, đã tương luôn một phát lên màn ảnh, “tiêu diệt” tên địa chủ Hoàng Thế Nhân, làm náo loạn cả lên, phải bỏ dở buổi chiếu bóng. Phúc tổ cho tôi hôm ấy là phim chứ không phải diễn kịch.

Hòa bình lập lại, về báo *Quân đội Nhân dân*, tôi được nghe nhiều cuộc nói chuyện và lên lớp của ông Thanh vốn là chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, cơ quan chủ quản của báo. Và cũng phải mất vài năm, nhờ đại hội XX tôi mới dần dần thoát ra khỏi cái ma lực của ông, nghe ông bằng cái tai tỉnh táo hơn.

Có một cuộc nói chuyện của ông tôi chắc nhiều anh em còn nhớ, cuộc nói chuyện trong đó ông kêu gọi khoác súng lên vai, chiến đấu nếu cần thiết thì hết đời cha đến đời con. Nêu cao tinh thần chiến đấu thì tất nhiên phải chống tư tưởng hòa bình hưởng lạc. Ông giễu các bà vợ của một số ông cán bộ cao cấp ở nhà quê, đi kháng chiến vẫn nâu sồng nay về thành phố lại đua đòi áo dài với tóc phi-dê, nom như khi già. Ông cũng phê bình các cô văn công (thế hệ văn công thời bấy giờ là thế hệ các chị Thùy Chi, Kim Ngọc, Tường Vi, v.v...) sao không cặp tóc như bình thường mà lại lấy mùi-soa buộc vĩnh lên như cái đuôi ngựa. Ông gọi các bà lớn học làm sang là con gì thì tôi cũng chẳng lấy thế làm động lòng, chỉ thương mấy cô văn công làm cái nghề đòi hỏi phải làm đáng mà lại nghèo, có cái khăn mùi-soa buộc lên tóc mà cũng bị nhieéc như mẹ chồng nhieéc vậy.

Tòa soạn chúng tôi có anh Sanh Thí, thuộc loại người ăn nói không cần giữ mồm giữ miệng. Chẳng hiểu anh đã kêu ca với ai về đời sống khó khăn và gọi nó là “une chienne de vie” (sống khổ như chó) mà câu ấy đã đến tai ông Thanh. Ông đã kể lại câu chuyện và phê phán Sanh Thí là sống “une vie de chien” (sống kiểu chó má). Ông tỏ vẻ thích thú về cách chơi chữ không rõ ai mách cho này.

Thoạt đầu tôi cũng chỉ nghĩ ông Thanh là người khất khe, không thông cảm với yêu cầu bình thường của quần chúng sau mười năm chiến tranh gian khổ. Cho đến khi tôi được nghe câu chuyện mừng hụt của ông Nguyễn Tuân. Ông Tuân kể rằng trong một lần dẫn nhà văn Pierre Abraham đi thăm Vĩnh Linh, đến Đồng Hới ông đã đưa khách vào nghỉ ở nhà giao tế. Thấy trên tủ hàng có hai chai Moët Chandon, ông Tuân vốn là người sành rượu, thích quá, nói với ông Yêm, phụ trách nhà giao tế:

- Thật là châu về Hợp phố. Tiếp khách Pháp lại có rượu Pháp.

Bây giờ hai chai Moët Chandon là chuyện vô nghĩa, nhưng ở cái thời xếp gạch ấy, nó quý như vàng. Nhưng ông Yêm tỏ ý tiếc. Nhà giao tế có mười chai, gia đình ông Thanh vào đây nghỉ đã dùng hết tám, còn lại hai chai này phải dành nốt cho ông. Ông Thanh qua đây bao giờ cũng chỉ uống thứ rượu champagne đó. Sáng hôm sau, đến giờ ăn, ông Tuân dẫn khách xuống, thấy một bàn ăn rất thịnh soạn, nghĩ bụng: “Cái nhà giao tế này cũng chu đáo đấy chứ nhỉ!”.

Nhưng một lần nữa ông lại mừng hụt. Người ta dẫn hai nhà văn đến một bàn gọn nhẹ hơn. Còn cái bàn thịnh soạn kia là bữa ăn trưa của gia đình ông Thanh lúc ấy vào rừng đi săn chưa về.

Hóa ra cái gọi là hưởng lạc chỉ là quả cấm đối với những ai đó thôi.

Và nhiều anh em còn nhớ vụ án văn học *Vào đời*, tiểu thuyết của Hà Minh Tuân. *Vào đời* là chuyện một cô học sinh mà tuổi vào đời đã bị trắc trở do làm việc ở một nhà máy, gặp phải những người cán bộ đã lợi dụng sự dại dột và lòng khao khát sống của cô để làm điều nhảm nhí. Câu chuyện chỉ có thể, và viết không hay, nhiều chỗ sượng, giả sử để yên thì cuốn sách chắc cũng có ít độc giả. Nhưng báo *Tiền phong* đã viết một bài phê bình. Cũng chẳng sao. Báo *Tiền phong* có quyền phê bình, và ông Hà Minh Tuân, lúc ấy là giám đốc nhà xuất bản Văn học, chắc cũng chẳng kém cựa gì mà không dám trả lời.

Nhưng ông Thanh đã nhảy vào cuộc và chuyển câu chuyện văn học sang thành một vấn đề chính trị: thế là bôi nhọ chế độ, là mất lập trường giai cấp. Ông tỏ chức một buổi nói chuyện.

Một khi ông Thanh đã lên tiếng thì tất cả các báo phải lần lượt lên tiếng. Và khi các báo đều lên tiếng thì tự nhiên sẽ nổi lên một phong trào quần chúng khắp nơi lên tiếng, đả kích Hà Minh Tuân dữ dội thành một trận đòn hội chợ. Trong những người lên tiếng ấy, tôi tin rằng không ít người chưa đọc cuốn sách ấy, vì có sách đâu mà đọc.

Tội nghiệp Hà Minh Tuân, thà rằng anh là Nhân văn giai phẩm thì nó còn đi một nhẽ. Dẫu sao thì anh em Nhân văn cũng đấu tranh trực diện, lớn tiếng nói lên những bất đồng với lãnh đạo, và đôi lúc khá cay chua. Nào là:

Tôi bước đi không thấy phố thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.

(Trần Dần)

Nào là:

Đặt bực công an giữa trái tim người
Bắt tình cảm ngược xuôi theo chiều luật lệ.

(Lê Đạt)

Còn Hà Minh Tuân thì không có một tí gì như thế cả.

Anh là một học sinh Hà Nội tham gia tự vệ chiến đấu khá sớm hồi tiền khởi nghĩa, và kháng chiến đã là phó chính ủy một trung đoàn. Hòa bình lập lại, là một cán bộ được tin cậy và yêu viết văn, anh đã được điều ra ngoài quân đội, làm hạt nhân lãnh đạo văn nghệ, phụ trách giám đốc nhà xuất bản Văn học. Vào hồi ấy, cái chức vụ ấy là thuộc loại to. Anh đã có vài cuốn tiểu thuyết nhưng bị coi là mờ nhạt. Cho nên lần này anh định viết một cuốn có chiều sâu một tí, không tô hồng một chiều. Thế thôi. Nào ngờ! Anh đã bị treo bút, cắt chức giám đốc nhà xuất bản, đưa đi làm công tác thủy sản, đánh cá nước ngọt.

Theo Tuân nói với tôi thì *Vào đời* là một câu chuyện có thật mà anh đã khai thác được trong một chuyến đi thâm nhập thực tế, chứ không phải anh bịa. Điều đó tôi không rõ, nhưng đã là tiểu thuyết thì cần gì phải có thật? Và nếu vì quyền ấy mà Tuân bị như thế thì các nhà văn, nhà báo bây giờ viết về chống tiêu cực đáng bị trừng trị như thế nào?

Sau này gặp Hà Minh Tuân, tôi gọi lại chuyện cũ, và anh kể:

- Hồi ấy, mỗi buổi sáng, ngồi một mình trong phòng làm việc, vì anh em cũng tránh gặp mình sợ bị vạ lây, mình giở các báo xuất bản trong ngày ra xem một lượt, và có cảm tưởng

mình như một đơn vị bị bao vây, ngồi cắn răng chịu đựng những đợt pháo từ tứ phía nã tới, – và anh cười, – mình có để ý đến chữ “đồng chí” của các cậu.

Câu chuyện là thế này:

Lúc ấy đã là những ngày cuối chiến dịch phê phán. Các báo đã lên tiếng cả, riêng báo *Quân đội Nhân dân* vẫn im hơi lặng tiếng. Như thế thật là nguy hiểm. Sau khi bàn bạc, thấy không thể trốn tránh được, chúng tôi phân công cho Mai Luân viết một bài. Dù muốn hay không, Luân cũng phải nhai lại vài điều các báo đã nói, và ở cuối bài, để tự xoa dịu lương tâm, thêm một câu đỡ đòn kín đáo cho Tuân và gọi anh là “đồng chí Hà Minh Tuân”. Chẳng là lúc đó các báo cứ “Hà Minh Tuân” trống không mà réo, không một bài nào có đến một chữ “anh”, hoặc chữ “đồng chí” thường dùng. Bằng chữ “đồng chí” ở cuối bài, Mai Luân muốn ám chỉ rằng ta nên coi Hà Minh Tuân là đồng chí, và có thái độ đồng chí với anh. Chỉ có thể thôi mà phải đắn đo mãi. Và hai chữ “đồng chí” chìm khuất trong cuối bài ấy, Tuân cũng mò ra. Chứng tỏ anh đã dùng kính lúp để soi từng chữ các bài phê phán anh.

Đang chiến dịch *Vào đời* thì cuốn *Phá vây* của Phù Thăng bị ông Thanh rờ tới. *Phá vây* là một cuốn tiểu thuyết về chiến tranh, “nghiêm chỉnh” từ đầu đến cuối. Nhưng để cho thêm sâu sắc (vẫn cái bệnh muốn cho sâu sắc), anh Phù Thăng đã đặt vào miệng chính ủy trung đoàn mấy câu triết lý về chiến tranh. Dài khoảng một trang in gì đó. Và thế là rắc rối. Lại chiến tranh chung chung, không phân biệt chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa! Trông gương Hà Minh Tuân, Phù Thăng hoảng quá, xin gặp ông Thanh để nhận khuyết điểm. Và được ông ban cho một câu: “Không có gì, cứ yên tâm, lần sau viết thì rút kinh nghiệm”. Phù Thăng mừng như bắt được cửa, gặp tôi hoa chân múa tay: “Không có gì! Không có gì!”. Hú vía!

Năm 1962 tôi được cử đi học ở trường chính trị trung cao cấp của quân đội. Chương trình gồm ba môn: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học của Marx, và lịch sử Đảng. Thời gian học: ba tháng. Với chương trình ấy và thời gian ấy, ai cũng có thể đánh giá được chúng tôi học đại khái như thế nào. Tôi cứ tưởng là cuối lớp học thế nào cũng được nhắc nhở câu của Lenin: “Học, học nữa, học mãi!”. Chẳng dè hôm bé mạc, ông Thanh đến huấn thị, đã phát biểu: “Các đồng chí học như thế là quá nhiều rồi, bây giờ về đốt sách đi, để đi vào thực tế”. Lại thêm một vị nữa chưa làm vua mà đã muốn đốt sách.

Về sau tôi có được nghe ông kể về chuyện đi vào thực tế của ông. Lúc ấy ông được phân công nắm thêm nông nghiệp. Ông có đặt cho một kỹ sư chăn nuôi một câu hỏi: làm thế nào để có được hai triệu con lợn? Anh kỹ sư đã trình ông cả một kế hoạch bao gồm: chuồng, trại, vốn,

con giống, thức ăn, phòng chữa bệnh, chính sách giá cả, v.v... Ông Thanh đã gạt đi, bảo là lý thuyết suông. Ông nói: chỉ cần phát huy tinh thần cách mạng của nhân dân, mỗi nhà nuôi hai con lợn là trong vòng một năm ta sẽ có hai triệu con lợn. Đó là phương pháp cách mạng, là quan điểm quần chúng. Chỉ tiếc rằng về sau, thực tế đã chứng tỏ là phương pháp cách mạng ấy không đẻ ra được lợn.

Nghe nói rằng ông Mai Quang Ca, bí thư riêng của ông Thanh, đã ca ngợi ông Thanh không cần đọc nhiều, chỉ đọc một cuốn *Nhà nước và cách mạng* của Lenin là đủ lãnh đạo cách mạng. Nếu chuyện đó có thật thì cũng chẳng lấy gì làm lạ: khó vị như thế, thậm chí còn không được như thế! Chỉ có điều là có thực ông Thanh đã đọc hết cuốn *Nhà nước và cách mạng* hay không thì tôi cũng còn hồ nghi lắm.

Một lần, nghe tôi kể chuyện ông Thanh, anh Lê Liêm đã nói:

- Cậu còn lạ gì anh Thanh, trí phú địa hào đào tận gốc tróc tận rễ!

Suy nghĩ thì như thế, và nói vụng ở đâu thì nói, nhưng không bao giờ tôi nghĩ đến việc tìm cách đưa những quan điểm riêng của mình công khai lên báo. Rất đơn giản: có hóa rồ thì mới làm như vậy. Ai đã làm báo dưới thời chuyên chính vô sản đang cực thịnh thì hiểu rõ điều đó. Bây giờ có anh em còn hỏi tôi: “Thế hồi ấy cậu đã viết những gì?”. Làm như thế tôi bị bắt là vì đã viết gì vậy. Nào có viết gì đâu cho cam! Hỏi cung tôi, ông Nhuận cũng bắt tôi khai ra những bài nào tôi viết chống lại đường lối của Đảng. Tôi đã đáp:

- Báo chí sách vở là chuyện giấy trắng mực đen, tôi giấu làm sao được, đề nghị các anh cứ đọc lại thì rõ.

Việc đó chắc là ông ta không đợi tôi nói, đã làm lâu rồi, cho nên ông ta không gắng thêm gì nữa, coi như chỉ hỏi chơi một câu để “nấn gân” thôi.

Quả thật tôi quá hiểu rằng muốn yên ổn thì không nên đùa với kỷ luật của Đảng. Nhưng đó mới là một mặt. Còn một mặt khác. Từ lâu tôi đã được học rằng “đảng kiểu mới” của chủ nghĩa Mác – Lênin là một tổ chức chiến đấu chứ không phải một câu lạc bộ tranh luận. Do đó, phải có kỷ luật sắt: cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, v.v... Muốn chiến đấu thì đúng là phải như thế thật. Tôi đã chấp nhận điều đó như một tất yếu. Và đã nhận thức là tất yếu thì tốt hơn hết là nên tự giác mà thực hiện, dù đôi lúc có khó chịu đến mấy. Và cũng có thể tự an ủi rằng đấu sao mình cũng là người tự do, vì theo nhận thức luận mác-xít thì tự do là nhận thức được cái tất yếu và hành động tuân theo cái tất yếu.

Cho nên chúng tôi luôn tự kiểm duyệt mình, còn nghiêm khắc bằng mấy bất cứ cơ quan kiểm duyệt nào. Chỉ cần cấp trên bảo tuyên truyền ngang bằng giữa Liên Xô và Trung Quốc thì khi đăng một bài về Liên Xô, tự chúng tôi phải lo ngay đến kèm theo một bài về Trung Quốc. Bài này dài hai nghìn chữ thì bài kia cũng suýt soát, hơn kém không đáng kể. Bài này đăng trang một thì bài kia trang nhất. Cùng ở đầu trang hay cuối trang, tốt nhất là song song như hai câu đối. Và đầu đề của hai bài phải cùng một “co” chữ, tốt nhất là cùng một kiểu. Thực ra tất cả những cái đó đều dễ vì còn có thể đo đếm được. Cái khó là viết nhiệt tình như nhau. Và nhiệt tình là cái không cân đong được. Và lại viết về Lôi Phong mà cũng nhiệt tình như viết về Gagarin thì quả thật là khó.

Cho nên sau khi cho tổng kiểm tra báo *Quân đội Nhân dân*, Tổng cục cũng chỉ đưa ra được vài kết luận đại khái: nặng về mặt nọ, nhẹ về mặt kia, v.v... Thực ra thì ý định của cấp trên là thanh lọc tòa soạn. Lý do đã có: tổng biên tập ở lại Liên Xô, nhiều cán bộ bảo lưu quan điểm riêng trong học tập Nghị quyết IX. Nhưng chỉ dựa vào lý do đó để thanh lọc thì không hay lắm, cần có những sai lầm cụ thể.

Trong những năm tháng chúng tôi sống hài hòa với Đảng, tòa soạn chúng tôi là một tập thể trẻ trung, tràn đầy nghị lực và vui nhộn. Dưới sự thúc đẩy của Văn Doãn, chúng tôi đua nhau học, đua nhau động não để làm cho tờ báo mỗi ngày một mới, một hay hơn. Hăng cái tiến như vậy nên không tránh khỏi sơ suất. Và chính vì một vài sơ suất nhỏ trong trích dịch những chuyện lạ thế giới đăng trên báo chí nước ngoài mà bị ông Thanh gọi là “báo Chicago”. Nó là như thế chứ không phải là báo *Quân đội Nhân dân* đã đăng ảnh ùi về hoa hậu. Có ảnh phụ nữ, nhưng phải là nữ du kích, tay cầm súng hẵn hoi, còn có nhằm bắn hay không thì không nhất thiết.

Từ sau Nghị quyết IX, cái tòa soạn ấy đã trở thành một nhà có đám. Ngơ ngác và âm thầm, giữ mồm giữ miệng. Tệ hơn thế, chúng tôi đã bắt đầu đề phòng nhau. Chẳng biết ai thế nào. Từ đâu mà cái việc con trai Văn Doãn đến nhà tôi học đã tới tai Tổng cục?

Lúc ấy Hoàng Linh là tổng biên tập, thay Văn Doãn. Anh gần như trở thành một cái bóng trầm lặng. Một lần gặp Linh ở hành lang tòa soạn, tôi giữ anh lại và nói với anh một vài suy nghĩ về tình hình. Anh lắng lắng nghe, mỉm cười buồn rầu, rồi lặng đi không đáp một câu. Lần khác, tôi lại nói, anh lại mỉm cười buồn rầu, nhưng lần này thì bảo tôi:

- Thôi Thu ạ, có nghị quyết rồi, đừng nói nữa, chết đây!

Ngay cả trong họp tập Nghị quyết IX, Linh cũng đã giữ mình, chỉ ngồi nghe không phát biểu. Có anh em chê Linh nhất. Cuộc sống sau này đã chứng tỏ Hoàng Linh hiểu chuyên chính vô sản hơn chúng tôi. Mười mấy năm sau, ra tù đã khá lâu, tôi lại chơi thăm anh thì thấy anh vẫn thế: vẫn thân tình, vẫn mỉm cười buồn rầu, và vẫn lặng thinh. Tôi chịu Hoàng Linh về cái tài tự dòn nén.

Còn tôi thì phải dần dần mới hiểu được, hay nói cho đúng là mới quen được với tình thế của kẻ thiếu số. Thiếu số có quyền bảo lưu ý kiến, nghĩa là sống được để bụng, chết thì được mang theo xuống mồ. Không ai cấm, chỉ cấm không được nói ra thôi.

Rồi chúng tôi lần lượt ra đi, người về nhà trường, người đi tổng kết, người đi viết sử. Anh Đào Phan thì bị đưa về bảo tàng Quân đội. Anh em nói đùa là Đào Phan bị bỏ vào bảo tàng. Nói theo nghĩa bóng là cuộc đời của Đào Phan, với chiều dày hoạt động cách mạng từ năm 1936, với những trách nhiệm quan trọng đảm đương từ hồi còn rất trẻ (bí thư ban cán sự Hà Nội, tương tự bí thư thành ủy bây giờ, khi anh mới ngoài hai mươi tuổi), với những năm nằm Hỏa Lò, Sơn La, Côn Đảo, Việt Bắc, cả tù tây lẫn tù ta, tóm lại cuộc đời lên voi xuống chó của anh cũng là một hiện vật đáng được đưa vào bảo tàng.

Rời bỏ nơi chúng tôi đã sống gần chục năm của cái tuổi bắt đầu chín, rời cái nơi đã đào tạo chúng tôi thành những người làm báo, rời cái tập thể đã biết sống với nhau tử tế, mỗi người một vẻ nhưng êm ru, tôi ra đi không chút luyến tiếc. Đối với tôi đó không còn là nơi đất lành chim đậu nữa.

Nhưng đâu là nơi đất lành? Xung quanh tôi là một khoảng trống. Người thì nhìn tôi bằng con mắt ác cảm, thậm chí căm ghét. Tôi cảm thấy trong đôi mắt họ, xét lại là một điều xấu xa, đáng khinh bỉ, hơn cả tham nhũng, hiếp dân, cướp của, giết người. Tham nhũng chỉ là ăn cắp của dân, mình chẳng ăn cắp thì kẻ khác cũng ăn. Hiếp dân là chỉ làm hại đời tư của một người

phụ nữ. Còn xét lại là bán đứng cả một dân tộc, cả tổ quốc. Cũng có những người chẳng thấy ác cảm hoặc có thiện cảm, nhưng không muốn dây với tôi, sợ bị vạ vệt; còn người thì khiêu khích, mở miệng là chửi Liên Xô chan chất. Cơ quan mới của tôi có một ông cấp ủy, vốn xuất thân nông dân, có cái lối chửi chua ngoa của bà con nông dân: thằng khờ (Khrushchev) bán bí mật tên lửa cho Mỹ, Liên Xô giúp ta ra-đa nhưng lại báo cho Mỹ biết tần số để nó tiêu diệt, dân Liên Xô sống sướng thế thảo nào sợ chiến tranh, v.v... Nghe mà buồn.

Trong khi đó ông Lê Duẩn sang Liên Xô lại thống thiết tuyên bố: “Đối với người cộng sản Việt Nam thì Liên Xô là tổ quốc thứ hai”. Chẳng là vì hàng năm ông Lê Thanh Nghị lại đi một vòng các nước xã hội chủ nghĩa để xin viện trợ. Dân gian thì nói ông Nghị vác rá đi ăn xin. Nhưng có một nhà lãnh đạo lại phổ biến rằng đồng chí Lê Thanh Nghị đi để “bắt bọn xét lại trả nợ máu”. Làm như thế ta đánh thuê cho bọn xét lại. Không chỉ xin những thứ thiết thực cần cho chiến đấu mà xin cả thiết bị toàn bộ của hàng loạt nhà máy chưa biết đến bao giờ mới xây dựng. Tinh thần là lúc này ta đang đánh nhau, để xin thì cứ xin đại đi và cứ để đấy sau này hòa bình cần đến thì đã có sẵn, chứ chờ đến lúc ấy mới xin thì e rằng khó, rốt cục là bao nhiêu thùng thiết bị quý giá, mang về không có chỗ chứa cứ vứt vạ vật dọc các đường giao thông, trên các bãi hoang, các góc rừng, dầm mưa dãi nắng, tang thương, vô chủ. Rồi người thì đến cậy để vật linh kiện, kẻ thì chỉ để lấy ốc vít ngoại lắp vào xe đạp, thậm chí chỉ để lấy mảnh gỗ thông về làm chuồng gà, còn lại ra sao thì mặc.

Bốn chữ CCCP được dân gian giải nghĩa là: “Các chú cứ phá”, “Càng cho càng phá”, “Còn cho còn phá”, rồi rốt cuộc biến thành “Chẳng cho cũng phá”. Và rủ nhau đi chèn chèn, người ta mời mọc nhau: “Các bạn cứ ăn uống thoải mái, hết bao nhiêu tiền đã có Liên Xô chịu”. Có gì là lạ nếu bây giờ tiền “chùa”, tức là tiền nhà nước người ta cứ tiêu thoải mái, bỏ túi thoải mái, xe chùa đi thoải mái, cửa chùa chia chác nhau thoải mái, đất chùa lấn chiếm thoải mái. Trước kia có Liên Xô, bây giờ thì có chùa gánh cho. Sướng thật!

Một anh trong bộ biên tập của chúng tôi phàn nàn là Văn Doãn đã phản thù, đâm một nhát vào sau lưng chúng tôi. Ý là: chúng tôi ở trong nước đang đấu tranh để bảo vệ chân lý, Doãn ở lại Liên Xô là gây khó khăn cho chúng tôi trong cuộc đấu tranh ấy. Tôi thì lại nghĩ khác. Tôi không rõ vì sao Doãn ở lại Liên Xô, ở lại để làm gì và có làm gì được không. Còn tôi thì không nghĩ là mình có thể làm được cái gì. Một việc đơn giản nhất là treo ấn từ quan, về nhà dạy học, vui thú điền viên mà các cụ ta ngày xưa vẫn làm thì bây giờ một người cộng sản là tôi cũng không thể làm được. Các cụ còn có điền viên mà vui thú, còn có thể dạy học

được. Còn tôi thì đã được vô sản hóa đến mức chỉ cần cắt cái cuống nhau tiền lương nhà nước một tháng là đổi. Và có trời biết đã đổi thì sẽ như thế nào.

Cho nên tôi không có ảo tưởng đấu tranh gì, tự biết mình không thể lấy tay chống trời được. Và nếu tôi có bảo lưu quan điểm của mình thì chẳng qua cũng là vì trời sinh ra tôi là anh cả Cò ngốc nghếch, to đầu rồi mà vẫn dại, không biết mau lẹ đổi tiền¹⁷ cho hợp với thời trang, đã thế lại còn không biết nghĩ một đảng, nói một nẻo, không biết tiêu tiền giả, không có tài ngậm miệng ăn tiền.

Thực ra thì về sau tôi cũng cố ngậm đấy, nhưng ngậm mãi thì thỉnh thoảng nó vẫn phòi ra, như cái nôi súp-de quá tải áp suất thì tự động xì ra vậy. Ở trên, tôi có nhắc đến ông cấp ủy xuất thân nông dân đã chửi Liên Xô một cách chua ngoa. Ông ta có một cách suy nghĩ khá kỳ cục. Một hôm ông ta ngồi kéo thuốc Lào sông sọc, rung đùi đắc chí:

- Việt Nam nhất thế giới! Việt Nam đánh thắng Mỹ xong thì không còn thằng nào để đánh nữa, hi! Mỹ là thằng mạnh nhất rồi.

Tôi chúa ghét cái kiểu ăn nói ấy, đáp luôn:

- Khó quá gì, đánh Liên Xô, hoặc chấp cả hai thằng.

Sau này khi Trung Quốc đánh ta, tôi không còn được gặp lại ông nhưng nghĩ rằng chắc ông hài lòng, ông đã có kỳ phùng địch thủ để mà đánh. La Văn Cầu ác chiến Đổng Tồn Thụy, chắc chắn phải ngoạn mục: dí bịch phá vào tận rốn nhau mà giật. Chỉ có điều hơi cần cái: kỳ phùng địch thủ ấy lại là... bố ông ta.

Rồi một bữa, vào khoảng nửa đầu năm 1966, trên đường đi làm, tình cờ quay lại tôi bỗng có linh tính rằng người đàn ông nom lù khù cũ kỹ đạp xe cách sau tôi một quãng là nhân viên trinh sát của Cục Bảo vệ Quân đội đang bám sát tôi. Vẫn có đôi chút kinh nghiệm về việc phát

¹⁷ Thay đổi chính kiến.

hiện đuôi và cắt đuôi mật thám Pháp trong thời hoạt động bí mật, tôi chỉ cần vài cái rẽ ngang rẽ ngựa vòng vèo trên đường phố là đã có thể chắc chắn linh tính không đánh lừa mình.

Hôm sau tôi không đạp xe nữa mà cuộc bộ ra xe điện. Vẫn lại anh chàng ấy lên xe cùng với tôi, tôi lên toa đầu còn anh ta cuối toa. Sắp đến nơi tàu còn đang chạy nhanh, tôi bất ngờ nhảy xuống, cuộc bộ về cơ quan. Và thấy anh ta cũng nhảy xuống theo. Thế là rõ. Suy ra thêm một điều nữa là anh ta ắt phải có một “đài quan sát” gì đó, chắc là trong khu chợ Đuối trước cửa nhà tôi, là nơi anh ta đã gửi lại cái xe đạp. Tôi vào cơ quan, mượn luôn một cái xe đạp, phóng ra phố. Đi được dăm phố thì lại xác định có một người phóng xe đạp bám riết mình. Không phải người lúc nãy mà là một người khác trẻ hơn, nom linh lợi hơn. Vậy không phải chỉ có một người, mà một tổ ít nhất là hai người, một người cùng lên tàu với tôi, một người đạp xe đi theo tàu. Suy đoán ra thêm thì chắc là tại nhà tôi ở, thế nào cũng phải có một anh hàng xóm đáng yêu nào đó ở buồng trong được cơ quan an ninh giao nhiệm vụ ghi số xe đạp của những ai ra vào nhà tôi (hồi ấy xe đạp cũng có biển đăng ký). Điều phán đoán của tôi sau này được chứng minh là đúng. Còn buồng tôi ở có bị lắp máy ghi âm không thì tôi nghĩ rằng mình không thể biết được.

Tôi cảm thấy mình như một con ruồi bị vướng vào lưới mạng nhện.

Nên làm thế nào bây giờ? Có nên vào gặp thẳng ông Song Hà, lúc ấy đã thay ông Thanh làm chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, kể với ông ta đầu đuôi và đề nghị: “Tôi có điều gì không phải xin anh cứ bảo cho tôi biết, tôi sẽ sửa”. Nghĩ đi nghĩ lại thì thấy thế thật vô ích. Ông ta sẽ trả lời: “Làm gì có chuyện, cậu thần hồn nát thần tính đó thôi”. Rồi ông sẽ chỉ thị cho Cục Bảo vệ rút kinh nghiệm, theo dõi đối tượng phải kín đáo hơn, đừng để đối tượng phát hiện.

Đối tượng? Tôi là đối tượng, là kẻ thù của cách mạng ư? Có cái đạo lý nào như vậy? Càng nghĩ càng thấy vô lý, và cái sợ ban đầu tạm lắng đi, nhường chỗ cho sự bức dọc. Tôi kể chuyện cho anh Hoàng Thế Dũng, là phó tổng biên tập của chúng tôi khi còn ở báo. Anh trả lời là chính anh cũng có đuôi, có cả đuôi là đàn bà, và anh đã ghi được mấy chục cái số xe đạp của những kẻ theo dõi anh. Chẳng rõ trong bụng anh nghĩ như thế nào, nhưng ngoài miệng thì anh nói cứng:

- Thăng Kinh Chi đây! Kệ nó, mình cây ngay không sợ chết đứng.

Cây ngay thì anh đúng là ngay rồi, nhưng sợ chết đứng hay không thì còn phải xét. Anh là một trong ba người thanh niên gây cơ sở Việt Minh đầu tiên ở khu vực Bản Yên Nhân vào năm 1943. Ba anh em chọn ba bí danh: một người là Ký, một người là Luật, còn Dũng thì là

Sắt. Kỹ – Luật – Sắt, nghe thật son sắt. Tháng Ba năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, lợi dụng lúc hỗn quân hỗn quan, Việt Minh đã giả làm Nhật, kết hợp với nhân mối, đánh úp cướp đồn Bản Yên Nhân mà không phải nổ một phát súng. Nhân mối là do Dũng tổ chức, còn người đóng giả sĩ quan Nhật là ông Nguyễn Bình sau đó là chỉ huy trưởng Chiến khu đệ tứ Đông Triều rồi Nam tiến trở thành ông tướng Nguyễn Bình nổi tiếng một thời. Bản Yên Nhân là đồn binh đầu tiên mà cách mạng đã cướp được ở đồng bằng Bắc Bộ, lại ngay sát nách Hà Nội. Rồi Dũng được cử lên Việt Bắc học lớp quân chính kháng Nhật khóa đầu, học xong được cử làm đội trưởng đội tuyên truyền Nước Nam mới của Việt Nam giải phóng quân. Ngay từ đầu kháng chiến anh đã làm chính trị viên trung đoàn, người cán bộ trung đoàn trẻ nhất mà tôi được biết, và đã lăn lộn với Trung đoàn 102, Đại đoàn 308 suốt từ Phó Lu đến Pú Hồng, Nà Sản.

Dũng là người năng nổ, tính cương trực, hồn nhiên và rất... đẹp trai. Người như anh thì tưởng cuộc đời phơi phới. Thế mà rồi cũng lắm nỗi gian truân. Gian truân bắt đầu với anh khi anh bênh vực gia đình một đồng chí bị quy sai là địa chủ. Người đồng chí này lúc ấy đang đi học ở Liên Xô, ở nhà chỉ có mấy người đàn bà con gái, đương đầu làm sao được với đội? Gia đình ấy trước khởi nghĩa là cơ sở trú ngụ của một số chiến sĩ cách mạng. Nay các cán bộ ấy đã thành cán bộ cao cấp và ở quanh đó mà không một vị nào dám hé răng bênh vực họ. Chi bộ đã kiểm điểm Dũng suốt nửa tháng trời là chống phá cải cách ruộng đất, nhưng anh nhất định không chịu. Cuối cùng anh bị kỷ luật, hạ cấp. Khi sửa sai, xã đã xin lỗi gia đình ấy, nhưng kỷ luật của Dũng không được xét lại. Ai bảo mày bướng! Dũng rất cay cái tiếng bướng ấy, nói: đã là thằng đồng chí với nhau thì chỉ có đúng với sai, làm gì có bướng với không bướng.

Dẫu sao đó cũng chỉ là một con trứng gió cảm mạo loàng xoàng thôi, vất vả vài năm thì cũng ngóc đầu lên được. Nhưng vừa ngóc đầu được ít lâu thì lại bị dính vào vụ bất đồng quan điểm này, và cuộc đời sẽ dạy cho anh biết cái luận điểm “cây ngay không sợ chết đứng” của anh là hoàn toàn sai lầm. Cây ngay thì mới có thể bị sét đánh chết đứng, còn dây leo thì nó luôn lách, chui lủi, sợ gì sét đánh?

Nghe Dũng nói, tôi cũng trấn an mình: mình chẳng làm gì nên tội mà sợ; hoặc: như thế lại càng hay, Đảng sẽ thấy tôi chẳng làm gì bậy; hoặc: đây không phải là chủ trương của Đảng, “Đảng ta” không làm như vậy, và chắc chỉ là một số phần tử mao-ít cực đoan, bảo hoàng hơn vua, làm càn thôi. Hoặc: họ theo dõi mình lộ liễu thế này không phải vì họ kém, mà là họ cố tình cho mình biết để răn đe thôi, v.v... và v.v...

Cho tới ngày ấy, đời tôi đã trải qua hơn hai chục năm hoạt động chính trị. Con số không phải nhỏ, và cũng có thể coi tôi là người già dặn về chính trị. Nhưng cái chính trị mà tôi đã làm

cho tới đây là cái chính trị giản dị – đuổi Nhật, đánh Tây, giành độc lập, xây dựng tổ quốc, trong đó mọi sự đều rõ ràng, minh bạch. Còn với cái chính trị tù mù này trong đó mọi sự đều lộn tung phèo cả và diễn ra lắt léo trong bóng tối, tôi chỉ là một thằng nhãi ranh chưa ráo máu đầu mà thôi.

Nhiều lúc tôi tiếc nuối cái thời mà, sau một tháng chống càn rỗng rã, vài đứa cán bộ chúng tôi, mặt mũi vêu vao và gầy nhẳng, rủ nhau cải trang đi ra chợ tề làm một bát phở lợn, một cốc Nescafé, hút một điếu Contab, rít được vài hơi thì anh nào anh nấy say lừ đừ. Tiền ăn uống lấy ở tiền bán chiếc đồng hồ Ni-cơ-le vừa nghe vừa lắc, Vi-mắc vừa lắc vừa nghe¹⁸ của một trong mấy đứa chúng tôi vừa nhận được của gia đình ở trong tề gửi ra làm “lương khô”. Nhớ câu thơ không biết của ai:

Rủ nhau ra giữa chợ Đồn

Thết nhau một bữa phở... lợn cho vui.

Có lần tôi lại nhớ đến cuộc họp thảo luận một văn kiện gì đó có dăm anh cán bộ chúng tôi với ông Đỗ Mười, lúc ấy là bí thư khu ủy kiêm chính ủy Bộ tư lệnh quân khu Tả Ngạn. Cuộc tranh luận hôm ấy rất hăng. Ông Mười cũng phát biểu sôi nổi, nhiều lần cướp lời anh em. Và bị một anh em phê bình:

- Đề nghị anh Mười không nên át giọng anh em. Phải để anh em phát biểu với chứ.

Ông Mười biết mình sai, cười, không hề tỏ vẻ khó chịu, và từ đó phát biểu rất trật tự, giao tay xin phép hẳn hoi.

Tôi cũng nhớ năm 1949, tôi đi học trường Nguyễn Ái Quốc ở rừng Việt Bắc. Lớp học rất đông, có cả những anh em từ Bình Trị Thiên, từ Nam Bộ lặn lội vượt đèo lội suối suốt nửa năm trời ra học. Nhiều anh em chưa biết mặt các lãnh tụ. Hôm ấy ông Võ Nguyên Giáp đến giảng về đường lối quân sự của Đảng. Trong tiếng vỗ tay chào ông bước vào, có tiếng ai nói to:

- Đại tướng đẹp giai quá!

Ông Giáp dừng lại cười:

- Đẹp giai nhưng có vợ rồi!

Cả lớp lại cười ồ. Lại có anh nào ngồi cuối lớp nói vọng lên:

¹⁸ Niklès và Vimack là hai loại đồng hồ rẻ tiền rất thịnh hành hồi ấy ở địch hậu.

- Đề nghị đi một vòng quanh lớp cho anh em xem rõ mặt.

Ông Giáp đã tươi cười đi một vòng quanh lớp trong tiếng vỗ tay vui vẻ.

Đến cuối khóa, lớp chúng tôi tổ chức một buổi kịch cương. Một anh bạn đóng vai ông Trịnh Đình Cửu, một sáng lập viên của Đảng và là phó hiệu trưởng. Tôi đóng vai chị Phương Mai, một nữ học viên nguyên tinh ủy viên Thừa Thiên. Trên sân khấu chúng tôi thả phanh nhại và trêu chọc vui những nhân vật mà chúng tôi thủ vai. Ông Cửu bị trêu vì cái tính hay quan trọng hóa và hứa suông, còn chị Phương Mai thì vì cái tính... nhõng nhẽo. Và ở hàng ghế khán giả, ông Trường Chinh, lúc ấy là tổng bí thư kiêm hiệu trưởng nhà trường, ngồi cười rung bụng suốt cả buổi.

Cái thời mà người ta chưa bị quyền lực làm cho tha hóa, tình đồng chí nó giản dị, hồn nhiên là như vậy.

Đầu năm 1967, tôi được cử đi Tĩnh Gia tìm tài liệu về viết sách. Đó là lần đi công tác cuối cùng của tôi. Chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc đang ngày càng khốc liệt. Ngồi trên những kiện hàng chất đầy thùng chiếc xe vận tải quân sự Molotova chạy đèn gầm và nháy chòm chòm trên các ổ gà, ổ trâu đường số 1, cổ áo kéo cao để ngăn bớt ngọn gió lạnh lùa ù ù vào hai tai, đứng co ro đợi hàng tiếng đồng hồ bên các bến phà mà cầu sang ngang đã bị bom Mỹ phá gục, tôi cảm thấy trong lòng vô cùng thanh thản. Nhớ lại những đêm làm xiếc cũng trên chiếc xe Molotova như thế này vòng vèo đường đèo Tạ Khoai đi Cò Nòi trong chiến dịch Tây Bắc. Quên hết những buổi đi đường ở Hà Nội lúc nào cũng mất trước mắt sau. Quên những buổi tối ở nhà Kiến Giang, hai anh em ngồi âm thầm trong ánh đèn dầu hỏa, lo âu chẳng biết nói năng gì. Và cũng quên cả tự hỏi trong số những người đi công tác với mình có ông đồng chí cóm nào không.

Chúng tôi đến một xã ven biển ở cuối huyện Tĩnh Gia, những hàm chữ A, những em bé đội mũ rom chống mảnh bom đi học, những hồ bom, cả xã hầu như chỉ còn ông bà già, phụ nữ và trẻ em. Cô xã đội trưởng người gãy xương xương, tuổi đã cứng và vẫn chưa kiếm đâu ra tám chồng, đưa tôi đi giới thiệu với các cơ sở để lấy tài liệu. Đi sát bên tôi trên bờ biển dài chỉ toàn cát trắng, không một bóng cây, một bóng người, một bóng thuyền, cô ta cứ hỏi chuyện tôi bằng một giọng nói ám áp: “Anh Thư bao nhiêu tuổi rồi, quê ở đâu, có chị ấy chưa? Có cháu nào chưa?...”. Và đến khi chúng tôi trở về, ông bí thư già của Đảng ủy xã lại nhìn chúng tôi bằng con mắt nghi ngờ. Mấy ngày ở Tĩnh Gia ấy, máu lính chiến bỗng lại nổi dậy trong tôi, tôi

da diết mong muốn được ra mặt trận. Nhưng bây giờ thì ai giao súng, giao quân cho tôi nữa! Người ta sợ tôi sẽ quay súng bắn lại nhân dân. Bắn vào những em bé đội mũ rom đi học kia. Bắn vào cô xã đội trưởng thêm một tấm chồng và có giọng nói ầm áp kia.

Ít lâu sau, tôi đang ở nơi sơ tán thì bỗng được tin sét đánh ngang tai: anh Hoàng Thế Dũng, phó tổng biên tập cũ của báo *Quân đội Nhân dân*, anh Phạm Viêt, phó tổng biên tập báo *Thời Mới*, anh Trần Châu, biên tập viên báo *Nhân dân*, và anh Hoàng Minh Chính, viện trưởng viện Triết học, đã bị bắt. Ngay hôm sau, tôi kiếm có về Hà Nội, tìm hiểu thực hư.

Tôi xin nói thêm là mấy năm trước tôi có được cử đặc phái sang làm việc ở báo *Nhân dân*, phụ trách mục quân sự bên báo này. Trong thời gian ấy, tôi đã may mắn được anh chị em báo *Nhân dân* quý mến, nhất là các bạn bè cùng lứa tuổi. Hôm ấy ở nơi sơ tán về, tôi đến thẳng tòa soạn báo *Nhân dân*, ở đó vợ tôi làm công tác y tế. Tôi vừa bước vào phòng y tế của vợ tôi thì cô Đức Hạnh, một nữ đồng nghiệp đang có mặt ở đấy, chạy ra ôm chầm lấy tôi, đấm vào ngực tôi thùm thụp, miệng thì cười nhưng mắt lại rom róm:

- Thế mà làm em tưởng bị bắt rồi!

Tôi đứng ngây tán tòn, hai bàn tay như thừa, không biết nói sao, chỉ cười ngượng, nhưng trong lòng thì vô cùng cảm động.

Ngay hôm đó, tôi đến nhà anh Kiến Giang. Hà Nội phòng thủ không thấp đèn đường. Phố xá tối đen như mực, rất dễ đánh lạc hướng người theo dõi mình. Nhưng nhà anh Kiến Giang thì chắc chắn bị giám sát nghiêm ngặt. Vẫn phải đến thôi. Kiến Giang trả lời: “Cũng chỉ nghe nói có bốn anh em bị bắt như thế, không biết gì hơn”. Tất nhiên là anh tỏ ra lo lắng. Tôi không dám ngồi lâu, chỉ vài phút sau đã ra về. Bước xuống cầu thang tối om nhà Kiến Giang, tôi cảm thấy tương lai của mình cũng đen ngòm như vậy.

Vậy là chính “các ông ấy” chủ trương khủng bố nội bộ chứ không phải đám mao-ít cấp dưới làm bậy. Nhưng trong thâm tâm tôi vẫn hy vọng chỉ bắt bớ thể thôi, không bắt tràn lan, bài học “hát xăng vanh đơ”¹⁹ còn đó. Vậy là cho đến lúc này tôi vẫn chưa mở mắt. Tôi sẽ còn ngu lâu, và sẽ còn nhiều lần nữa tôi phải buồn rầu thừa nhận mình đúng là anh Cả Cò.

Không cần phải nói rằng từ hôm ấy tôi không dám bén mảng đến nhà ai nữa. Tôi mong anh em đến cho tôi biết tin tức nhưng chẳng hoặc có anh nào “xé rào” đến nhà tôi, như tôi đã xé rào đến nhà Kiến Giang hôm ấy, thì thấy anh bạn đến tôi cũng nửa mừng nửa e ngại. Và cũng không cần phải nói rằng từ hôm ấy tôi bị giám sát rất chặt chẽ. Về quê thăm mộ ông bà, tôi đứng giữa cánh đồng nhìn lên đường số 5 thì thấy một ông anh ngả xe ngồi bên vệ đường xe lừa cách một quãng xa. Hoặc tôi và chú em đạp xe đi thăm mẹ ở nơi sơ tán, cũng được một anh bạn hộ tống đến tận nơi. Suốt ngày hôm đó, anh ta ở đâu tôi không rõ, nhưng đến chiều chúng tôi ra về thì thấy anh ta lẻo đẻo theo sau. Ngày giỗ ông nội tôi, tôi lên nhà thờ tổ thấp hương, ngôi chùa âm chổ đã thấy hai người lực lưỡng bước vào, đề nghị chủ nhà cho kiểm tra loa phát thanh, mặc dù nhà không lắp loa. Và có việc phải đi qua đường Trần Phú tôi cũng tránh, đi vòng đường khác, sợ bị nghi là thăm dò tìm cách nhảy vào đại sứ quán Liên Xô.

Đến lúc này tôi mới thấy một hành động của tôi trước đây là lỗi bịch. Tức là một buổi tối, hai vợ chồng chúng tôi đi xem kịch ở Nhà Hát Lớn, và như thường lệ bị theo dõi lằng nhằng. Đến cửa Nhà Hát Lớn, tôi quay lại, đi thẳng đến chỗ anh chàng kia và nói:

- Anh cứ đi theo tôi làm gì cho mất công. Tôi đi xem kịch thôi mà.

Anh ta bị bất ngờ, lúng búng câu gì rồi lủi mất. Nhưng vào trong nhà hát, tôi liếc mắt và đã thấy anh ta đứng tựa cột ở cuối nhà hát. Cái trò ấy tôi đã làm vài ba lần. Tôi muốn làm cho người ta hiểu rằng tôi không có tật nên không giật mình. Đại loại như “cây ngay không sợ chết đứng” vậy. Lạ một điều là cái trò ấy không chỉ có riêng một mình tôi làm. Không ai bảo ai mà tự nhiên cũng có vài ba anh em khác hành động như thế, toàn những “nhà chính trị” cứ đinh ninh rằng có Đảng lãnh đạo thì người ngay thẳng không sợ cái gì cả.

Sau này ra tù, thỉnh thoảng ngồi gẫu ôn lại chuyện cũ, chúng tôi cứ thấy nực cười cho sự ngây thơ của chúng tôi. Vì hồi ấy là lúc chúng tôi đang vui mừng thấy Đảng điều chỉnh thái độ của mình với Liên Xô, nói đúng cái câu chúng tôi vẫn dùng hồi ấy là: “Ông Duẩn đang chuyển”, nghĩa là từ sau khi ông Kosyghin sang thăm và tuyên bố ủng hộ Việt Nam thì hầu như không

¹⁹ Vụ án H112 thời kháng chiến chống Pháp ở trong quân đội, bắt bớ điều tra nhiều cán bộ vô tội, sau phải thả hết. Người ta nói đó là đòn lỵ gián của tình báo Pháp.

thấy ông Duẩn nhắc đến chủ nghĩa xét lại nữa. Trên báo chí cũng vậy. Những luận điểm “có gì đánh nấy”, “súng trường bắn máy bay”, v.v..., tức là tự lực tự cường, không cần viện trợ kỹ thuật của Liên Xô, cũng biến mất trên báo chí. Rồi ông Duẩn đi Liên Xô thề thốt tổ quốc thứ nhất, tổ quốc thứ hai. Trong khi đó, ông Tố Hữu, ông Trần Quỳnh, cái loa của ông Duẩn, lại có những bài nói chuyện phê phán đường lối của Trung Quốc khá chua cay. Ngược lại phía Liên Xô cũng ngày càng giúp đỡ Việt Nam tích cực hơn và tặng huân chương cho Lê Duẩn. Vậy là tốt quá. Chúng tôi đang mừng, và có anh em đã đặt câu hỏi: ông Duẩn chuyển như thế là về chiến lược hay sách lược? Thậm chí còn cho là “xong rồi”. Thì đừng một cái, ông Duẩn “chuyển” luôn bốn vị vào tù. Còn các vị khác thì nom nớp như cá nằm chóc thớt. Thật là khôi hài!

Cũng có thể nói thêm rằng chính cái vị nhận định là “chuyển biến chiến lược” và “xong rồi” ấy lại là một trong bốn vị đã bị bắt đầu tiên.

Vào thời điểm ấy đứa con gái nhỏ của tôi mới qua tuổi lên mười. Khi còn học mẫu giáo, nó cũng thích múa hát như mọi đứa trẻ khác. Nhà tôi có một máy quay đĩa Liên Xô và một ít đĩa nhạc cổ điển. Những lần tôi bật máy quay đĩa, nó cũng thích ngồi nghe. Rồi một hôm, nghe xong bài “Danube xanh”, nó nói một câu làm tôi chú ý:

- Bố ơi, cái bài hát này nó cứ làm sao ấy. Nghe tức cả ngực!

Lúc ấy nó lên sáu, còn chưa biết phân biệt bản nhạc với bài hát.

Xin kể thêm là các cụ nhà tôi cũng thích âm nhạc. Tôi từng thấy cụ ông ngồi đệm đàn nguyệt cho cụ bà gảy đàn thập lục. Thằng em ruột tôi tốt nghiệp phổ thông đã thi đỗ vào đại học Âm nhạc, khoa Sáng tác. Chỉ tiếc rằng vừa ra trường, bắt đầu có tác phẩm thì bị bom B52 chết. Còn tôi thì hồi mới lớn đam mê đủ mọi thứ nghệ thuật. Một kỳ nghỉ hè tôi ngón mấy chục cuốn tiểu thuyết, đa số là tiếng Pháp, vì tiểu thuyết tiếng Việt không đủ. Và mỗi lần Nhà Hát Lớn có ban kịch Thế Lữ trình diễn thì trên chuồng gà không bao giờ vắng đôi dép cao su con

hở và chiếc áo dài thâm của tôi. Từng ôm đàn theo học ông Dương Thiệu Tước, từng vác giấy bút ra ga Hàng Cỏ ngồi suốt cả buổi làm ký họa và đang học dở dang năm dự bị của trường Mỹ thuật Hà Nội. Rút cục đi theo cách mạng lại hóa ra là anh lính chiến. Và suốt cuộc đời lính chiến thính thoảng vẫn cứ ngẩn ngơ. Xét cho cùng thì đó cũng là sự đam mê chưa đủ và bây giờ, tròn bảy mươi tuổi đời mang bệnh hiểm nghèo, mới hỏi hã ngồi tựa tóc câu văn giới già, trả cái nợ thời trẻ, kể chuyện về những sự đời vô lý. Cứ viết, chẳng biết có kịp không, và có nên cơm cháo gì không.

Thế cho nên khi cảm thấy con bé nhà tôi có máu âm nhạc, tôi nộp đơn luôn cho nó thi năng khiếu vào trường Âm nhạc Việt Nam khi nó vừa hết mẫu giáo. Thi không có chuẩn bị, một nốt nhạc bẻ đôi cũng không biết. Cứ thi đại.

Ở trường thi ra, tôi hỏi thi như thế nào thì nó kể:

- Có nhiều cô chú lắm, một chú bấm vào cái đàn gì to bằng cái tủ và bảo con la la.

- Có phải la la nhiều không?

- Nhiều, lúc đầu chú ấy bấm một tiếng thôi, xong rồi thì hai, ba tiếng, xong rồi thì bấm dài ơi là dài.

- Thế con làm như thế nào?

- Con cứ nghe, xong rồi con la la.

- Rồi sao nữa?

- Chú ấy bảo xong rồi, đi ra.

Tôi cười nghĩ bụng: “Khó nhằn lắm!”. Trẻ thi thì đông, mà lấy thì rất ít. Trong số trẻ có mặt, tôi thấy có một thằng bé đi thi mang theo một cây sáo trúc. Bố nó là một nghệ nhân thổi sáo, đã dày công tu luyện cho nó từ lúc nó còn bé tí. Khi từ trong phòng thi bỗng bay ra tiếng sáo của nó, mọi người đang đứng chờ ở sân đều chạy xô đến cửa sổ ngó vào. Các thầy cô đang chấm thi ở phòng bên cũng chạy xô sang, sừng sốt. Con cái nhà người ta đi thi như thế chứ! Con nhà mình thì la la như đứa dở hơi!

Hôm trường công bố kết quả, tôi đi xem cho phải phép, không hy vọng. Không ngờ nó trúng.

Nó được phân học ác-coóc. Con gái học ác-coóc thì hơi mệt, nhưng mình không phải là con nhà nòi, cũng không phải là con ông cháu cha, len chân được vào cái trường quý tộc ấy đã khá lắm rồi. Tôi sẽ cho nó theo học đến cùng, đến đại học sẽ thi vào khoa sáng tác như chú nó.

Rồi từ đó, tuần hai buổi bố con đèo nhau đi học, bố đạp xe, tự hào vì sau lưng mình có đứa con gái bé tí tẹo đeo chiếc ác-coóc nặng trĩu vai. Hết buổi học lại đón con về thả ở sân tòa soạn cho chơi. Về nhà tôi huy động vốn hiểu biết của tôi về nhạc kèm cho nó tập, và tự tôi cũng tập. Ít lâu sau, nó đã có vài bài “tử”.

Năm ấy, nhân dịp ngày kỷ niệm thành lập Quân đội, trường Trung Vương mời tôi đến kể chuyện chiến đấu cho các em. Tôi đã lôi cả con bé đi theo để bố kể chuyện xong thì con đàn một bài cho vui. Khoe mà! Nó kéo bài “Làng tôi” của Văn Cao và một bài dân ca Ba Lan, hai bài của chương trình lớp một. Hoan hô nhiệt liệt. Cô hiệu trưởng chạy lên ôm hôn nó và tặng nó một bó hoa tương. May mắn thay, không có ai yêu cầu biểu diễn thêm: hết “tử” rồi! Người ta hoan hô không phải vì nó đàn hay mà vì hồi ấy trẻ con chơi nhạc là của lạ, cũng như người đi xe máy ở Hà Nội lúc bấy giờ có thể đếm trên đầu ngón tay.

Bố con đèo nhau ra về hí hả lắm. Lăn lên sân khấu đầu tiên trong đời nó thế là thành công mỹ mãn.

Rồi trường đi sơ tán tránh máy bay. Bắc Giang, Vân Đình... Đi thăm, tiếp tế. Rồi lần nó bị chó cắn phải tiêm mười một mũi vào bụng. Lần nó bị cảm cúm, chú y tá nhà trường cho nó uống thuốc Aspirin vào lúc đói, bị chảy máu ruột phải đưa về Hà Nội cấp cứu. Bệnh viện Hà Nội lúc ấy chưa có chế độ cho người nhà vào chăm sóc bệnh nhân, kể cả bệnh viện nhi. Đến giờ nó cứ tự động vác bát đi ăn và tự động đến phòng thuốc đưa tay cho cô y tá tiêm. Một lần tôi lên Bắc Giang thăm nó, được nó kể bị ghê lở đầy người, mấy đứa rủ nhau đi tìm lá về đun nước tắm rồi lấy kim chọc mụn ghê cho nhau. Như bộ đội chúng tôi ngày xưa vậy. Mình nghe nó kể thì xót, còn nó kể như kể chuyện vui. Tôi chỉ còn biết bảo nó:

- Chịu khó một tí con ạ, cố mà học.

Rồi một hôm, vào lúc nó học năm thứ năm, tôi nhận được giấy báo đến gặp bà hiệu phó nhà trường tại nhà riêng của bà tại Hà Nội. Tôi đến và được bà báo cho biết trường cho con bé nhà tôi thôi học. Lý do: nó hay đọc truyện, và đọc xong lại kể cho bạn nghe, và nó kể rất hay nên các bạn của nó sao nhãng cả học tập. Rồi dường như thấy lý do đó không vững, bà ta nói thêm: vả lại cháu nó cũng yếu, sợ không học được. Không, nó khỏe, và tôi đã gặp thầy dạy nó,

ông ta bảo nó học được. Khiếu nại với bà không xong, tôi nhờ anh bạn giới thiệu đến gặp ông vụ phó vụ Đào tạo của Bộ Văn hóa. Nghe tôi trình bày, ông lấy làm ngạc nhiên:

- Sao đã mất công đào tạo cháu bốn năm rồi lại cho về như thế?

Ông ta sốt sắng hứa sẽ can thiệp và hẹn ngày tôi đến lại. Đến hẹn tôi đến thì bao nhiệt tình của ông đã biến đâu mất sạch. Ông bảo: nhà trường đã quyết định như vậy rồi thì chẳng còn làm thế nào được.

Cho đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao nó lại bị đuổi học. Nếu nó có lỗi gì nặng đáng bị đuổi thì bà hiệu phó kia sợ gì mà không dám nói đập vào mặt tôi để chứng minh chủ trương đuổi nó là đúng. Vậy là có lý do gì khác. Đuổi nó để lấy chỗ cho một người được gửi gắm hay một con ông cháu cha nào chăng? Không rõ. Hay bố nó là phân tử nghi vấn? Chẳng có lẽ. Chỉ biết rằng như vậy là một giấc mộng đẹp như bong bóng xà phòng đã tan vỡ như một bong bóng xà phòng.

Nó bị đuổi học ở trường nhạc ít lâu thì tôi bị bắt. Vợ tôi vào thăm kể chuyện nó đi học văn hóa bị bạn nào chơi ác dán trộm vào lưng nó tờ giấy có mấy dòng chữ “con Việt gian”, đeo một lúc lâu thấy ai nhìn mình cũng cười mới biết. Về nhà nó kể, khóc sưng cả mắt. Suốt mấy năm phổ thông còn lại, biết thân biết phận, nó “phấn đấu” để được vào đoàn, ra sức học và lăn lộn mọi công tác đoàn thể của trường. Bạn bè thông cảm muốn kết nạp nó lắm nhưng ai cho kết nạp? Tốt nghiệp phổ thông xong, nó nộp đơn thi vào đại học Tổng hợp, khoa Văn. Không được học nhạc thì học văn vậy, vì nó cũng rất thích văn, đã thử viết truyện ngắn, làm thơ, và mỗi lần nhà trường tổ chức diễn kịch đều nhảy lên sân khấu thủ một vai. Và như bạn đọc đã thấy, từ bé đã tài kể chuyện đến nỗi bị đuổi học.

Khổ thân nó, ai để cho vào học mà thi! Nếu tôi ở nhà thì tôi đã thuyết phục được nó, còn mẹ nó thì không can nôi: nó cứ nhất định tin rằng một khi nó mong muốn mãnh liệt như thế thì không cô chú nào nỡ gạt bỏ nó, nhất là nếu nó đỗ điểm cao. Nó đã đỗ điểm cao thật, được ban tuyển sinh xếp vào danh sách đi học Cộng hòa dân chủ Đức. Danh sách đưa lên trên thì nó bị gạt: lý lịch xấu. Không những không được đi học Cộng hòa dân chủ Đức, mà còn không được nhận vào học ở Đại học Tổng hợp. Nó đã lộn cổ rơi từ trên trời rơi xuống. Rơi tự do.

Hỏi ấy học sinh có câu vè:

Thứ nhất vào Y

Thứ nhì vào Dược

Bách khoa tạm được

Sư phạm vứt đi.

Đối với con cái bọn xét lại thì cả cái thứ nhất, thứ nhì, đến cái tạm được lẫn cái vứt đi đều là những chỗ chúng bị cấm cửa. Chúng bị cấm cửa toàn bộ những trường dạy khoa học xã hội và các trường “trọng điểm” của khoa học tự nhiên.

Học văn chúng có thể làm văn thơ phản động.

Học sư phạm chúng có thể lợi dụng bục giảng của nhà trường làm hư hỏng học sinh.

Học ngoại ngữ chúng có thể làm gián điệp.

Học dược chúng có thể bỏ thuốc độc vào thuốc men.

Học địa chất chúng có thể nắm được tiềm lực quốc gia, và đi lang thang khắp đất nước, chúng có thể gây cơ sở lập chiến khu.

Học kiến trúc chúng có thể phá hoại các công trình xây dựng.

Học lý hóa chúng có thể sản xuất bom...

V.v... v.v...

Dành cho chúng còn mấy trường: Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thể dục thể thao, học thì học không học thì đừng.

Thế là đỡ hẳn hoi mà nó phải ở nhà đan len. Năm sau người ta “cứu vớt” nó, xếp cho nó vào trường đại học Xây dựng vừa học vừa làm, mới mở thí điểm khóa đầu. Một năm học lý thuyết vài tháng, còn lại là ra công trường gánh gạch, đẩy xe bò, đánh vôi, đánh vữa. Nhà trường tuyên bố thẳng thừng: học trường này chỉ có hai loại người, một loại là lý lịch tốt thì học dốt, loại thứ hai học giỏi thì lý lịch xấu, các anh các chị biết thân thì liệu mà phấn đấu.

Công trường làm thông tầm, đến trưa mấy đứa con gái lại rủ nhau vác cà mèn com nguội rúc vào giữa mấy đống gạch ngồi ăn và nghỉ trưa một tí: mùa hè là để tránh nắng, mùa đông là để tránh gió, mùa nào thì cũng để tránh sự trêu chọc cột nhà của đám thanh niên công trường. Nó kể: mùa hè nắng chang chang, đứng trên cầu vôi, hoa mắt chóng mặt tưởng như muốn nhào xuống hồ. Người ta đã coi nó là không đủ sức để học nhạc nhưng lại đủ sức để làm công việc phu hồ.

Học đến năm thứ ba thì bị khái huyết, nó đành phải bỏ. Thế là mất toi ba năm nữa, thành bốn. Bốn năm của cái tuổi đầy ước mơ và hy vọng. Nhưng nó còn đủ nhiệt tình, nói cho đúng hơn là đủ sự bướng bỉnh để thua keo này bày keo khác, cho tròn quá tam ba bận. Năm sau nó lại thi vào lớp đào tạo nữ hộ sinh. Lại đỗ. Đời học trò của nó thi đâu đỗ đấy, và đỗ điểm cao.

Nhưng người ta lại cũng không nhận nó vào học. Người ta sợ con cái phản động dờ dề cho nhân dân thì sẽ bóp chết con cái của nhân dân. Tôi rất lấy làm lạ: chính sách gây thêm thù chuốc thêm oán chắc chắn không phải là một chính sách thông minh. May mắn là lúc ấy tôi đã ra tù. Chạy chọt, khiếu nại, kiện cáo lung tung, lên Bộ Công an, lên Ban Tổ chức Trung ương. Rốt cuộc người ta cũng thương tình để cho nó vào học. Cuộc đời nó quấy mãi cuối cùng cũng thành được một cô y tá đỡ đẻ.

Nhưng đến đây thì nó không còn hoài bão gì nữa, chỉ cốt sao ngày hai buổi đến làm việc không ai chê trách là được. Và đến đây hậu quả của mấy năm công trường đã rõ. Mấy đợt nằm bệnh viện lao. Vài ngày lại một lần nó ngồi gục đầu xuống cống học ra hàng bát máu. Đó cũng là hậu quả của một thời kỳ, khi tôi còn ở trong nhà tù, mấy mẹ con đã phải lần lượt đi bán máu để nuôi nhau. Bán máu đến nỗi con gái đang thì mà người xanh rớt. Người ta xì xào: chắc nó phá thai! Nhưng dầu sao như thế vẫn còn là mừng lắm: bao nhiêu khát vọng tan tành, bao nhiêu sự xúc phạm, bao nhiêu oan trái, đắng cay, vậy mà nó không phát rồ phát dại, không buông thả phá phách. Nếu nó rồ dại hoặc phá phách thì còn khổ biết chừng nào.

Bây giờ nó đã có đứa con gái lên tám, học lớp ba, giống mẹ hồi bé như đúc. Trong một buổi sinh hoạt lớp, cô giáo bảo bạn nào có tiết mục thì lên bảng trình bày cho các bạn nghe, con bé giơ tay xin lên... đọc *Kiều*. Đọc khoảng dăm chục câu, cháu báo cáo cô:

- Thưa cô, con còn thuộc nữa, nhưng mỗi hôm quá, con xin phép cô đến đây con thôi.

Cô sợ quá vội đồng ý ngay: chị tra tấn cả lớp như thế là quá đủ rồi!

Học *Kiều* là cháu thích chứ không ai bảo.

Tôi xem tờ lý lịch cháu khai, thấy ở mục năng khiếu, cháu ghi: Năng khiếu văn. Và ở mục nguyện vọng: Trở thành nhà văn.

Khiêm tốn thế thôi, trở thành nhà văn. Một lần tan học, bố cháu đến đón muộn, thì thấy cháu ngồi một mình dưới đất, lưng tựa vào tường rào nhà trường, cuồn vờ nháp kê lên đầu gối, đang mải mê viết truyện ngắn mi-ni. Tôi kể chuyện cho mẹ cháu nghe thì mẹ cháu chỉ mỉm cười buồn rầu.

Tên con gái tôi là Nguyễn Thị Giáng Hương. Cái tên đó không nói lên được gì với bạn đọc cả. Nhưng tôi nêu ra là vì nếu may mắn cuốn sách này có được bạn đọc chú ý đến, và đọc đoạn này bạn có chút thương cảm với một cuộc đời con trẻ sớm bị bút ngọn một cách tàn nhẫn, thì âu cũng là một cách tôi được chuộc lỗi với nó vậy. Còn con nó, con bé đọc *Kiều*, tôi đặt tên là Cẩm Linh. Tôi đặt tên cháu như thế để tỏ lòng biết ơn một đất nước đã đem đến cho tôi một lý tưởng vĩ đại là chủ nghĩa cộng sản, và sau này đã giúp tôi rũ bỏ một ảo tưởng vĩ đại là chính chủ nghĩa cộng sản ấy. Cẩm Linh, âm Hán Việt của Kremlin.

Ước gì hai, ba chục năm nữa có một cuốn tiểu thuyết hay mang tên tác giả Nguyễn Thị Cẩm Linh.

Được như thế thì hai bố con tôi, một đã về nơi chín suối, một nếu còn nần ná ở lại thì cũng đã già, sẽ mát lòng mát dạ.

Được như thế là cháu đã cưỡng lại được số phận hộ cho mẹ và ông cháu. Mẹ và ông cháu đã chịu thua từ lâu rồi.

Hôm ấy là ngày 24 tháng Mười hai, hôm trước của Noel 1967.

Từ sớm đã có báo động máy bay. Trẻ con nhà tôi đã đi sơ tán cả, ở nhà chỉ còn có hai vợ chồng. Hai chúng tôi nhảy xuống cái hố cá nhân ở mảnh sân con trước cửa nhà. Đứng nép hai người dưới hố cá nhân chật chội, nghe tiếng bom nổ, tôi nói:

- Ước gì một quả bom rơi xuống trúng hố cho chúng mình chết luôn. Có đôi.

Nghe tôi nói vợ tôi mỉm cười buồn rầu. Vợ tôi hiểu tâm trạng của tôi là tâm trạng của con thú bị săn đuổi không có đường chạy tháo thân.

Thế là sau một đợt bắt bớ thứ nhất hồi tháng Bảy, đến tháng Mười đã diễn ra đợt bắt bớ thứ hai. Số người bị bắt bao nhiêu tôi không rõ, chỉ biết là nhiều hơn lần trước và trong đó có Kiên Giang. Bây giờ nhắc lại những chuyện ngày ấy, chị Lan, vợ anh Kiên Giang, đôi lúc vừa cười vừa nói:

- Hồi ấy anh Kiên Giang bị bắt rồi, tôi đi đường gặp anh Thư, anh ngoảnh đi tránh mặt tôi.

Chẳng rõ chị nói vui hay trách móc? Tôi không nhớ chuyện ấy có hay không, nhưng tôi tin là có. Lúc ấy còn ai dám nhìn mặt ai! Lúc ấy tôi đã được tin Đảng coi đây là một chuyên án, và thành lập hẳn một ban chuyên án do ông Lê Đức Thọ làm trưởng ban, và gồm toàn những ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban bí thư, ủy viên Ban chấp hành Trung ương, bộ trưởng, thứ trưởng, đủ các ngành công an, quân đội, thanh tra, phụ nữ (vì có bắt phụ nữ), chỉ không có ngành luật pháp thôi. Đại để là một chiến dịch khủng bố đặt dưới sự chỉ huy của một bộ tư lệnh chống xét lại quyền uy còn hơn cả cái bộ tư lệnh chống phong kiến của ông Hồ Viết Thắng hồi cải cách ruộng đất. Và sau mỗi đợt bắt bớ, ông Lê Đức Thọ lại đăng đàn ra một bản thông báo nội bộ để động viên dư luận trong Đảng. Những bản thông báo đánh số thứ tự như thông báo chiến sự: thông báo số 1, thông báo số 2... Nghe ghê cả người!

Những chuyện trên tôi biết được là do nghe ngóng chứ không được phổ biến cho điều gì hết. Cho đến đầu tháng Mười hai, tôi bỗng được triệu tập đi nghe băng ghi âm các bản thông báo nổi tiếng ấy.

Đến lúc ấy tôi mới biết số anh em bị bắt đã lên đến mười lăm người, trong đó có hai phụ nữ: chị Ngọc Lan, vợ anh Phạm Việt, bị bắt sau chồng một tuần lễ, và một cô giáo trường phổ thông tôi không biết mặt. Và đến lúc ấy tôi mới biết chúng tôi là một tổ chức chống Đảng, lật đổ, một tổ chức tụ tập lại theo lối ngư tầm ngư, mã tầm mã, một tổ chức có tổ chức mà lại không có tổ chức, không có tổ chức mà lại hóa ra có tổ chức. Đó là phép biện chứng: nó mà lại không là nó, không phải là nó mà lại chính là nó.

Đại để có thể hiểu là một tổ chức không có hình thức tổ chức nào, không có tôn chỉ, mục đích, không có cương lĩnh điều lệ, không có trên có dưới, không có chi bộ hoặc tổ nhóm gì cả, và cũng chẳng cần ai kết nạp ai, chỉ cần ai thấy mình là ngư thì cứ việc tự động tìm đến với ngư, ai thấy mình là mã thì đi tìm mã, rồi ngồi với nhau lúc nào tùy ý, bao nhiêu lâu tùy ý, và muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Anh em nào trong chúng tôi đã nghĩ ra cái kiểu tổ chức ấy quả thực là người có đầu óc khôi hài.

Hình như sợ rằng cái gì cũng không có cả mà bảo là có tổ chức thì khó thuyết phục nên ông Thọ nói rằng: tổ chức này cũng có một cái có thể coi như cương lĩnh. Đó là một tài liệu do anh Minh Việt, phó bí thư thành ủy kiêm phó chủ tịch thành phố Hà Nội, viết với đầu đề: “Chủ nghĩa giáo điều ở Việt Nam”. Thú thực tôi chưa hề biết trên đời này có một ông Minh Việt làm cái chức vụ ấy, và cũng chưa được nghe ai nói về bản tài liệu mà ông viết. Nhưng cương lĩnh là cương lĩnh chứ sao lại “có thể coi như cương lĩnh”?

Sau này, mãn hạn tù, về Hà Nội tôi có nhờ anh em giới thiệu đến gặp anh Minh Việt để hỏi về bản cương lĩnh của anh. Anh nói:

- Cương lĩnh gì đâu, mình nghiên cứu tình hình thế giới và trong nước viết thành một bản đóng góp vào việc phê phán lý luận.

Về sau tôi mới biết ông anh là phó tiến sĩ triết học, có cái ham mê nghiên cứu lý luận, một ham thích nguy hiểm.

Tôi ngỡ ý muốn mượn đọc, xem nó thế nào mà nó làm khổ tôi thế thì anh đáp:

- Làm gì còn! Có mỗi một bản viết tay, khi mình bị bắt họ tịch thu mất rồi còn gì.

Không có tổ chức mà là có tổ chức, không phải cương lĩnh mà lại là cương lĩnh, cái phép biện chứng ấy nghe chơi thì cũng hay hay, nhưng áp dụng vào pháp lý để buộc tội người thì mệt quá! Không giết người mà là giết người: tử hình.

Hai bản thông báo số 1 và số 2 đã gây cho tôi một ấn tượng rất nặng nề. Vì giọng nói đắc thắng và đầy đe dọa của ông Thọ. Tôi cũng không hiểu vì sao ông Thọ lại tỏ ra đắc thắng đến thế. Ông trung đoàn trưởng của tôi sau khi đưa được trung đoàn vượt qua sông Luộc đã giơ tay vẫy tôi với vẻ đắc thắng thì tôi hiểu được. Ông ta vừa làm được một việc tưởng không thể làm nổi. Còn việc bắt bớ chúng tôi thì dễ quá, muốn trừ khử cũng chẳng khó gì.

Ở cuộc họp ra về tôi đón đợi những điều xấu nhất. Tôi cảm thấy cái thòng lọng đang thít dần vào cổ tôi.

Tôi đã không phải đợi lâu. Chỉ mấy hôm sau, ông Mạc Ninh, thủ trưởng mới của tôi, gọi tôi lên bảo:

- Anh Song Hào chỉ thị cho anh nghỉ làm việc một tuần để viết kiểm thảo. Nhận tội đi thì được khoan hồng, không nhận thì sẽ bị bắt. Trong thời gian viết kiểm thảo, anh không được trao đổi gì với ai. Tôi sẽ bố trí một buồng riêng cho anh ngồi viết.

Ông Mạc Ninh chỉ nói vắn tắt thế thôi. Chắc ông đã nhận được chỉ thị cụ thể hướng dẫn từng câu một cần nói gì với tôi. Không một lời giải thích, không một lời động viên, không một lời khuyên nhủ. Đối với kẻ thù người ta không khuyên nhủ. Người ta bức hàng hoặc tiêu diệt. Tôi đã nhận được của ông Song Hào một tổi hậu thư bức hàng.

Tôi ngồi một tuần lễ, một mình một căn buồng rộng, suy nghĩ rất căng thẳng. Thế là cuộc đời tôi, cuộc đời vợ và ba đứa con nhỏ của tôi, tất cả sẽ phụ thuộc vào cái tuần lễ này đây, vào tờ giấy đặt trước mặt tôi đây. Có lúc tôi nhìn anh em trong cơ quan mà thèm: trong khi họ sống nhớn nhỡ thì tôi ngồi lo bạc mặt. Tôi tự trách mình sao không thể sống “đơn giản” như người ta, ngày hai buổi đến cơ quan, việc tới tay thì làm, báo viết gì viết nấy, báo khen ai thì khen, báo chửi ai thì chửi, tội vạ gì đến mình mà bận tâm để rồi hứng lấy tai họa đổ lên đầu cả nhà mình. Chiều chiều về đến nhà trông thấy vợ lo lắng, tôi rất ân hận. Từ nửa năm nay, tức là từ khi bắt đầu bắt bớ, tôi không còn bụng dạ nào đi thăm con cái, phó mặc chúng cho vợ tôi. Ở nơi sơ tán chắc chúng đang chạy nhảy, không thể ngờ được cái gì đang treo lơ lửng trên đầu chúng.

Thiếu sót, khuyết điểm, đại dột, ngu ngốc, cái gì tôi cũng có cả và xin nhận. Nhưng tôi có tội gì với tổ quốc?

Có tổ chức mà không có tổ chức, không có tổ chức mà là có tổ chức, chuyện đó là ông Thọ suy diễn ra hay có anh em nào bị bắt đã nhận như vậy? Và tự mình nhận hay là bị ép cung? Nhưng dù anh em đó nhận kiểu như thế nào thì đó là việc của anh em ấy, không phải việc của tôi. Về điều này tôi không lo ngại gì. Nhưng có một chuyện tôi phải cắn bút khá lâu. Có một anh bạn mà tôi xin phép không nêu tên ra đây vì chuyện của anh thì để anh nói tốt hơn. Anh thường cho tôi mượn báo chí nước ngoài đọc, gồm báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp, tập san *Thông tin* của Cục thông tin Quốc tế, một tổ chức chung của các đảng cộng sản thành lập sau hội nghị 81 đảng. Thoạt đầu tôi tưởng là anh mượn ở thư viện cơ quan. Rồi tôi ngờ ngợ và một hôm hỏi thẳng báo lấy ở đâu? Anh trả lời lấy ở APN (Thông tấn xã Liên Xô, có chi nhánh ở Hà Nội). Té ra là thế! Anh còn cho biết thỉnh thoảng vẫn gặp các anh em Liên Xô tại APN trao đổi với nhau về tình hình.

Trong sự việc này tôi có một thái độ nước đôi. Tôi nghĩ rằng trong lúc Đảng ta đang trượt vào quỹ đạo nguy hiểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc thì giúp cho Liên Xô hiểu được tình hình để có chính sách thích hợp tranh thủ Đảng ta là một việc nên làm. Đảng đã từng dạy chúng tôi Liên Xô là trung tâm, là người đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa, là tổ quốc thứ hai của mỗi người cộng sản Việt Nam. Và trong thời điểm nghiêm trọng này ta rất cần Liên Xô giúp đỡ.

Nhưng trong tình hình lúc ấy, quan hệ với Liên Xô là một điều nguy hiểm, tôi không có gan làm. Và thấy anh bạn tôi làm, tôi cũng rất ngại và khuyên anh nên thận trọng. Tôi không can. Can thì sợ mang tiếng là nhát, và lại tôi biết can cũng chẳng được.

Rồi một lần đến chơi, anh bạn tôi bảo:

- Các đồng chí Liên Xô yêu cầu ta góp ý kiến trong tình hình hiện nay Liên Xô nên có chính sách gì với Việt Nam.

Tôi trả lời:

- Liên Xô nên tích cực giúp Việt Nam chống Mỹ. Việc vận chuyển qua đường mòn Hồ Chí Minh rất khó khăn. Liên Xô nên dùng uy tín của mình đặt vấn đề với chính phủ Sihanouk để họ cho phép đưa viện trợ vào miền Nam qua cảng Sihanoukville.

Ít lâu sau, anh bạn tôi đến, cho biết các đồng chí Liên Xô đã trả lời: vấn đề tôi đề xuất Liên Xô đã làm rồi.

Đầu đuôi câu chuyện “làm gián điệp cho Liên Xô” mà sau này người ta buộc cho tôi là như vậy.

Nếu bất quan hệ với Liên Xô là điều tốt thì tôi chẳng có gì đáng vỗ ngực tự hào. Tôi chỉ là một anh nhát gan. Nếu đó là việc xấu thì tôi cũng chẳng phải là kẻ phản bội tổ quốc, tôi chỉ là một thằng ngu. Là ngu tôi đáng bị khai trừ khỏi Đảng. Vì trong một đảng làm nhiệm vụ lãnh đạo không thể có chỗ cho những thằng ngu.

Việc này có nên khai ra hay không? Nghĩ đến giọng nói đầy hăm dọa của ông Thọ tôi rất ngại ngần. Mình khai ra dù là sự thật, nhưng ông ấy có tin cho không? Hơn nữa anh bạn ở trong tù chối hay nhận thế nào tôi không rõ, nhưng nếu anh ta không nhận, tôi ở ngoài còn tự do, lại tố giác anh thì coi có được không? Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng tôi không khai.

Nộp bản kiểm thảo rồi, tôi như ngồi trên lửa đốt.

Tôi đợi phản ứng của cấp trên. Cái lo âu còn hơn cái lo âu của đêm trên đê Sa Lung tôi đứng đợi tiểu đoàn trưởng Mạnh đi trinh sát mở đường: chúng tôi sẽ thoát khỏi vòng vây hay là bị tiêu diệt, xóa sổ? Một ngày, hai ngày, ba ngày, ngày nọ nổi tiếp ngày kia, đầy một vè chết chóc. Tôi nghĩ rằng hôm trước của ngày tận thế chắc cũng như thế này mà thôi.

Rồi một buổi tan tầm, ông Mạc Ninh gọi tôi lại bảo:

- Anh về chuẩn bị ba-lô quần áo, chăn màn, sáng mai đến cơ quan đi lên chỗ sơ tán với tôi, mai có ô-tô.

Tôi hồi hộp quá, cố phán đoán xem đó là tín hiệu gì. May ra tôi thoát chăng?

Tối hôm đó vợ tôi chuẩn bị cho tôi một ba-lô đầy chăn màn, quần áo ấm. Sáng sớm lại chạy đi mua một đôi bánh mì cặp nhân đầy lên, đút cả vào ba-lô. Vừa xong thì báo động máy bay. Đạn cao xạ ầm ầm.

Còi báo tan. Chúng tôi nhảy ở dưới hố lên, khóa cửa, lấy xe đạp đèo nhau lên cơ quan. Chia tay nhau trước cửa cơ quan, vợ tôi nói nhỏ:

- Anh đi, mau về.

Tôi cười gượng. Chúng tôi nhìn nhau nửa lo lắng, nửa hy vọng.

Sân cơ quan vắng tanh, chỉ có mình ông Mạc Ninh chấp tay sau đít đi đi lại lại trên hành lang. Tôi thấy chợn chợn. Ông Mạc Ninh nói như cố ý giải thích:

- Anh em đã đi trước cả rồi. Cậu hành chính chạy ra phổ hộ tôi chút việc. Ta vào đây uống nước chờ xe.

Rồi ông kéo tôi vào buồng ông. Tôi ngồi tiếp chuyện ông, cố làm ra vẻ tự nhiên. Một lúc lâu sau có tiếng com-măng-ca đỗ xích ngoài sân. Tôi chưa kịp định thần đã thấy xuất hiện hai viên thiếu úy trẻ tuổi nai nịt chỉnh tề, một người dừng lại trấn giữ cửa, người kia bước xộc vào. Tôi giật thót mình.

Viên thiếu úy thứ hai nói như ra lệnh:

- Anh đứng nghiêm nghe lệnh!

Anh ta rút trong sắc-cốt ra một tờ giấy nhỏ bằng nửa trang vở học trò, tuyên đọc:

Lệnh bắt giam.

Ra lệnh bắt: Tên phản cách mạng Trần Thu.

Vì tội: Có hành động nguy hại đến nền an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nơi giam: Hỏa Lò.

Ký tên

Đại tá Kinh Chi, Cục trưởng Cục Bảo vệ.

Lệnh vẫn tắt một cách đanh thép, không có những câu thừa như: căn cứ điều khoản bao nhiêu của bộ luật nào đó, v.v... Bất, thế thôi, không oong đơ gì cả.

Tôi toát mồ hôi. Và không hiểu sao, cuống lên lại thọc tay vào túi áo quân phục. Viên thiếu úy nhảy lùi phắt lại, đưa tay vào bao súng ngắn đeo bên sườn. Chắc anh ta tưởng tôi thò tay vào túi để lấy vũ khí chống lại?

Thấy thế, tôi từ từ rút tay ra, buông xuôi. Và tự nhiên thấy trong lòng thanh thản lạ lùng.

Ấu thế cũng xong. Chứ sống như những ngày tháng vừa qua thì tôi không chịu nổi nữa rồi.

Tôi có cảm giác được giải thoát.

Cái cảm giác được giải thoát ấy nó mạnh đến nỗi khi hai cánh cổng nặng chịch của nhà tù Hỏa Lò mở ra cho chiếc xe chở tôi từ từ bò vào trong sân, tôi không thấy có gì xao xuyến lo âu. Chỉ một chút tò mò: cái nhà “xăng tan”²⁰ nổi tiếng, cái nhà bốn phố, mà từ thửa nhỏ tôi đã bao lần đi dọc không phía này thì phía kia của bốn mặt tường xù xì lì lợm của nó và nhìn nó bằng con mắt kính nể, nó là thế này đây. Bao nhiêu lần đi qua nhưng đây là lần đầu tiên bước chân vào.

Dẫu sao đây cũng mới chỉ là khu hỏi cung, nơi sinh hoạt và làm việc của cán bộ nhà tù, được ngăn cách khỏi khu giam bằng một cái cổng không kém bè thế cái cổng ngoài đường. Tầng ngoài địa ngục. Cho nên nó chưa có vẻ gì ghê gớm. Có hai dãy nhà hai bên, có bồn hoa, có hoa.

Người ta dẫn tôi vào một cái buồng rộng, trống trơn, chỉ kê độc một cái bàn gỗ. Một viên thượng úy trở cho tôi đứng vào một bên tường, và nói bằng giọng khu bốn pha bắc:

- Để ba-lô xuống, cởi quần áo ra.

Tôi đặt ba-lô xuống đất, rồi cởi quần áo ra: áo bông quân phục, áo len dài tay, áo len ngắn tay, sơ-mi, quần. Đến đây tôi dừng lại và không thấy viên thượng úy bảo gì. Vậy là không phải cởi truồng. Một người mặc thường phục tiến đến bảo tôi há mồm, lật lưỡi vành má hai bên. Khám mồm, khám tai. Rồi sờ nắn tất cả những nơi trên thân thể tôi mà cái quần đùi bộ đội và

²⁰ Nhà tù Hỏa Lò được đặt tên Pháp là *Maison Centrale*, dân ta phiên âm là “xăng tan”.

cái áo may-ô cộc tay của tôi còn che khuất. Không thấy bảo tôi chổng mông vành đít khám hậu môn.

Tôi chẳng sợ. Chưa bị bắt nghĩ đến bị bắt thì sợ lắm, bây giờ bị bắt rồi, và chấp nhận (vì cũng chẳng còn cách nào khác) thì hết cái để sợ. (Rút kinh nghiệm, muốn duy trì ai trong sự sợ hãi thì không nên bắt, chỉ nên dọa bắt thôi). Tôi chỉ buồn. Buồn ngao ngán. Cái tình đồng chí nó làm cho người ta có thể nhường hằm bí mật cho nhau khi giặc đã đến cổng làng và nằm đè lên nhau để che mảnh đạn pháo cho nhau, cái tình đồng chí ấy mà lại đổ đốn đến như thế này thì bảo sao mà không ngao ngán?

Xong việc khám xét thân thể là việc khám xét đồ lẻ. Cái ba-lô của tôi mà vợ tôi đã xếp cẩn thận, thứ nào ra thứ ấy cho dễ tìm, bị rũ tung ra đất cùng với đồng quần áo tôi vừa cởi ra. Lăn sờ từng túi, từng gấu quần gấu áo, từng đường chỉ may. Kiểm kê. Nhét tất cả trở lại vào ba-lô. Và giải thích:

- Đồ lẻ của anh khi nào anh được về chúng tôi sẽ trả lại. Cả hai cái ổ bánh mì chúng tôi cũng sẽ tính tiền trả cho anh. Chúng tôi giữ bánh lại là để bảo vệ anh.

Bảo vệ tôi? Bảo vệ tôi khỏi bị vợ đầu độc thủ tiêu để đi lấy chồng khác, hoặc là “đồng bọn” của tôi hay tình báo Liên Xô đầu độc để bịt đầu mối, hoặc là tôi tự đầu độc để trốn tránh đấu tranh. Không còn cách giải thích nào khác. Chẳng hiểu cái anh chàng thượng úy kia nói thật hay nói đùa?

Và nửa giờ sau, cánh cửa xà lim Hòa Lò đã đóng sập vào sau lưng tôi, khép lại một quãng đời... Một quãng đời làm sao? Tôi nghĩ mãi một cụm từ để đánh giá quãng đời ấy: lương thiện, lãng mạn, ngây thơ, nhỏ nhãng, đáng tự hào, v.v... Cuối cùng tôi chịu và đành đánh dấu ba cái chấm. Vì tất cả đều có, mỗi thứ một tí.

Vòng vây của địch, tôi còn có thể lọt được. Vòng vây của Đảng thì chịu.

HẾT PHẦN MỘT

PHẦN HAI

Tôi ở xà lim Hòa Lò này sáu tháng, qua một mùa đông, một mùa xuân và nửa mùa hè, được hưởng mọi sắc thái thời tiết của nó. Mùa đông năm ấy đặc biệt giá rét và mùa hè đặc biệt nóng nực. Có lẽ không phải thời tiết năm ấy đặc biệt, mà là cái xà lim này nó đặc biệt. Không biết “cơ chế” của nó thế nào mà mùa hè thì nó hầm hập, mùa đông lạnh buốt, còn mùa xuân thì nó ướt đầm dề. Mọi diễn biến thời tiết bên ngoài thấm qua được bức tường dày và kín của nó đã được nhân lên.

Tôi không biết cái nhà tù Hòa Lò này được xây dựng năm nào. Tôi nghĩ là vào quãng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX gì đó. Và từ khi ta tiếp quản, nó cũng tiện dụng và thích hợp với chủ nghĩa xã hội cho nên vẫn nguyên vẹn đó, man rợ, già nua, mốc meo mùi vãn minh thực dân cuối thế kỷ XIX. Và nếu nó không nằm lù lù giữa thủ đô, nơi bây giờ giá mỗi mét đất lên tới hàng cây vàng, đem bán cho công ty nước ngoài ra khỏi cửa, thì có lẽ nó cứ nằm lì nơi đó, tro gan cùng tuế nguyệt, làm người lính lê dương già của nền chuyên chính vô sản. Cơ chế thị trường lợi hại thật! Bấy được cả cái nhà xăng tan sừng sững này ra ngoại ô cứ nhẹ như không, chẳng khác gì Ngũ Công rời núi. Nhất là một cái nhà xăng tan gắn liền với những tên tuổi như Hoàng Văn Thụ.

Nghe nói ngày xưa Tây dùng những xà lim này để giam tù án chém, tù trọng tội. Nó cũng được dùng làm xà lim kỷ luật. Người tù nào phạm kỷ luật của trại cần phải trừng trị thì bị tống vào “ca sô”. Ca sô là những xà lim này. Bây giờ hình như cũng vậy: tôi là phản cách mạng, còn anh bạn cùng xà lim là một anh thượng úy can tội bắn chết thủ trưởng.

Tôi không rõ Hòa Lò có bao nhiêu xà lim, riêng ở khu tôi bị giam thì có tám cái, xếp hàng ngang như tám cái cũi kín mít, mỗi cũi được giam hai người. Xà lim ngang dọc mỗi chiều khoảng hai mét, trần bê-tông, cao khoảng năm mét để người tù không thể trèo lên được. Giường nằm là hai tấm bê-tông xây gắn vào tường chạy hết chiều dọc của xà lim và giữa hai tấm để chừa ra một lối đi rộng khoảng sáu mươi phân. Chiều dài của mỗi tấm như vậy là dài hơn cái giường cá nhân một chút, vì ở cuối mỗi tấm có một cái cùm bằng gỗ lim nẹp sát ăn hết chiều ngang của phân. Cùm có hai thót khoét hai lỗ để đút chân vào. Thót dưới gắn chặt vào phân, thót trên có bản lề để đóng mở. Chốt là một thanh sắt tròn, to, xuyên qua tường để khóa từ bên ngoài.

Cửa ra vào rộng bằng đúng cái lối đi còn để lại giữa hai tấm phản bê-tông, có cánh gỗ dày, và ở chỗ ngang tấm mắt có khoét một lỗ cửa con vuông mỗi chiều khoảng mười lăm phân. Cửa đóng ban ngày để người bị giam không nhìn được ra ngoài và ban đêm để mở để quản giáo đi tuần tra bên ngoài có thể nhòm vào kiểm soát động tĩnh. Lỗ thông hơi duy nhất là một cửa sổ có chấn song sắt và lưới mắt cáo, kích thước khoảng 40x60 phân ở bức tường cuối xà lim, nằm ngang sát trần. Đứng ở dưới đất ngửa cổ nhìn lên thì thấy cái mái ngói chìa ra. Thềm cảnh trời mây thì treo lên giương sẽ nhìn thấy được một cảnh bàng, và qua kẽ lá bàng, lốm đốm một mẫu trời. Cửa sổ ấy hướng bắc nên mùa hè không có gió, còn mùa đông thì như cái phễu hứng gió bắc. Kiến trúc của xà lim là như vậy, còn “trang bị nội thất” của nó thì ngoài hai cái cùm tôi nói ở trên, chỉ còn hai cái bô vệ sinh đặt ở dưới gầm phản xi-măng để ia đái ngay trong phòng giam.

Đã bước chân qua cái cửa xà lim này thì chỉ bước ra mỗi sáng một lần để đổ bô và rửa mặt trong vòng hai, ba phút, mỗi tuần một lần để tắm rửa trong mười lăm phút và những lần gọi đi hồi cung. Còn lại thì cứ loanh quanh hai người trong bốn cái mét vuông ấy. Trong cuốn *Viết dưới giá treo cổ*, Julius Fučík tả cuộc sống của mình trong xà lim nhà tù phát-xít bằng câu chuyện đi bách bộ của ông: bước đi mười hai bước, bước về cũng mười hai bước. Tôi không nhớ con số của Fučík là mười mấy, chỉ nhớ là trên mười, tôi tạm lấy con số mười hai cho nhỏ. Tôi cũng vậy, bước đi năm bước, bước về cũng năm bước. Cứ loay hoay như con chó trong cũi. Chó trong cũi còn nghênh ngáo nhìn được cảnh vật bên ngoài, còn tôi thì có bốn bức tường bung lấy mắt.

Người bị giam trong các xà lim không được tiếp xúc trò chuyện với nhau, thậm chí không được trông thấy nhau, cho nên ra tắm rửa, đổ bô đều ra sân lần lượt từng xà lim một. Mảnh sân nhỏ vài mét vuông cũng có tường và hàng rào sắt vây kín, có cửa sắt để người đứng tắm rửa ngoài sân cũng bị khóa trái. Kiểu tù này hình như xưa kia Pháp gọi là tù cấm cố, bây giờ ta dùng chữ lịch sự hơn: giam biệt lập.

Sở dĩ tôi kể lể dài dòng như vậy là vì có ông bạn đại tá đến bây giờ, tức là sau một phần tư thế kỷ, còn hỏi tôi:

- Ông cứ nói là ông bị tù cho nặng nề ra, chứ chắc là người ta đưa ông đến một nơi nào đó ngồi đọc sách thoải mái chứ gì.

Phải, tôi được đưa đến một nơi thoải mái như vậy đấy.

Cai quản dãy xà lim chúng tôi là một ông quản giáo già tên là gì tôi không biết, chỉ biết anh em tù báo vụng cho nhau gọi ông ta là lão Javert. Lão biết vậy và tỏ ra tức giận. Lão nói:

- Các anh lại còn gọi tôi là Jarvert!

Lão tướng Javert là một nhân vật xấu xa đê tiện lắm. Nếu biết Javert là thế nào thì chắc hẳn lão sẽ tự hào. Thực ra cũng không thể nói được là lão ác. Trong sáu tháng nằm ở Hỏa Lò tôi chưa nghe thấy – nghe thôi chứ không thể nhìn thấy cái gì – chưa thấy lão đánh ai bao giờ. Lão chỉ thi hành công vụ của lão một cách thẳng băng, không khoan nhượng mà thôi. Tính cách Javert của lão chính là ở chỗ ấy. Lại thêm một bộ mặt khó đăm đăm và giọng nói không bao giờ ôn tồn làm cho lão thành một con người rất mất cảm tình. Anh em tù khác có sợ lão không tôi không biết, còn tôi thì tôi sợ lão. Bởi mỗi lần cắt tóc cho tôi, đến tiết mục cạo râu, lão không bao giờ dùng dao kéo mà cứ cái tông-đơ cùn lão rúc vào mũi tôi. Và vì lão vội, lúc nào cũng thấy lão vội, cho nên lão cứ làm phăng phăng. Tôi giật mình thon thót mỗi lần cái tông-đơ dứt phụt một sợi ria cửa không đứt. Lão lại càu nhàu:

- Làm cái gì thế, có muốn đứt mũi không?

Làm cái mà mẹ lão, thế thì bố ai giữ được không giạt mình!

Chỉ khi lão uốn lưng đứng thẳng dậy tôi mới hoàn hồn, yên chí ít ra là đến lúc này cái mũi vẫn còn nguyên vẹn.

Nếu còn sống đến bây giờ lão phải ngót nghét chín chục. Chắc lão đã về châu thổ rồi. Cầu trời cho lão an giấc ngàn thu.

Phụ trách hỏi cung tôi là ông Nhuận, họ và cấp bậc là gì tôi cũng không rõ. Ông ta sẽ là người bừa đi bừa lại cho nhão nhuyễn, còn cây võ ban đầu là ông thượng úy xứ Nghệ đã có lòng tốt muốn bảo vệ tôi khi tịch thu hai cái bánh mì đầy ba-tê xúc-xích của tôi. Bây giờ ông ta lại tuyên bố một câu xanh rờn:

- Chúng tôi bắt anh vào đây là để bảo vệ anh.

Tôi xin cảm ơn. Nhưng giá như ông đừng bảo vệ tôi thì có lẽ tôi thích hơn.

Ông ta tên là Nhiên, nom dáng nông dân hơi đậm đậm, nhưng mặt mũi trắng trẻo, cái trắng trẻo của một người ngồi nhiều ở bàn giấy, và có lẽ kém tôi vài ba tuổi. Một hôm vừa hỏi cung tôi, bỗng có tiếng tên lửa rơi nổ gần đầu đó, ông ta giật bản mình, nhảy vội nép vào góc tường. Rồi thấy tôi ngồi im như thóc, ông ta hơi ngượng, quay trở lại bàn. Chẳng chê cười gì ông ta. Chẳng qua là ông ta làm một công việc nó không cho ông có dịp được nghe đạn rít bên tai, bom nổ quanh mình, nên không quen mà thôi. Vả lại, ông đang yêu đời, đang được đặt trước một cơ hội thăng tiến hiếm có, ngàn năm có một, còn tôi thì đang muốn chết. Lúc ấy tôi chỉ mong không phải là một mà là mười quả tên lửa rơi xuống giữa gian phòng này.

Thực ra cái gì cũng là quen cả. Như tôi quen ngồi vắt chân chữ ngũ, một thói quen bị vợ tôi phê bình nhiều lần mà không sửa được. Rồi đến cái tối ngày 24 tháng Mười hai ấy, ngay cái tối hôm tôi bị bắt, người ta đã điệu tôi đi lấy cung. Tôi được đưa đến một căn phòng rộng, cuối phòng kê một bộ bàn ghế làm việc có ông Nhiên đang ngồi cầm cúi xuống đóng giấy tờ, và trơ vơ giữa phòng là một cái ghế đầu đặt cách xa bàn vài ba mét, để phân rõ ranh giới giữa hai người ngồi ở hai vị trí ấy. Bởi vì phân rõ ranh giới giữa bạn, thù và ta luôn luôn là tiêu điểm để đánh giá lập trường người cộng sản có kiên định hay không. Ấy thế mà người ta vẫn cứ lẫn lộn lung tung cả. Tôi đang như chim chích lạc vào rừng, chẳng kịp suy nghĩ gì, nên khi người ta chỉ cho tôi ngồi vào ghế đầu đó, tôi đã ngồi xuống và như một cái máy, vắt chân chữ ngũ, im lặng chờ. Tôi hiểu là ông Nhiên cố tình cho tôi đợi.

Lát sau, ông ta ngẩng đầu lên, thấy tôi ngồi kiểu ấy, xẵng giọng quát:

- Bỏ chân xuống!

Tôi hơi bị bất ngờ. Tôi chưa quen nghe ai nói với mình kiểu như vậy. Chắc ông ta muốn bảo tôi: mày hãy quên cái lon thiếu tá của mày đi, bây giờ mày chỉ là một tên phản cách mạng, và ngồi trước mặt mày không phải là một thượng úy mà đại diện của chuyên chính vô sản, đừng có láo! Khôn nạn, tôi có định lếu láo gì đâu. Tôi đâu có nghĩ lời thôi gì. Tôi chỉ quen ngồi vắt chân chữ ngũ mà thôi. Cũng như ông ta không quen nghe đạn nổ vậy. Nhưng cũng từ đó tôi bỏ được thói quen thô thiển ấy và học được một thói quen mới văn minh hơn: ngồi ngay ngắn, hai bàn tay xò ra úp lên hai đầu gối, như các cụ ta ngồi chụp ảnh thờ.

Ông ta muốn trấn áp phủ đầu tôi. Nhưng tôi nghĩ việc ấy là thừa. Bởi khi bước chân lên xe vào Hòa Lò, tôi đã xác định sẽ trình bày hết sự thật, nói theo ngôn ngữ nhà tù mà lúc ấy tôi

chưa thạo là thành khẩn khai báo hết. Tôi gì không khai nhỉ! Tôi bị buộc tội là phản cách mạng, mà nếu tôi khai hết thì sẽ rõ ràng không phải như thế. Khai hết tức là chứng minh tôi là thể này chứ không phải thể kia. Khai hết chính là tôi tự bảo vệ vậy. Tôi có thể là bất cứ cái gì, xét lại, dao động, sợ Mỹ, vô tổ chức, vô kỷ luật, hợm hĩnh, hỗn láo, ngu..., cái gì cũng được, nhưng phản cách mạng thì dứt khoát không. Đảng nhầm rồi. Thậm chí tôi còn nghĩ: khi tôi đã làm rõ được vấn đề thì Đảng phải xin lỗi tôi. Ôi anh bạn Cả Cò ơi, tôi biết trời sinh ra anh ngớ ngẩn, nhưng không ngờ anh lại ngớ ngẩn đến thế! Nếu muốn, anh có thể đợi. Dẫu sao thì chờ đợi một điều gì tốt lành cũng là một niềm vui không mất tiền. Đợi cả đời càng được vui lâu.

Vậy là tôi quyết định khai hết, không sót điều gì. Tất nhiên là khai hết về mình. Còn về các anh em khác? Đến đây thì tôi phải tạ ơn trời đất đã sinh ra tôi không có tính tò mò, thóc mách, không hay thò mũi vào chuyện người khác, nếu không thì lúc này tôi phải đứng trước một sự lựa chọn khó khăn. Tất nhiên tôi biết quan điểm của họ, vì khi gặp nhau chúng tôi thường trò chuyện về thể sự, hết như các cụ lão thành bây giờ ngồi với nhau phê phán đủ chuyện vậy. Và lại những anh em đó đã công khai bảo lưu quan điểm của mình trong thời Nghị quyết IX, có gì mà phải giấu? Còn như họ có hành động gì không thì, nhờ ơn trời, tôi không biết. Trừ chuyện anh bạn đã quan hệ với thông tấn xã Novosti như tôi đã kể ở Phần Một cuốn sách này. Tôi xin anh bạn thông cảm, tôi không thể không khai ra, có thể tôi mới biện minh cho mình được. Và lại, nếu bạn thấy việc mình làm là đúng và có gan làm thì tôi nghĩ nên có gan nhận.

Chính ý nghĩ rõ ràng và dứt khoát ấy đã làm cho tôi đi vào Hỏa Lò với một thái độ bình tĩnh tự tin. Trên dọc đường xe đi, tôi ngồi kẹp giữa hai viên thiếu úy đeo sắc-cốt.

- Đề nghị anh cho tôi xem tờ lệnh bắt.

Anh ta rút ra đưa và tôi cầm lấy với một vẻ thản nhiên, lướt mắt qua rồi thờ ơ trả lại. Đến lúc này cái tờ giấy ấy chẳng là gì đối với tôi cả.

Và tối hôm ấy, hỏi cung tôi xong, ông Nhiên bảo tôi trở về phòng giam. Tôi bước ra sân thì chẳng thấy ai dẫn mình đi cả. Quay lại thì phòng hỏi cung đã đóng. Trời đã khuya. Sân vắng tanh vắng ngắt. Chờ một lúc cũng chẳng thấy ai, tôi lững thững qua cái cổng để mở, bước vào sân trong... Cũng vắng tanh. Tù nhân trong mấy “san” giam tập thể đã ngủ cả. Tôi hơi lạ, đứng giữa sân réo ầm lên:

- Có ai đấy không? Cho tôi về xà lim chứ!

Từ trong bóng tối lão Javert hiện ra. Thì ra là người ta thử tôi, thả lỏng để xem tôi hành động thế nào, có tìm cách trốn không? Buồn cười thật, tội tình gì mà phải trốn? Và trốn đằng trời!

Thậm chí tôi còn lạc quan. Tôi cho rằng vấn đề của tôi chẳng có gì rắc rối, phức tạp, chỉ cần vài ngày trình bày là sẽ rõ hết, kể thêm thời gian xem xét xác minh nữa thì chỉ vài tuần lễ, cùng lắm vài tháng là xong. Vài tháng năm Hỏa Lò thì có xá gì.

Cho nên khi bước chân vào xà lim này, tôi cũng thấy nó chẳng có gì là ghê gớm lắm, sống được. Và nhìn cái cùm ở cuối giường thấy là lạ, vui vui. Đảng bắt tôi vì tưởng tôi là phản cách mạng, vậy khi đã rõ tôi không phải là phản cách mạng thì tất nhiên Đảng sẽ cho tôi về, đó là ABC của phép lô-gích. Chính ông Nhiên đã giải thích cho tôi nghe ngay trong buổi hỏi cung đầu tiên:

- Đảng không muốn bắt các anh, nhưng để các anh ở ngoài thì các anh không chịu khai, phải đưa các anh vào đây để các anh khai.

Nghĩa là không phải là nắm được chứng cứ rồi mới bắt, mà bắt để tìm chứng cứ trong lời khai.

Ít lâu sau, ông Nhuận cũng nói:

- Anh khai xong thì sẽ được về.

Không lời hứa hẹn nào có thể rõ ràng, dễ hiểu và dứt khoát hơn. Làm sao tôi có thể không tin? Đây là Đảng chứ có phải ai đâu mà bảo sợ nói xong rồi nuốt lời? Không những thế cả hai ông còn nói:

- Đảng không chủ trương giải quyết việc các anh bằng pháp luật mà bằng xử lý nội bộ.

Xưa nay ai cũng hiểu xử lý nội bộ là kiểm điểm, phê bình, cảnh cáo, thi hành kỷ luật các mức, mà mức cao nhất ghi trong điều lệ Đảng là khai trừ. Tôi cũng đã hiểu như vậy.

Xin đừng cho đó là những lời nói vô trách nhiệm của những cán bộ thừa hành. Anh Kiến Giang có kể với tôi rằng ngồi tù hết năm thứ ba, anh đã viết thư cho ông Lê Đức Thọ, đề nghị được đưa ra xét xử đảng hoàng để có án và biết mình còn phải ngồi tù bao lâu nữa cho yên tâm. Ông Thọ đã cử ông Thành, vụ trưởng Vụ Bảo vệ của Ban Tổ chức Trung ương xuống trại giam Ba Sao gặp Kiến Giang để trả lời:

- Anh Thọ rất quan tâm đến cách anh và cứ giục tôi đi trả lời anh. Đấy anh xem, hôm nay mới là ngày mừng bốn Tết mà tôi đã đi gặp anh rồi. Anh Thọ bảo tôi truyền đạt cho anh hai ý kiến. Thứ nhất, đây không phải là vấn đề pháp luật, đây là xử lý nội bộ. Anh có bị tù đâu, anh ở đây học tập, đọc sách. Thứ hai, anh ngồi đây cũng là tham gia chống Mỹ cứu nước...

Kiến Giang bị bắt ngờ quá, phì cười. Ông Thọ quả là người thích đùa. Và đùa đến là dai.

Ở một nhà nước pháp quyền khi chưa có kết luận của tòa án ghi thành văn bản án là một người có tội thì người đó được coi là người vô tội. Luật pháp của ta bây giờ cũng đã thừa nhận điều đó. Nhưng hồi ấy Đảng là luật pháp, hay nói cho đúng hơn, ông Duẩn, ông Thọ là luật pháp. Thêm nữa, ông Thọ lại tuyên bố xử lý nội bộ thì tòa án nào, cơ quan tư pháp nào dám xía vào công việc nội bộ của Đảng? Thực ra có lập tòa án để xử thì kết quả cũng vẫn vậy. Vì tòa án đâu có xử theo pháp luật, mà xử theo chỉ thị của Đảng. Và cho dù tòa án có xử đúng pháp luật đi nữa thì pháp luật ấy cũng do Đảng vạch ra theo ý mình, coi như ý trời. Đó là một cái vòng kim cô không cho bất cứ ai thoát được nếu đã bị đeo nó vào. Tên gọi hiện đại của cái vòng kim cô ấy là chuyên chính vô sản.

Gần đây trong bản thông báo ra ngày 20 tháng Ba năm 1994 của Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương có giải thích rằng sở dĩ không đưa chúng tôi ra tòa mà chỉ xử lý hành chính bằng biện pháp tập trung cải tạo là do tình hình trong nước và quan hệ quốc tế lúc ấy. Đúng là lúc ấy trong nước đang có chiến tranh và ta đang cần được Liên Xô giúp đỡ, không thể dẫn mặt Liên Xô đưa ra tòa xử một vụ án chống xét lại được. Nghe thì như có lý. Nhưng không phải. Chỉ là vin vào có ấy thôi. Vì nếu không có tình hình ấy thì cách giải quyết cũng vẫn như vậy. Tôi chẳng nói được điều gì mới mẻ khi khẳng định rằng ở Việt Nam nói chung tù chính trị không bao giờ được xét xử, toàn là “xử lý hành chính bằng biện pháp tập trung giáo dục cải tạo”. Thế cho gọn nhẹ, đỡ phiền phức. Trừ trường hợp việc đưa ra xử là nhu cầu của tuyên truyền như trường hợp xử vắng mặt ông Hoàng Văn Hoan, hoặc cực chẳng đã, không thể trốn tránh, không thể “đi đêm” được. Nếu có thể đi đêm được thì bao giờ cũng đi đêm.

Đầu những năm 1960, nhà văn kiêm biên kịch Hoàng Công Khanh, nhà văn Phùng Cung, anh Tuấn Nguyễn, một cán bộ của Việt Nam Thông tấn xã đã bị bắt, người thì đi tù bảy năm vì bị coi là có tư tưởng chống Đảng, người thì chín năm vì là tác giả của truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*, người thì tám năm vì mấy bài thơ khóc Dương Bạch Mai mà anh đã làm và ghi vào sổ tay chứ không đăng ở đâu cả. Năm 1979, thượng tướng Chu Văn Tấn, đặc đẳng công thần, người hùng của cứu quốc quân Bắc Sơn, ủy viên Trung ương Đảng, bí thư khu ủy kiêm chủ tịch khu tự trị Việt Bắc, bị bắt giam vì bị coi là thân Trung Quốc và có âm mưu làm phản. Tất cả đều không xét xử. Khi ông Tấn bị bắt, đất nước đã hòa bình. Còn giữa ta và Trung Quốc thì đã công khai vạch mặt chỉ trán nhau là kẻ thù nguy hiểm, thậm chí đã kéo nhau ra biên giới bắn giết nhau một trận thoải mái, còn có gì phải giữ ý nữa đâu, v.v... và v.v...

Ấy là bây giờ tôi mới nói rành rọt như vậy, chứ đầu óc tôi lúc ấy còn rối rắm lắm. Tới lúc bấy giờ tôi là người đảng viên cộng sản đã hai chục năm có lẻ. Thoạt đầu vào Đảng là vì người ta bảo vào thì vào. Rồi được cử đi học, cộng với tự học, trở thành một đảng viên có lý luận, tin vào chủ nghĩa, đi giảng dạy chủ nghĩa cho người khác, viết báo cũng viết về chủ nghĩa. Và tự hào về danh hiệu đảng viên cộng sản của mình. Mấy năm bắt đòng vừa qua chỉ có thể làm lung lay đôi chút chứ làm sao xóa bỏ được niềm tin ấy của tôi. Ngồi trong Hỏa Lò, không lúc nào tôi quên mình là đảng viên cộng sản. Chẳng qua là tôi bị Đảng hiểu lầm do những báo cáo bóp méo sự thật. Và lại tôi cũng có sai, có những hành động thiếu suy nghĩ đã gây khó khăn cho Đảng trong lúc Đảng đang lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ. Từ những sai lệch cả hai phía, quan hệ giữa Đảng và tôi cứ xấu dần đi, rồi đến chỗ tồi tệ như thế này. Đã đến lúc phải tỉnh lại và không để cho nó xấu thêm. Đảng đã nói “xử lý nội bộ” và “khai xong thì sẽ được về” có nghĩa là Đảng cũng muốn mở một hướng giải quyết thỏa đáng. Về phần tôi, phải có một thái độ sòng phẳng, bị hiểu lầm thì thanh minh, có sai lầm thì nhận. Và nếu vì thế mà có bị khai trừ chẳng nữa thì tôi vẫn là người cộng sản. Không phải đảng viên nhưng vẫn là người cộng sản, bằng trí tuệ và tâm huyết của mình.

Nhưng mới hôm trước tuyên bố xử lý nội bộ với tôi thì ngay hôm sau, ông Nhiên đưa tôi đi lặn tay và chụp ảnh lập hồ sơ tù. Lặn đủ mười ngón tay và chụp đủ ba kiểu ảnh ngồi thẳng và ngồi nghiêng hai bên. Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên thì ông Nhiên giải thích:

- Đây chỉ là thủ tục.

Xử lý nội bộ sao lại cần đến những thủ tục ấy?

Nhiều chuyện làm tôi phân vân lắm. Một đảng thì tôi tin, rất muốn tin; một đảng thì các sự việc diễn ra cứ ông chẳng bà chuộc, lũng càn lũng củng. Lời nói và việc làm cứ chọi nhau chan chát, buộc tôi phải ngờ. Tin tin, ngờ ngờ, một sự giằng xé thật là khôn khổ và còn lâu mới ngã ngũ được. Nếu là bây giờ thì đã đơn giản quá, khỏi phải đau đầu làm gì.

Người ta bắt tôi, bảo tôi chống Đảng. Thực ra hồi ấy tôi không hề chống Đảng, tôi vẫn “bôn”²¹ lắm. Chỉ sau gần mười năm được Đảng tập trung giáo dục cải tạo, tôi mới được cải tạo thành phần tử chống Đảng. Nói đúng ra thì bây giờ tôi cũng chẳng chống Đảng. Tôi chỉ chán Đảng thôi, chán phè.

Đúng như tôi nghĩ, chỉ sau vài ngày hỏi cung, tôi đã khai hết tất cả những chuyện tôi cho là cần phải khai. Khai một cách thoải mái, và đúng sự thật. Và tôi thấy là vấn đề của tôi đã rõ.

Bây giờ nếu có phải tường thuật cụ thể với bạn đọc tôi đã khai những gì, tôi cảm thấy ngượng. Không phải ngượng vì sợ bạn đọc chê là thiếu kiên cường. Tôi chưa bị bắt vào nhà tù đế quốc bao giờ, không rõ trong nhà tù đế quốc tôi có kiên cường trước kẻ thù không. Nhưng ở đây tôi không lúc nào nghĩ đến chuyện phải kiên cường trước Đảng. Đảng không phải là kẻ thù của tôi, dù có bất đồng với nhau như thế nào. Nói về những cuộc đấu tranh trong nội bộ những người cộng sản nhiều lúc diễn ra gay gắt đến bạo lực, Edgar Morin trong cuốn *Để bước ra khỏi thế kỷ XX* đã dùng một khái niệm kép: “đồng chí kẻ thù”. Không phải vừa là đồng chí vừa là anh em, mà vừa là đồng chí vừa là kẻ thù. Khái niệm ấy thích hợp với ai chứ với tôi thì nó hoàn toàn xa lạ. Cho nên tôi ngượng không phải vì sợ bị chê là thiếu kiên cường trước Đảng, coi như trước một kẻ thù. Tôi ngượng là vì nhiều bạn thấy tôi bị bắt và tù đầy như thế tưởng rằng tôi đã làm những chuyện đội đá vá trời ghê gớm lắm. Thực ra chẳng có gì ghê gớm cả. Ngay cả chuyện ly kỳ nhất là chuyện tôi làm gián điệp cho Liên Xô, cũng lại chỉ là chuyện tào

²¹ Bôn: bôn-sê-vích.

lao. Bằng cách bắt bỏ tù tôi, người ta đã cho tôi một vòng hào quang mà tôi không có. Thậm chí có bạn nói vui là Đảng đã phong thánh cho tôi. Thánh tử vì đạo Phao Lô Trần Thu!

Trong thông báo số 2 ông Lê Đức Thọ có nói là anh em chúng tôi đã chống lại đường lối của Đảng trên tất cả các mặt đối nội, đối ngoại. Quả là trên tất cả các vấn đề, chúng tôi đã có những suy nghĩ độc lập, ít hay nhiều, nông hay sâu tùy từng người, nhưng nói chung vẫn không vượt khỏi khuôn khổ của chủ nghĩa Mác – Lênin và sự vận dụng nó vào cách mạng Việt Nam. Tôi không nêu cụ thể, sợ làm rườm tai bạn đọc, vì những tư tưởng dị giáo nhất của tôi hồi ấy nay đều đã trở thành lỗi thời. Cuộc sống đã đi rất xa. Đảng cũng đã đi xa hơn tôi trên con đường... xét lại. Đơn cử: trước kia tôi đâu dám nghĩ đến chuyện thừa nhận quyền tư hữu và chia ruộng đất cho nông dân làm ăn riêng lẻ, chuyện nhà nước pháp quyền, chuyện làm bạn với tất cả mọi người, v.v..., nhiều lắm. Vậy, nếu Đảng lô-gích với chính mình thì nên xét lại vụ án xét lại này, nếu không thì sẽ mang tiếng là *révisioniste honteux*²².

Và những suy nghĩ ấy tôi thường trao đổi với một vài anh em hay lui tới nhau, và những cuộc chuyện trò tay đôi tay ba với nội dung ấy đã bị ông Nhuận quy kết là hoạt động tuyên truyền phản cách mạng, là hình thức sinh hoạt của một tổ chức phản cách mạng. Ông đưa cho tôi tờ báo *Nhân dân* có đăng kín trên ba trang bản “Sắc lệnh trừng trị phản cách mạng” mới được công bố, và chỉ cho tôi chú ý những mục cần phải đọc:

- Anh ngồi đây đọc đi, mục này, nói về sự tuyên truyền phản cách mạng, mục này, nói về hoạt động có tổ chức, và mục này, quan hệ với nước ngoài vì mục đích phản cách mạng. Anh xem đi, và cộng thử xem ngần ấy tội của anh phải bao nhiêu năm tù?

Tôi nhớ đã cộng thành mười lăm, hai mươi năm gì đó. Tôi thực sự không hiểu “khai xong thì sẽ được về” rồi lại “phải bao nhiêu năm tù”, đâu là thật, đâu là giả?

Cuối năm ngoái, tôi có đi dự một buổi sinh hoạt kỷ niệm, tới nơi, đang khóa xe ở sân thì được nghe câu chuyện giữa hai chị trông xe, chắc là công nhân viên nhà nước chủ nhật đi trông xe kiếm thêm. Một chị bô bô nói với chị kia:

- Con X... bảo em nó giới thiệu em vào Đảng. Em bảo nó: xin lỗi chị, khi vào Đảng bèo bở các chị chẳng nhớ đến em, bây giờ người ta sắp lôi đảng viên ra hỏi tội, các chị mới bảo em vào, em chẳng dám.

²² Tiếng Pháp, “người xét lại xấu hổ”, nghĩa là xét lại mà không dám nhận mình là xét lại.

Chỉ tiếc rằng không có ông Nhuận ở đây để nghe câu chuyện ấy. Tôi nhớ, lời nói báng bổ nhất của tôi hồi ấy chỉ là gọi ông đại tướng Nguyễn Chí Thanh là ông tướng Quảng Lạc²³. Tất nhiên tôi không tán thành lời nói ngoa ngoắt của chị trông xe kia. Không ai định lời đảng viên ra hỏi tội cả, trừ bọn lưu manh côn đồ, bọn mang nặng tư tưởng phục thù, và một số nào đó bọn cơ hội. Tư tưởng cơ hội bị đẩy đến chỗ cùng cực thì không biết thế nào mà lường. Tấm gương cải cách ruộng đất và cách mạng Văn hóa Trung Quốc còn đó.

Điều tôi không ngờ là cuộc hỏi cung tôi lại kéo rất dài. Tôi khai như thế nào cũng vẫn là chưa rõ, chưa thành khẩn. Người ta đòi hỏi tôi phải khai rõ tất cả những quan hệ của tôi trong những năm qua. Tức là trong mấy năm ấy đã gặp những ai, nói chuyện gì (tất nhiên chỉ là những chuyện chính trị), ở đâu, vào ngày tháng nào, phải khai rõ. Người ta muốn rạch hết các đường chỉ khâu ở quần áo tôi, lộn trái tất cả ra để xem xem có con rận nào ẩn nấp không. Ba, bốn năm trời, tôi gặp gỡ biết bao người, nói biết bao nhiêu chuyện. Có những cuộc gặp nhau giữa đường, chuyện trò xong rồi quên đi ngay, chẳng nhớ để bụng làm gì. Nhưng mình ở trong tay người ta, người ta bắt thế thì cũng đành phải cố vắt óc ra mà khai để cho xong đi. Khai miệng chán rồi lại viết bản khai. Nhiều khi ngồi cả buổi không viết được chữ nào vì không nhớ ra cái gì để khai, người ta lại tưởng là tôi đang đấu tranh tư tưởng là nên khai hay nên giấu.

Hãy còn may tôi không bị bắt phải vẽ sơ đồ tổ chức như một số anh em khác: hệ thống tổ chức từ trên xuống dưới, ai là thủ lĩnh, ban lãnh đạo gồm những ai, từng cấp do ai phụ trách, v.v... Có lẽ bắt đến tôi thì người ta đã cảm thấy tất cả những cái đó là chuyện nhảm nhí. Tuy vậy tôi vẫn cứ bị coi là chống Đảng có tổ chức, nhưng lại không phải khai về tổ chức.

²³ Quảng Lạc là một rạp hát tuồng hồi Pháp thuộc ở ngõ Sầm Công, bây giờ là phố Tạ Hiền. Hồi ấy nói tướng Quảng Lạc có nghĩa là tướng phờng tuồng.

Có một điều rất khó là những người hỏi cung tôi không chịu đưa ra những chứng cứ cụ thể để buộc tội. Nếu có chứng cứ cụ thể thì tôi còn biết đường mà cãi. Ví dụ, một lần ông Nhiên nói:

- Thăng Đình Chân có viết một cuốn tiểu thuyết chống Đảng để đưa sang Liên Xô in, tại sao anh lại giấu giếm cho nó, không chịu khai?

Tôi đáp luôn không chần chừ:

- Nếu Đình Chân quan hệ chặt chẽ với Liên Xô như thế thì sao anh ta phải mò đến nhà tôi mượn những tờ báo Liên Xô cũ rích về đọc? Anh ta rất ham đọc sách báo, nhưng là người rất thận trọng và dè dặt, tránh đi lại mật thiết với tôi mặc dù tôi là trưởng phòng, trực tiếp phụ trách anh ta. Anh ta thiếu sách báo lắm mới đành đến tôi mượn.

Nghे tôi trả lời, ông Nhiên không gặng hỏi thêm gì nữa. Tôi hiểu ngay ông không có chứng cứ gì mà chỉ bắt nọn. Sau vài ba lần bắt nọn trật chia như thế, người ta thôi, không dùng cách đó nữa, chỉ một điều “khai chưa hết, còn giấu giếm”. Và tôi lại ngồi cắn bút không phải là một vài ngày, mà mấy tháng trời liền như thế. Khi thấy tôi ngồi mãi không viết được gì thì lại bắt khai lại những điều tôi đã viết ba, bốn lần rồi. Chán thì lại khai lý lịch, để rồi độ nửa tháng sau lại khai lý lịch, đến nỗi lần khai trước nhớ được tên bố vợ, đến lần sau nghĩ mãi không ra. Lần khác thì quên tên mấy đứa cháu ruột, gọi tôi bằng bác; còn ngày sinh tháng đẻ của tôi thì quên tịt hẳng cho đến tận bây giờ, không nhớ chính xác là 26 tháng Ba hay mừng 3 tháng Ba hay mừng 3 tháng Sáu hay 23 tháng Sáu. Chắc ông Nhuận cho là tôi giờ thủ đoạn mù mẫm, giả vờ quên để che đậy việc tôi giấu giếm tội lỗi. Tôi mất hết tin tưởng, không còn hy vọng cái cuộc này sẽ có ngày kết thúc.

Có một cái tôi tự nhủ phải cố gắng đến cùng là: chuyện gì có mới khai, không bịa ra, cũng như không nhận những chuyện bị gán ép. Còn mọi cái khác thì nên “nhân nhượng”, không cãi làm gì, để cho nó xong đi. Tức là ngoài việc bắt tôi cung khai các sự việc, ông Nhuận còn bắt tôi phải phê phán đánh giá, coi đó là những hoạt động phản cách mạng. Tôi nghĩ bụng: được, phê phán thế nào cũng được, chụp cho nó cái mũ gì cũng được, miễn là sự việc chỉ có thế. Sau này nếu có ai nghiên cứu các bản khai của tôi, người ta sẽ chỉ căn cứ vào những sự việc cụ thể, còn mọi sự phê phán đều là vô nghĩa nếu nó không ăn khớp với nội dung sự việc. Nói theo ngôn ngữ cộng sản thì đó là một sự nhân nhượng vô nguyên tắc, nói nhẹ nhàng thì là thiếu kiên cường, còn nói thẳng thừng thì đó là một thái độ hèn nhát, khuất phục trước uy vũ,

nó suýt dẫn tôi đến một hành động rất đáng xấu hổ tôi sẽ kể trong một đoạn dưới. Vì một bước lùi tất yếu sẽ dẫn đến một bước lùi thứ hai.

Đến khoảng tháng Năm năm 1968, các cuộc hỏi cung thưa dần, rồi đến lúc cả tuần, cả nửa tháng không thấy gọi đi nữa. May ra xong rồi chẳng? Nhưng sao chẳng thấy kết luận? Bỗng một chiều tháng Sáu, trời đã xầm xầm, lão Javert mở cửa xà lim bảo tôi gói ghém quần áo đi theo lão. Ra đến sân ngoài cùng thì thấy một chiếc com-măng-ca đã chờ sẵn. Niềm hy vọng đã tắt lại le lói trở lại. Nhưng để xem ra sao đã, chớ vội mừng.

Xe qua cổng, rẽ về phía vườn hoa Cửa Nam. Tôi trở mắt nhìn đường phố. Mới có nửa năm trời mà nhìn các đường phố quen thuộc đã thấy ngỡ ngàng. Phố xá vắng vẻ vì đang thời sơ tán. Một chị phụ nữ dáng gầy gầy đang uể oải đạp xe, một mớ rau muống buộc ở đằng sau. Vợ tôi chắc cũng đang tan tằm, uể oải đạp xe về như chị kia. Chưa chắc. Chồng bị bắt, con cái đi sơ tán, chắc vợ tôi ở lại cơ quan, ăn com tập thể, lúc này đang lùi thui một mình. Không biết có còn được phát phiếu cung cấp Vân Hồ để còn có cái mà tiếp tế cho các con không?

Xe rẽ vào đường Điện Biên Phủ. Có thể đưa tôi vào trong thành, theo lối cửa phía Nam, ở đó vài hôm nghe kết luận rồi làm các thủ tục để về? Nhưng qua bảo tàng Quân đội, xe đi thẳng, rẽ vào đường Hoàng Diệu. Hay là vào theo lối cửa Bắc?

Nhưng tới Phan Đình Phùng, xe rẽ trái về phía vườn Bách Thảo. Rồi đường Hoàng Hoa Thám, chợ Bưởi, trường Nguyễn Ái Quốc, ra đường Sơn Tây, và tăng tốc phóng thẳng. Thế là tôi hiểu.

Đời tôi có hai lần phải xa Hà Nội. Lần thứ nhất vào đầu năm 1947, là phóng viên chiến tranh, sau một tháng lăn lộn với quân dân liên khu I Hà Nội chiến đấu trong vòng vây, tôi một mình bò dọc bãi cát bờ sông rút ra khỏi thành phố bị bao vây, trở về đơn vị. Bò suốt một đêm, tảng sáng tới Quảng Bá, quay lại băng khuâng nhìn thành phố quê hương còn chìm trong màn đêm, lòng thâm một lời nguyện: mình sẽ trở về. Và tôi đã trở về.

Lần thứ hai là vào buổi chiều tháng Sáu năm 1968, tôi đi trên chiếc xe com-măng-ca chờ tù này. Đi đâu, không rõ. Đi làm gì, không rõ. Có ngày về không, không rõ. Vô định. Một cái vô định to tướng.

Tôi thấy cuộc đời mình đang chuyển sang một bước ngoặt dữ dội hơn lạnh.

Buồn? Lo sợ? Không, đã đến lúc này rồi thì tôi chấp nhận tất, kể cả bị trói giật cánh khuỷu, bịt mắt, đặt đứng tựa lưng và tường. Tôi chẳng đã có lần mong mười quả tên lửa rơi

trúng cả cái vào giữa căn phòng hỏi cung tôi đang ngồi đó sao? Thân nàng Kiều: “Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh”. Còn tôi thì lúc này thần nhiên.

Muốn đi đến đâu thì đến.

Cứ biết rằng trước mắt tôi đang là một đêm hè đẹp như chưa từng thấy. Dưới ánh sáng đèn gầm yếu ớt của xe, những lùm cây, những lều quán bên đường, một bờ đê, một vạt ruộng hiện lên rồi lại tan đi, mờ mờ ảo ảo trên nền một màn đêm trong như ngọc bích. Cảnh phong màn của một sân khấu huyền thoại.

Hai người sĩ quan ngồi kẹp hai bên tôi thỉnh thoảng lại có người liếc nhìn tôi. Cái gì trên mặt tôi đã làm họ để ý thế? Chắc phải là một vẻ sung sướng ngây thộn. Còn tôi thì cứ lấy làm lạ về cái vẻ thờ ơ của họ trước một cảnh đêm đẹp như thế này.

- Anh hãy khai thành phần cái chính phủ mà các anh định thành lập gồm những ai?

- Tôi chẳng định thành lập chính phủ nào cả.

- Anh không định nhưng có kẻ định, anh phải biết chứ.

- Tôi không hề biết danh sách chính phủ nào ngoài chính phủ Hồ Chí Minh.

- Anh vận động cho ai lên nắm quyền lãnh đạo đất nước?

- Tôi chẳng vận động cho ai cả, và tôi vận động như thế nào được?

- Nếu anh không vận động thì ít nhất anh cũng phải có ý nghĩ ai lên lãnh đạo thay ông Duẩn thì tốt hơn chứ. Ý nghĩ thôi cũng được, anh cứ khai ra.

- À, ý nghĩ thì tôi có. Tôi nghĩ rằng nếu ở một Đại hội nào đó anh Văn được đa số bầu lên làm tổng bí thư thì tốt. Tôi cho là anh Văn làm tổng bí thư thì hay hơn anh Duẩn. Nhưng cái đó lại do Đại hội quyết định.

Đó là ở Bát Bạt, trại giam quân sự Trung ương, nơi tôi được đưa từ Hỏa Lò đến đêm hôm ấy. Tôi lại bị đưa vào xà lim biệt lập, và một tuần lễ không thấy gọi tên mình, tôi cứ tưởng việc khai cung của mình đã xong và bắt đầu thời kỳ nằm chờ.

Nhưng sau tuần lễ ấy, tôi lại bị gọi đi hỏi cung, và bài ca lại tiếp tục. Từ đây, tất cả các cuộc hỏi cung là do ông Nhuận tiến hành. Vòng vo một số buổi, rồi dần lộ rõ ý đồ của ông: đi tìm một âm mưu lật đổ. Rồi dần dần xoáy vào một điểm:

- Trong lần gặp ấy, Hoàng Minh Chính đã chỉ thị cho anh hoạt động những gì ở trong quân đội?

Hoặc rõ hơn:

- Trong lần gặp ấy, Hoàng Minh Chính đã truyền đạt cho anh những chỉ thị gì của Liên Xô về hoạt động trong quân đội?

Về sau này ngồi bình tĩnh nghĩ lại tôi mới hiểu: mấy tháng hỏi cung ở Hỏa Lò mới chỉ là khai vờ. Sau khi thu thập các lời khai của tôi, đem đối chiếu với các lời khai của anh em khác, nghiên cứu tìm ra chỗ nào khả nghi nhất và đồng thời cũng là quan trọng nhất, người ta mới tập trung vào đó đánh một đòn quyết định để từ đó làm cho vấn đề tung tóe ra.

Từ thừa cha sinh mẹ đẻ đến ngày tôi bị bắt cuối tháng Mười hai năm 1967, tôi đã gặp anh Hoàng Minh Chính tổng cộng ba lần (nếu không tính đôi lần trước đó, chúng tôi gặp nhau trong hội nghị triết học, lúc ấy chúng tôi chỉ mới biết nhau sơ sơ nên chỉ chào nhau xã giao).

1/ Lần thứ nhất là vào năm 1965, một buổi tối tôi đi dự cuộc họp phụ huynh học sinh trường nhạc, nơi con gái tôi đang học. Đến nơi thì thấy anh Hoàng Minh Chính cũng tới dự và lúc ấy tôi mới biết anh cũng có một đứa con gái học nhạc. Tôi kể rõ như vậy để nói rằng lần ấy chúng tôi gặp nhau là hoàn toàn tình cờ. Trong cuộc họp, Chính ngồi một góc phòng, tôi ngồi một góc khác. Họp xong gặp nhau ở chỗ lấy xe đạp, tôi hỏi thăm anh ở phố nào. Phố Lý Thường Kiệt. Ô, tôi ở Bà Triệu, vậy ta về cùng đường. Thế là chúng tôi đạp xe sóng đôi. Thời gian ấy cách mạng Văn hóa Trung Quốc đang rầm rộ, cho nên chúng tôi cũng nói chuyện cách mạng Văn hóa Trung Quốc. Đến ngã tư Lý Thường Kiệt, chuyện đang sôi nổi, anh Chính đi quá một quãng nữa tới ngã tư Nguyễn Du. Lần đầu tiên chuyện trò với Chính bắt anh đi thêm nữa e không tiện, mà tôi thì muốn nghe nốt cho nên đã rủ anh ngồi xuống tám ghế đá ở bờ hồ Thiền Quang. Đang ngồi thì có một người đến xin lửa châm thuốc lá. Chính nói: “Cóm đấy”. Tôi đáp: “Kệ họ”. Nói vậy chứ trong bụng cũng hơi ngại, tôi ngồi nán lại một lát, rồi ra về. Từ đó coi như tôi và anh Hoàng Minh Chính bắt đầu quen nhau.

2/ Lần thứ hai là khoảng vào đầu năm 1966, một hôm anh Phùng Văn Mỹ, cán bộ viện Triết, đến chơi tôi và bảo: “Sáng mai, Chính đến chơi nhà mình, Thứ đến chơi cho vui”. Hôm ấy ba chúng tôi trò chuyện linh tinh mười mười lăm phút, chuyện gì quả thực tôi cũng không nhớ, chắc là chỉ có nói chuyện thời sự, và chuyện trò trước sự có mặt của vợ con anh Mỹ, vì nhà anh Mỹ chỉ có một buồng.

3/ Lần thứ ba là lần tháng Mười một năm 1966, cũng anh Phùng Văn Mỹ đến rủ tôi: “Sáng mai, Chính liên hoan kẹo bánh kỷ niệm cách mạng Tháng Mười, có mấy anh em đến dự, Thứ cùng đến dự cho vui”. Thú thật là từ ngày ngồi nói chuyện với anh Hoàng Minh Chính ở ghé đá bờ hồ Thiên Quang bị công an đến nhòm mặt, tôi không muốn đi lại đập diu với anh để tránh những chuyện phức tạp, nhất là sau đó chính bản thân tôi cũng bị bám sát theo dõi. Nhưng từ chối không tiện, tính tôi cả nể, và lại ngồi nhà một mình mãi cũng buồn, muốn đến chơi gặp anh em cho vui, nên tôi nhận. Hôm ấy hoàn toàn là một buổi liên hoan ăn uống vui vẻ, nói năng xô bồ. Có anh quá chén đã nôn ọe ra nhà và phải nằm lại cho rã rượu. Tôi kể như vậy để nói rằng trong không khí như vậy thì không ai lại bàn bạc chuyện lật đổ cả. Về hai lần gặp gỡ sau giữa tôi và Chính, ông Nhuận không hề gọi đến, thậm chí tôi khai thì ông ta gạt đi:

- Không cần, những đũa khác đã khai rõ cả rồi. Hôm ấy thằng Lộc nôn ọe ra nhà chứ gì? Tôi hỏi anh về cái lần này kia.

Tức là cái lần thứ nhất, lần tôi gặp anh Chính ở cuộc họp trường nhạc. Quả thật, hai lần kia có đông người, và nhà Chính chắc có gài máy ghi âm, cho nên ông Nhuận đã có đủ tài liệu để kết luận. Còn lần tôi đi họp với Chính thì chỉ có hai chúng tôi, hai cái xe đạp và cái ghé đá. Ông Nhuận cho rằng giữa tôi và Chính nhất định phải có cái gì, và cái gì ấy chỉ có thể là ở cái cuộc họp ghé đá kia mà thôi. Ông ta nói:

- Các anh là những người có kinh nghiệm hoạt động bí mật, bố trí khéo lắm.

Nghĩa là bố trí gặp nhau nhưng bề ngoài lại như có vẻ tình cờ gặp nhau, rồi lại bàn bạc trong khi đi rong trên đường và ngồi ghé đá, không có một người thứ ba chứng kiến. Rõ ràng là tuân thủ chặt chẽ các quy tắc của hoạt động bí mật. Chà, giá mà ở gầm hai cái yên xe đạp của chúng tôi và ở tất cả các ghé đá vườn hoa Hà Nội đều có máy ghi âm thì đỡ cho tôi biết mấy. Ông ta không thể tin được rằng chúng tôi mất công bố trí một cuộc gặp như thế lại chỉ để nói chuyện cách mạng Văn hóa. Ông ta đập bàn:

- Thằng Chính nhận rồi, sao anh không chịu nhận?

- Vậy tôi đề nghị được đổi chất với Hoàng Minh Chính.

Tôi thừa hiểu ông ta bắt nạt và không dám cho chúng tôi đối chất đâu. Và đúng vậy, ông ta đã lờ đi, không trả lời đề nghị của tôi.

Tiện đây cũng xin nói thêm là đối với ông Nhuận, tất cả chúng tôi đều là thằng, thằng Đặng Kim Giang, thằng Hoàng Minh Chính, bất kể tuổi tác như thế nào và dù anh đã từng là một vị tướng trong Bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ.

Hỏi cung tôi ông ta còn nể mặt, gọi tôi bằng anh nhưng khi hỏi cung người khác nếu ông có nhắc đến tôi thì chắc chắn tôi cũng chỉ là thằng Trần Thụ mà thôi.

- Tất cả những lời anh thóa mạ Đảng, thóa mạ các đồng chí lãnh đạo, tôi không quan tâm. Cả những lời anh chửi Trung Quốc cũng vậy. Anh chửi Trung Quốc thì để ông ấy sẽ trị tội anh. Còn tôi, tôi quan tâm chuyện này cơ. Cho tới nay anh toàn khai những chuyện linh tinh, còn chuyện quan trọng nhất anh lại che giấu, không chịu khai.

Thật đáng tiếc là chuyện ấy không có. Giá nó có để tôi khai cho xong đi thì tốt quá!

Rồi một hôm, ông ta nói:

- Anh cứ suy nghĩ cho kỹ đi, tôi đợi. Đợi bao nhiêu lâu cũng được, tùy anh.

Nói xong, ông ta ngả lưng ra ghế, hai tay đặt dài lên bàn, hai chân duỗi thẳng trong một tư thế ngồi đợi thoải mái.

Và ngay chiều hôm ấy tôi bị chuyển vào giam ở phòng tối.

Phòng tối là một xà lim biệt lập như các xà lim biệt lập khác của trại, chỉ khác là nó kín như bưng. Phòng cũng có một cửa sổ có chấn song sắt, nhưng cánh cửa bằng ván đóng im ỉm suốt ngày đêm. Hơn nữa các khe hở do ván co đều được đóng thêm nẹp gỗ bịt lại cho kín. Chỉ khi nào ngoài trời có nắng thì trong phòng mới sáng mờ mờ do có ánh sáng lọt qua khe khung cửa. Còn sáng dậy đi vệ sinh phải lấy chân dò dẫm để tìm cái thùng ở góc phòng, không dám

sờ soạn bằng tay, sợ vô phúc thọc vào giữa thùng thì khôn, vì thùng không có nắp đậy. Có những buổi râm trời, ăn cơm, và vào môm mới biết người ta cho mình ăn gì. Chuột và gián tưởng ngày là đêm, cứ bò đi lại thoải mái. Có lần cầm bát cơm đưa lên môm thì có con gián ở trong bát bay vọt ra. Con gián này không biết có đôi lúc “tạt vào” thăm thùng vệ sinh của tôi không?

Phòng xây trên đồi trọc, lại đang giữa mùa tháng Tám nắng râm trái bưởi, cho nên từ xế trưa đến tận nửa đêm, trong phòng nóng om ngột ngạt. Không tài nào ngủ được, thậm chí không nằm được, vì ván giường nóng hồi tưởng chừng như đổ nước vào thì sẽ bốc khói. Tôi cứ cời trườn ngồi quạt cho đến mấy giờ không rõ, chỉ biết là rất khuya. Rồi quạt mãi cũng chỉ là khua lên một bầu không khí ngột ngạt nồng nặc mùi nước tiểu bốc ra từ thùng vệ sinh bị hâm nóng.

Và tôi đã nghĩ ra một kế: nửa đêm ngồi bên cửa sổ, lấy móng tay cào sồn sột chấn song gây ra tiếng động như cưa chấn song. Quả nhiên người lính gác đi qua, nghe thấy tiếng động, sinh nghi, mở cửa sổ chiếu đèn pin vào kiểm soát. Tranh thủ khoảnh khắc quý giá đó, tôi quạt thốc quạt tháo lùa khí mát bên ngoài vào phòng. Tỉnh người. Tôi làm như thế được hai đêm. Đêm thứ nhất anh lính gác hiểu ý để cửa mở vài phút cho tôi quạt. Đêm thứ hai, một anh lính gác khác mở cửa ra rồi đóng sập vào ngay. Có thể là anh ta ác, nhưng cũng có thể chỉ là vì mở cửa ra thì một luồng không khí hôi thối ở trong phòng ủa ra theo phả vào mặt anh ta, anh ta không chịu nổi. Từ sau đó tôi cào mấy họ cũng mặc.

Lại phải nghĩ kế khác. Dưới gầm giường có một hố tránh bom. Nửa đêm tôi chui xuống, đập bình bịch vào thành hố làm như đào ngạch. Lần này buộc anh lính gác phải mở cửa nhìn vào, và soi đèn pin một lúc mới phát hiện ra tôi ở dưới hố. Anh ta hỏi tôi xuống đây làm gì. Tôi đáp: nóng quá, chui xuống cho mát. Ngần ấy thời gian là đủ cho tôi rồi. Đêm hôm sau không dám làm nữa, vì chợt nghĩ ra dưới hố có thể có rắn rết. Một lần ở phòng giam cũ của tôi đã có một con rết to bằng ngón tay cái, dài đến hai gang tay, chui ra từ cái hố gầm giường cũng như cái hố này, bò lên tường ngoằn ngoèo như con rắn; tôi đã lấy dép cao su đập chết và anh lính gác đã xách về ngâm rượu.

Cuối cùng, chẳng còn cách nào khác là nằm sấp xuống đất, ghé mũi vào chân cửa ra vào, vừa là để hít lấy chút không khí trong lành bên ngoài, vừa là hưởng cái hơi mát của đất.

Quá nửa đêm, trong phòng dụi bốt, đã có thể nằm được thì bắt đầu cuộc chiến đấu với muỗi. Muỗi lao xuống đập phịch lên cái thân thể trần truồng của tôi, đập đầu biết đấy. Chỉ còn có việc nhẹ nhàng đưa tay đến gần rồi đập mạnh. Bách phát bách trúng. Diệt được năm sáu

chục con như thế thì ngủ thiếp đi, làm mồi cho muỗi đến sáng. Và buổi sáng sau giờ làm vệ sinh lại nằm lơ mơ ngủ tiếp cái giấc ngủ không đã của ban đêm, hoặc nằm vắt tay lên trán nghĩ, nghĩ, nghĩ về cái thân tội thân nợ của mình.

Và cứ thế dăm ba ngày một lần ông Nhuận lại cho gọi tôi lên hỏi cung. Bước qua cửa phòng giam, đứng lại một tí cho hết lóa mắt, tôi bước theo viên quản giáo qua ba, bốn lần cửa của khu biệt lập, đi một quãng xa sang đồi bên là nơi hỏi cung. Đó là những giây phút sung sướng hiếm hoi của tôi. Trong khoảnh khắc tôi được sống lại cuộc sống người: ngẩng đầu lên là trời, chân đạp xuống là đất, nhìn quanh xa xa là người. Không phải những con người đang thực thi chuyên chính vô sản mà những con người đang bận rộn những công việc bình thường của một cuộc sống bình thường, cuộc sống mà tôi đã mất. Chà, sao mà tôi thêm người thế, người nói chung chứ không phải đàn bà. Lâu nay tôi sống như một con chó sói cô độc nằm một mình trong hang nhớ cuộc sống bầy đàn. Tôi bước đi tung tăng. Niềm vui đơn sơ. Và niềm vui ngán ngủ.

Chỉ vài phút sau, trước mặt tôi đã là cái bàn, máy tờ giấy trắng, cái bút và đối diện là ông Nhuận với câu hỏi búa bổ kia. Hai bàn tay tôi đặt lên bàn, da nom trắng nõn như trứng gà bóc, nổi rõ từng đường gân xanh đỏ. Và vài giờ sau người ta lại dẫn tôi trở lại phòng tối. Tôi lại đi ngược trở lại quãng đường tôi đã đi lúc sáng. Vẫn cảnh ấy, trời mây, cây cỏ, và người. Nhưng nguồn cảm hứng đã tắt ngấm. Tôi làm lũi bước đi, trong lòng nửa muốn sống để về với vợ con, nửa muốn chết cho xong nợ đời. Đời quả là một bể khổ!

Ông Nhuận bảo ông ta đợi bao lâu cũng được. Ông ta đợi thì thoải mái quá: ngồi mát đọc tài liệu, rồi rãi thì đi bắn chim, chủ nhật nhảy xe com-măng-ca về Hà Nội với vợ con. Còn tôi thì nằm đếm từng ngày từng giờ trong cái phòng tối này.

Tường của phòng tối là tường cách âm, vẩy lổn nhổn những cục xi-măng vữa. Ánh sáng lọt qua khe cửa phản chiếu lên tường làm nổi lên những hình thù kỳ quái: hai cái vú đàn bà thồn thện, một kỵ sĩ không đầu cầm đao cưỡi con ngựa chỉ có hai chân sau, một bộ mặt nhăn nhó khó coi... Tôi nằm lơ mơ trong cái không khí nửa thật nửa ảo ấy. Đối với tôi, cái gì là ảo, cái gì là thật? Những mảnh đời quá khứ của tôi là ảo, lúc hiện ra lúc tan đi. Vợ con tôi là ảo, những trận chiến đấu, sông Luộc, đường số 5 là ảo. Cái có thực là cái thân tàn ma dại của tôi nằm đây. Chín tháng rồi còn gì! Chín tháng xà lim, chín tháng hỏi cung, chín tháng com tù (mà lại là com tù thời chiến), và bây giờ, cái phòng tối này. Tôi sờ nắn thân thể gầy gò của mình, thử đánh giá xem trên con đường lịch sử tiến hóa nhân loại, từ vượn đến người, từ *Homo Sapiens* đến con người hiện đại, cái tòa thiên nhiên của tôi đáng đứng ở quãng nào. Sờ căng:

hai ống tre. Sờ ngực: cái thùng bẹp toàn những đai. Sờ bụng: lép kẹp. Sờ chim: rữ rừ rừ, như cờ rử, không làm thế nào cho nó hăng hái lên được, nó không còn một tí tinh thần cách mạng tiến công nào.

Ông Nhuận thách thi gan với tôi, nhưng cuộc thi quả thật là không công bằng. Người thách cũng không được hào hán cho lắm. Nói xin lỗi bạn đọc, chứ thách thế thì... chớ nó thách cũng được.

Hồi ở nhà tù Hòa Lò, tôi đã nghe thấy từ một xà lim ở cuối dãy cuộc đối thoại như thế này giữa một người tù ở trong xà lim nói ra và một nữ quản giáo ở bên ngoài nói vào.

Tiếng đàn ông rên rĩ:

- Con lạy bà, xin bà tháo cùm cho con, mấy tháng trời rồi! Chân con toét hết.

Tiếng đàn bà đáp dấm dẩn:

- Tháo cùm cho anh để đút chân tôi vào à? Ai bảo có tội không chịu khai?

Lại tiếng rên rĩ:

- Bẩm bà, con không có tội biết khai thế nào?

Câu chuyện tội tình kia thực hư thế nào, tôi không biết. Chỉ biết rằng người ta có thể cùm một người trong xà lim mấy tháng trời vì cho là anh ta có tội mà không chịu nhận. Nhưng nếu có chứng cứ rành rành thì anh tù kia chối làm sao được? Và dù cho anh ta không nhận thì tòa vẫn có thể xử và kết án được cơ mà. Vậy là không có chứng cứ. Hết như trường hợp của tôi. Đối với tôi người ta chỉ mới sử dụng đến cái phòng tối này. Nếu cái phòng tối này cũng không xong thì sẽ có cái gì nữa?

Tôi không hề lên gân, chỉ tự nhủ phải cố gắng giữ mình lương thiện, không được tố điều. Nhưng xem ra thì giữ được mình lương thiện cũng không phải chuyện đơn giản. Rồi một ý

nghĩ thỉnh thoảng lại thoáng hiện, xua không đi, như một ám ảnh: nếu phải nhận mới xong được thì sao không nhận quách đi cho nó xong, kéo dài mãi như thế này để mình phát điên lên hay sao? Dẫu sao mình cũng không chịu trách nhiệm, mình bị ép buộc. Mà đảng nào thì cũng ngồi tù. Câu “khai xong thì sẽ được về” bây giờ thì đã quá rõ chỉ là một “biện pháp nghiệp vụ” lừa mình để mình khai ra mà thôi. Nhưng nhận thì nhận cái gì bây giờ? Đâu phải chỉ là nói: Vâng tôi có tội. Phải dựng đứng lên cả một câu chuyện có đầu có đuôi, nghe hợp lý và thỏa mãn được điều mà người ta đòi hỏi ở tôi. Câu chuyện mà lung củng thì người ta càng truy hỏi ác liệt hơn, càng chết. Từ thừa tôi còn bé, ông cụ tôi vẫn bảo là tôi không biết nói dối, nói dối nó cứ lòi ra mặt. Thật là lương thiện cũng khó, mà bắt lương cũng chẳng dễ gì hơn.

Tôi do dự mãi. Bây giờ nhắc lại chuyện này, tôi vô tình nghĩ đến câu của ông Giáp trả lời phỏng vấn về chuyện kéo pháo ra ở Điện Biên Phủ: “De ma vie, c’est la décision des plus difficiles”²⁴. Câu ấy ghép vào tôi sao nó vừa hợp vừa nghịch cảnh đến thế.

Rồi một hôm, đến lần hỏi cung thứ một trăm bao nhiêu đó, đáp lại câu vào đầu thường lệ của ông Nhuận: “Nghĩ kỹ chưa? Có chịu khai không?”, tôi ngậm ngùi đáp:

- Tôi xin khai.

Ông Nhuận giật mình, lật đật mở sổ tay, vớ vội cái bút, nom hồi hộp ra mặt. Rõ ràng là ông ta mừng đến phát cuống lên: ép bao nhiêu lâu, bây giờ mới làm phọt được ruột gan tôi ra.

- Khai đi!

Tôi nói chậm rãi, dứt từng đoạn một:

- Trong lần ấy Hoàng Minh Chính bảo tôi gặp sư trưởng X... Dặn anh ta cố gắng nắm lấy một trung đoàn trưởng và vài ba cán bộ tiểu đoàn, nên có cán bộ xe tăng...

Nói đến đây họng tôi tắc lại. Tôi dừng lại một lúc nghỉ. Ông Nhuận ghi chép lia lịa. Tôi nói tiếp:

- ... và chuẩn bị sẵn sàng... để khi cần...

Tôi chịu không nổi nữa, nước mắt tự nó trào ràn rụa. Tôi ngồi im một lát, mặt cúi gằm, nuốt nước bọt ừng ực, rồi ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt ông Nhuận, tuyệt vọng nói:

- Không phải đâu anh Nhuận ạ, tất cả là tôi bịa.

²⁴ Tiếng Pháp, nghĩa là: “Trong đời tôi đó là cái quyết định khó khăn nhất”.

Rồi gục xuống bàn khóc những giọt nước mắt cay đắng nhất của đời tôi. Buồn nôn.

Đó là hành động đáng xấu hổ mà tôi đã nhắc đến ở trên đây.

Một lát sau tôi nghe thấy ông Nhuận cúi kính bảo anh thư ký:

- Gọi quản giáo đưa anh ta về!

Về tới phòng tối, tôi nằm vật xuống giường, mệt lử.

Đời quả thật không ra làm sao!

Hai hôm sau, cánh cửa phòng tối từ từ mở. Quản giáo hất hàm ra lệnh cho tôi đi ra, mang theo quần áo.

Đi đâu?

Quản giáo dẫn tôi đi loanh quanh qua mấy lần cửa, đưa tôi trở về xà lim cũ, nơi tôi bị giam trước khi bị đưa vào phòng tối.

Tôi đã tính liều: tố đại lên, tố những chuyện động trời, đặt người ta trước bờ vực của một vụ “Hát xăng vanh đơ”²⁵ mới thì may ra mới làm cho người ta chùn tay được. Còn nếu người ta không chùn tay mà cứ làm tôi thì sao? Thì một liều ba bảy cũng liều.

Người ta đã chùn tay. Đến đây đã kết thúc cuộc bức cung tôi về chuyện anh Hoàng Minh Chính, đồng thời cũng kết thúc giai đoạn hỏi cung kéo dài hơn chín tháng. Người ta đã hiểu rằng tôi đã bị dồn vào thế chớ cùng dứt dậu.

Trước kết cục ấy lẽ ra tôi phải phân khởi lắm, nhưng tôi dửng dưng. Trong tôi có một cái gì đã tan vỡ.

Tan vỡ niềm tin sâu đậm của một thời tuổi trẻ.

²⁵ Xem chú thích ở Phần Một về vụ án H122.

Lâu không thấy gọi tôi đi hỏi cung thì tôi đoán là công việc hỏi cung đã xong, chứ thực ra không ai tuyên bố gì với tôi cả. Không đưa ra tòa đã đành, nhưng ngay cả một kết luận mang tính chất hành chính người ta cũng không thêm làm. Người ta chỉ cắt công làm cái việc đơn giản nhất là quên tôi đi, coi như tôi không tồn tại trên đời này.

Hỏi thì được trả lời là cứ đợi. Đợi cái gì, không biết. Đợi bao nhiêu lâu, càng không biết.

Ngày này sang ngày khác, tôi ngồi bó gối bên cửa sổ (may mắn là xà lim ở đây lại có cái cửa sổ) mà nhìn ra bức tường bao trước mặt, nhìn mãi đến thuộc nhẵn từng vết vôi lở trên tường. Rồi một lần nhìn con chó béc-giê béo múp của trại chạy huỳnh huých săn chuột ngoài sân cỏ, tôi đã nghĩ bụng: “Bây giờ được làm con chó kia thì sướng quá!”.

Thật là mong được làm con chó cũng không xong! Ai bảo cứ thích tự do!

Mỗi buổi sớm, khi nắng đông ửng hồng, tôi lại có một câu hỏi nảy ra trong đầu: làm gì cho hết mười hai tiếng đồng hồ hôm nay? Mỗi buổi chiều, khi nắng tây tím dần, lại có một câu hỏi khác: làm thế nào để ngủ được mười hai tiếng đồng hồ đêm nay? Đêm xà lim bắt đầu từ sáu giờ tối vì không có đèn đóm gì cả.

Ngày không có việc gì làm, cứ ngồi bó gối nghĩ, đêm dài không ngủ, cứ nằm vắt tay lên trán nghĩ thì chẳng cần thông minh lắm cũng hiểu được rằng chỉ vài tháng là phát điên, chẳng điên thì cũng dở người.

Khu biệt giam vắng lặng như tờ. Không một tiếng chim, tiếng gà, tiếng người. Bước chân người cảnh vệ đi qua cửa sổ cũng nhẹ như bước chân mèo. Một cảnh vắng lặng nghĩa địa, một cái im lặng ù cả tai. Bên trong xà lim, nhìn trước nhìn sau, nhìn ngang nhìn ngửa cũng chỉ có mình tôi. Ngay cả cái bóng của tôi cũng không có. Và không có bất cứ việc gì để làm. Trống rỗng 24 trên 24. Sự trống rỗng ấy đè nặng lên tôi một sức nặng ghê gớm không thể chịu nổi. Tôi thèm có quyển sách quá!

Hồi ấy tôi có một giấc mơ, tỉnh thoảng lại lặp lại. Tôi nằm mơ thấy mình đang bị giam ở Hòa Lò. Một hôm thấy cổng Hòa Lò mở toang, không có ai gác, tôi bèn lững thững đi ra, và về ngôi nhà tôi ở hồi nhỏ với bố mẹ. Tôi lảng lảng lên gác, lảng lảng mở tủ sách của bố tôi, rút ra bộ *Những người khốn khổ* của Victor Hugo in song ngữ Pháp – Việt là cuốn tiểu thuyết tiếng Pháp đầu tiên tôi đã đọc hồi nhỏ. Tôi lễ mễ ôm bộ sách quay về Hòa Lò. Thấy cổng Hòa Lò đóng kín, tôi ngớ người: mình ra không có giấy, làm thế nào để vào được bây giờ?

Ít lâu sau giấc mơ ấy lại trở lại, vẫn chủ đề cũ “về nhà lấy sách” nhưng kịch bản có cải biên đi tí chút: lần này tôi không phải bị giam ở Hỏa Lò mà là ở tầng hầm của tòa soạn, nơi đặt bộ phận hành chính của tòa báo chúng tôi. Suốt mấy năm sau, thỉnh thoảng giấc mơ về nhà lấy sách ấy lại quay trở lại.

Ngồi bó gối nghĩ đôi khi nảy ra những ý nghĩ kỳ lạ. Có lần tôi đã nghĩ: nếu bây giờ bụt hiện lên cho mình một điều ước, mình sẽ ước cái gì? Ước là mình có phép tàng hình. Tôi mà có phép tàng hình thì giờ giam được tôi. Tôi sẽ tự do tuyệt đối. Và không ai ngăn cản nỗi tôi đi làm vài việc thanh toán nhỏ nhỏ.

Trước tiên là thanh toán với quản giáo Thức. Ngày xưa, bọn học trò nhỏ chúng tôi thường có một lối đùa ác như sau: lên tới sau lưng một thằng bạn, tay trái túm lấy gáy hấn, ấn chúi xuống đằng trước, tay phải túm lấy đũng quần nhấc bông đít hấn lên, rồi đẩy cho chạy. Người bị đẩy như thế phải chạy trong một tư thế rất khó chịu: đầu chúi xuống đất nhưng chân thì chới với, có lúc đạp không tới đất. Và nhất là không làm thế nào cưỡng lại được, chỉ cứ việc lật đật lật đật chạy cho đến lúc thằng bạn kia chịu buông tha.

Tôi sẽ cho quản giáo Thức cầm đầu cầm cổ chạy từ đỉnh xuống chân đồi. Khi được buông tha, không thấy ai, chắc anh ta sợ lắm, tưởng bị ma làm!

Thanh toán với quản giáo Thức như thế là đủ. Thực ra anh ta chỉ là kẻ thừa hành. Cái chính là phải thanh toán với... Lê Đức Thọ. Ông đồng chí này quá quái lắm, bỏ qua sao được? Nhưng thanh toán như thế nào? Mình sẽ đến nhà ông ta, đợi lúc ông ta ra ngoài đầu cầu thang, mình sẽ ngáng chân ông ta một phát cho ngã lộn cổ từ đầu cầu thang xuống..., ồ không, thế thì chết toi ông ta chứ còn gì. Mình không trả thù, không giết người, mình chỉ cần làm cho ông ta sợ thôi. Vì đó chính là cái cần cho ông ta. Ông ta cần phải biết sợ sự trừng phạt!

Đợi lúc ông ta cầm bát cơm đưa lên miệng, mình sẽ đập mạnh một cái vào đầu đôi đũa làm cho cơm và thức ăn bắn tung tóe lên đầy mặt ông ta... Mình sẽ giật cái bút ông ta đang cầm, cho nó bay một vòng trên không rồi chui tọt vào cái ống bút... Mình sẽ cho cái mũ đang treo trên mắc lượn hai vòng rồi đập xuống đầu ông ta. Vui ra phết.

Người ta vẫn có câu: thời gian là vàng ngọc.

Hồi còn đi học, tôi rất thích mấy câu thơ của Đoàn Phú Tứ mà tôi cải biên đi một chút thành như sau:

Màu thời gian thanh thanh

Hương thời gian tím ngắt.

Quý như thế, đẹp như thế cơ mà! Vậy mà bây giờ đối với tôi thời gian là một cái gì rất tầm lợm, cần phải tiêu diệt, không tiêu diệt nó, nó sẽ tiêu diệt mình.

Ai ở trong hoàn cảnh như tôi thì cuối cùng cũng phải nghĩ đến bói việc ra mà làm để lấp hết cái thời gian kia đi.

Nhưng làm gì? Đang băn khoăn nghĩ kế thì chợt một buổi sáng dậy muộn, tôi trông thấy hàng chục con rệp béo múp bám quanh màn. Tôi reo lên như Archimède: “O-rê-ka!”. Nhưng việc diệt dệp xung quanh cái giường của tôi thực ra cũng chẳng giúp được tôi là bao. Chỉ cần hai buổi là tôi đã diệt hết: khoảng chín trăm con. Giết đở lòm cả nửa trang báo *Nhân dân*, bày lên cửa sổ triển lãm cho các chú cảnh vệ đi qua xem. Một cuộc tàn sát mang tính diệt chủng. Diệt xong mới thấy mình ngu. Lẽ ra phải diệt như thế nào để vẫn duy trì được đàn rệp chứ, có thế mới duy trì được nguồn việc mà làm. Cũng như bây giờ người ta phạt những nhà lán chiếm nhưng vẫn cho “duy trì”, như thế mới phạt được mãi.

Tôi phải quay sang diệt rệp trên tường. Tường xà lim là tường cách âm, lổn nhổn những cục xi-măng vữa đầy những hang hốc cho rệp ẩn nấp. Tôi lấy đầu ngón tay bịt một miệng hốc, đợi một lúc lâu, nếu thấy đầu ngón tay bị cái gì đốt buồn buồn thì tức là hốc ấy có rệp, lúc đó tôi mới từ từ rút ngón tay ra. Tốc độ một phần nghìn mi-li-mét một giây. Nhanh hơn, con rệp thấy động sẽ rút lại thì tài thánh cũng sẽ không lôi được nó ra nữa. Sau khi rử được nó ra khỏi miệng hốc thì bằng tay kia cầm một cái tăm, tôi gậy nhẹ con rệp xuống giường. “Công việc” này có ưu điểm là nó tiêu được rất nhiều thời gian, nhưng nó gây sốt ruột không thể chịu được, làm vài buổi là phải bỏ vì cảm thấy rằng làm tiếp thì mình sẽ phát rò sớm hơn là nếu cứ ngồi vêu.

Cứ như thế, tôi ngồi nghĩ ra đủ các thứ “việc”, “việc” nào cũng vô nghĩa như “việc” nào. Thí dụ: ngồi rút sợi của một chiếc quần đùi cũ, rút từng sợi một cho đến sợi cuối cùng, và rút đến đâu lại se lại thành chỉ. Để làm gì? Chẳng để làm gì cả. Chỉ để xóa sổ một tuần lễ.

Một thí dụ khác: viết... tiểu thuyết. Bút là một đoạn tre mài nhọn. Mực là thuốc Lào ngâm vắt lấy nước. Giấy là báo *Nhân dân* mỗi tuần được phát một tờ để đi vệ sinh. Viết vào giữa các dòng và những chỗ còn giấy trắng. Hàng ngày viết được đến đâu thì học thuộc lòng đến đó, vắn thì cắt vào bụng, còn tờ giấy báo vẫn dùng được vào chức trách chính của nó. Đoạn viết về vượt sông Luộc ở đầu cuốn sách này chính là được trích ra từ cuốn tiểu thuyết viết dở dang ấy.

Có bạn sẽ hỏi: sao không ngồi thiền? Một là: hỏi ấy tôi chưa biết thiền là gì. Hai là: thiền thì tâm phải tương đối tĩnh, còn tâm tôi thì lại loạn. Ba là: thiền thì một chốc một lát chứ thiền làm sao được cả ngày và hết ngày này sang tháng khác, có họa là... Bồ Tát.

Cuối cùng tôi tìm được một “việc” rất lợi hại: tôi chạy. Chạy tại chỗ, trên giường, từ trưa đến tối. Giường xà lim ván dày năm phân bắt bu-lông vào bệ gạch rất khỏe, tha hồ chạy.

Chạy như thế có nhiều cái lợi. Một là không cần nguyên vật liệu gì cả, có thể chạy... muôn năm. Hai là chóng được táo bón và hoàn toàn thư giãn: miệng thở hồng hộc thì đầu không thể nghĩ lời thôi cái gì được. Ba là, và đây là điều quan trọng nhất: chạy cả một buổi chiều (tất nhiên có chạy có nghỉ) thì đến tối mệt bã, đặt mình nằm xuống là ngủ luôn. Nhất cử lưỡng tiện: vừa tiêu được mấy tiếng ban ngày vừa ngủ được mười hai tiếng đồng hồ ban đêm. Chỉ có cái phiền: chạy thế thì hơi... đói.

Ba năm cuối cùng của cuộc đời đi tù của tôi, tôi ở các trại giam Phố Lu (Lào Cai) và Tân Lập (Phú Thọ). Ở trong rừng và xa xôi, gia đình đi tiếp tế rất vất vả, nhưng chính ở những nơi ấy điều kiện giam giữ được nói ra. Rất kịp thời: kéo dài một thời gian nữa kiểu giam giữ cũ thì chưa biết bao nhiêu người trong đám chúng tôi hóa điên, chí ít thì cũng lẫn thẩn.

Từ nay ban ngày cửa xà lim để mở, tôi có thể ra một cái sân con, tuy cũng có tường vây kín nhưng đầu sao cũng đỡ được cái cảm giác tù túng. Nhưng quan trọng hơn là có bàn ghế để ngồi làm việc và được nhắn gia đình gửi lên cho giấy bút sách vở thoải mái.

Tôi thực hiện luôn một kế hoạch tự đào tạo lại mình.

Trong một lần hỏi cung tôi, ông Nhuận hờ ra rằng, ra tù tôi sẽ không được nhận trở lại quân đội hoặc cơ quan nhà nước nữa. Nghĩa là tôi sẽ bị cho ra vỉa hè. Rồi ghé nhà trường là tôi

đi làm cách mạng cho đến ngày bị bắt, cho nên tôi biết đọc một nghề: “nghề làm cách mạng”. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa nghề làm báo không phải là một nghề tự do mà chẳng qua cũng chỉ là nghề tuyên truyền cách mạng. Nay cách mạng chổi bỏ tôi thì thực tế tôi là một kẻ vô nghề nghiệp.

Trong điều kiện vẫn còn bị giam giữ và có sách học thì hướng tự đào tạo lại duy nhất có thể làm được là học lấy vài ngoại ngữ để sau này ra tù thì làm nghề dịch thuê.

Bước đầu, tôi học hai thứ tiếng Nga và Anh, nếu còn thời gian thì học tiếng Trung Quốc. Và nếu vẫn còn thời gian thì học tiếng Đức, Ý, Nhật, Ấn Độ, Ả Rập, v.v..., thế giới thiếu quái gì tiếng để học.

Sau này ra tù tôi đã dịch thuê cho nhà xuất bản Văn học vài bộ tiểu thuyết của vài tác giả Nga, trong đó có Ehrenburg và Sholokhov. Anh Thúy Toàn, phó giám đốc nhà xuất bản có hỏi tôi:

- Anh học tiếng Nga ở đâu đấy? Gorki hay Lomonosov?²⁶

- Học một mình. Ở trong tù.

- Sợ mấy ông *autodidacte*²⁷ thật! Đã ông Cao Xuân Hạo, ông Phạm Mạnh Hùng, bây giờ lại đến ông.

Tôi không biết trường hợp anh Hạo và anh Hùng là thế nào, còn trường hợp của tôi thì đó là kết quả của ba năm dùi mài kinh sử, học quên cả buồn, học như điên.

Giờ đây, thỉnh thoảng các chú công an lại đến chơi thăm hỏi tôi. Một lần có một chú hỏi:

- Bác làm thế nào mà học được ngoại ngữ ở trong tù? Cháu thấy có khối người còn tù lâu hơn bác mà không học được.

- Đó là vì tôi có chủ nghĩa Mác-mê-nô.

- Là cái gì vậy?

- Là mặc mẹ nó.

²⁶ Tên hai trường đại học ở Liên Xô.

²⁷ Tiếng Pháp, nghĩa là “người tự học”.

Đúng thế. Những ngày ở Bất Bạt, tôi đã rút được bài học “xương máu” mà tôi nghĩ rằng các vị nào hiện đang chết buồn trong các nhà tù nên học: phải ép mình không được nghĩ đến bất cứ cái gì cả. Phải mặc tất! Đói ư? Mặc! Chiều tù thì lương ư? Mặc! Quá khứ ư? Mặc! Tương lai ư? Mặc! Cha mẹ vợ con ư? Mặc! Tổ quốc cũng mặc! Muốn thế thì chỉ có học và học. Ngừng học là chạy. Rồi ngủ. Có thế mới sống được.

Hồi kháng chiến, anh em chúng tôi chẳng có gì giải trí, thường giải trí bằng bịa ra những chuyện tiểu lâm cười với nhau. Có một chuyện khá thịnh hành hồi ấy: một anh cán bộ nghỉ phép về quê, nhịn lâu ngày cho nên ăn nằm với vợ xong, sướng quá, bắt chước tiếng gáy con gà trống nhảy cẫng lên hô: cuộc đời chỉ có thếếếế mà thôi...!

Học, chạy, ngủ, cuộc đời chỉ có thế mà thôi. Tất cả những chuyện khác coi như không có.

Năm 1971. Theo chế độ, mỗi năm vợ tôi được phép đi thăm nom tiếp tế cho tôi hai lần: một vào giữa hè, một vào cuối năm.

Theo vợ tôi kể thì mỗi lần đi tiếp tế phải chuẩn bị ngay từ sau lần đi tiếp tế kỳ trước về, nghĩa là sáu tháng. Phải để dành tiền, vì tiền hiếm lắm. Thêm nữa, hồi ấy đang chiến tranh, giữa thời kỳ bao cấp, mọi hàng hóa thực phẩm đều bán phân phối theo tem phiếu có định lượng, cho nên phải để dành cả tem phiếu nữa. Có tiền đã khó nhưng không phải cứ có tiền là xong. Bí quá thì nảy ra sáng kiến: khoảng một tháng trước khi đi, vợ tôi lại “rêu rao” khắp trong họ và trong bạn bè tháng sau mình đi thăm chồng. Thế là người mang đến cho vài ba bao thuốc lá, người mấy lạng đường, người lọ muối vừng, người túi kẹo, có người không có gì thì cho... tem phiếu. Kiểu đi rêu rao như vậy cũng muối mặt lắm, nhưng khó khăn thì cũng đành phải tro vậy.

Rồi tất cả đút vào bao tải, nom lèo tèo quá thì nhồi sách vào, sách thì nhà tôi chẳng thiếu. Vậy là nhồi: sách học tiếng Nga, sách học tiếng Anh, từ điển, *Người mẹ* của Gorki, *Con đường*

đau khổ của A. Tolstoy, bộ *Tư bản luận* chín tập của Marx, v.v... Vợ tôi coi những thứ đó là hàng độn, như ngô khoai độn vào gạo cho đầy nồi vậy. Nhưng mỗi lần vợ tôi mở bao lòi các thứ ra, tôi trông thấy sách tim cứ đập thình thình: cứu tinh đây rồi!

Nhà tôi có một chiếc xe đạp. Bao tải, túi, đầy được chất hết lên xe dắt ra ga rồi dắt từ ga về trại giam, thường khoảng trên dưới chục cây số. Còn mẹ con thì lóc nhóc đi bộ, thay phiên nhau dắt xe.

Năm ấy vợ tôi đã bỏ kỳ đi tiếp tế mùa hè, chỉ đi kỳ cuối năm, và phân trần như sau: thực ra là có đi, nhưng suýt chết cả nhà, đành phải nửa đường kéo nhau về. Số là năm ấy có lũ lụt lớn, bốn mẹ con không biết, cứ khăn đùm khăn gói kéo nhau ra đi. Và không hiểu sao các ông công an cũng cứ cấp giấy cho đi, không khuyên can gì, có lẽ họ cũng không biết. Lên đến Âm Thượng thì nước trắng mênh mông, sông Hồng chảy xiết, đò ngang không dám sang. Rồi có tin đê vỡ ở đâu đó. Thật là tiên thoái lưỡng nan, đi không được, về không có tàu. Có anh bộ đội trông thấy mẹ con nhếch nhác, thương tình dắt lên đê ngồi, đề phòng nước lũ tràn tới.

Đến chiều thì may mắn có một chuyến tàu cuối cùng chạy lụt về xuôi. Nhưng tàu chỉ tới được Việt Trì, vì cầu Việt Trì bị lũ mấp mé đánh trôi cả ván cầu cho nên tàu không dám qua. Có tin một bọn cướp định đêm nay cướp ga, nghĩa là cướp hành lý của khách đi tàu. Con trẻ khóc như ri. Vợ tôi nhanh trí dắt con lên đồn công an xin cho ngủ nhờ. Công an không cho vào đồn mà cho ngủ nhờ ở trước cửa. Đêm đó, mấy mẹ con đội mưa ôm khur khur các bọc hàng tiếp tế, ngủ ngồi trước đồn công an.

Sáng hôm sau, nhà ga phổ biến có tàu từ ga Bạch Hạc (phía bên kia cầu Việt Trì) về Hà Nội. Nghĩa là muốn đi được tàu thì phải làm thế nào vượt qua được cầu Việt Trì. Mẹ con bàn với nhau vào nhà dân gửi hết đồ lè, bao tải tiếp tế, và xe đạp (tài sản duy nhất có giá trị của gia đình) rồi cùng một số bà con hành khách úp mặt xuống nước bò trên hai thanh đường sắt cầu Việt Trì vượt sang bên kia sông. Rồi cuốc bộ tới Bạch Hạc.

Thế là mất hết, nhưng không sao, còn người. Cũng không mất hết, sau những ngày lụt, vợ tôi có cho thằng cháu lớn lên Việt Trì xin lại được cái xe đạp.

Trên đây là tôi viết theo lời vợ tôi kể đêm ấy. Đêm ấy pháo tôi đã vào trận địa, nhưng bố trí xong, loay hoay mãi không làm sao nổ được một phát. Cuối cùng đành phải thu càn, rút pháo về. Không cái nhục nào bằng cái nhục này.

Vừa thương vợ vừa thương thân.

HẾT PHẦN HAI

PHẦN BA

Tôi ngồi trên xe com-măng-ca trở về xuôi, trong lòng lẫn lộn hai tâm trạng trái ngược: tâm trạng của một người đang lấy lại được tất cả những gì mình đã mất và tâm trạng của một người vừa mới mất nốt tất cả những gì mình còn có được; câu chuyện hơi rắc rối một tý, không thể giải thích bằng vài ba câu, xin để hạ hồi phân giải.

Con đường trở về với tự do bùng lên trước mắt tôi đúng là vừa quen lại vừa lạ. Vẫn là những con đường đất đỏ, đường nhựa leo lên, đổ xuống những ngọn đồi, đi qua những khu thị trấn tấp nập, chạy dọc những cánh đồng xanh tốt, qua những lùm cây quán nước bên đường, tất cả đều là người xưa cảnh cũ mà sao cái gì cũng như mới, tươi rói? Cứ như tất cả đều được quét một lớp sơn Nippon (xin lỗi) một lớp sơn Tự do sơn đâu cũng đẹp.

Tông, Phùng, Cầu Giấy, Hà Nội... Hà Nội hai lần ra đi, hai lần trở về, lần thứ nhất trở về với tư cách kẻ chiến thắng, lần thứ hai là một tên tù mãn hạn, lại là tù “chống chế độ” của cái chế độ mà mình đã ra sống vào chết vì nó... Vườn hoa Hàng Đậu. Tòa báo *Quân đội* của tôi kia, cái cửa sổ trên tầng hai kia là nơi tôi ngồi làm việc, nhiều đêm chong đèn tới sáng.

Xe đi đến phố Hàng Đậu thì phải đỗ lại xếp hàng. Hồi ấy chưa có cầu Chương Dương, và cầu Long Biên bị bom mới chữa tạm, xe qua rất chậm nên phía đầu cầu phải xếp hàng dài hết phố Hàng Đậu. Tôi ngược nhìn dãy nhà bên phố, chợt thấy bên một cửa sổ tầng hai có người mẹ trẻ bế đứa con nhỏ ra đứng xem ô-tô. Tự dưng một mối thiện cảm dạt dào dâng lên trong lòng tôi, tôi giơ tay lên vẫy vẫy. Nhìn tôi thấy không phải người quen, người mẹ hình như hơi ngỡ ngàng, nép vào sau lưng con nhưng lại cầm tay nó vẫy vẫy lại tôi. Chao ôi, lúc này đây vì hai mẹ con kia, tôi có thể nhảy vào lửa lăm lăm.

Năm năm nay sống trong sự căm ghét ghê lạnh, tôi khao khát một cuộc sống đầm ấm tình người. Cho nên bây giờ được trở về với xã hội, tôi cảm thấy yêu tất cả mọi người, yêu cả cái anh chàng trung tá Cục Bảo vệ áp giải tôi đi quản chế kia. Tôi thấy thái độ anh ta sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi ngớ ngẩn của tôi thật là đáng yêu:

- Anh đưa tôi về lao động ở đâu?
- Ở một xưởng cơ khí và mộc của huyện.
- Ở đó chắc có chỗ cho tôi ăn ngủ chứ?

- Có chứ, thế nào anh em chả thu xếp giường chiếu tử tế cho anh.

- Không cần, tôi nằm đất cũng được mà.

- Ai lại thế!

Quả thật đối với tôi bây giờ, điều kiện sống như thế nào cũng là sướng.

Tên anh trung tá này là Dục. Nhân đây tôi muốn nói lời cảm ơn anh. Trong những lần tiếp xúc với tôi, anh đã tỏ ra rất ân cần. Và chính anh đã lên Ban Tổ chức Trung ương Đảng xin được cho tôi cái giấy cho phép nhà xuất bản Văn học giao sách cho tôi dịch. Không có cái giấy phép ấy thì nhà xuất bản không dám nhận tôi cộng tác. Cũng xin nói thêm là giấy phép ấy quy định rõ tôi chỉ được dịch, không được viết, và không được ký tên mình, phải ký tên khác. Tôi lái tên tôi thành Vũ Trấn Thủ. Năm năm trấn thủ lưu đồn.

Tôi bồi hồi trong lòng khi xe rẽ vào đường 39, con đường huyết mạch của tỉnh Hưng Yên. Từ đây mỗi đoạn đường là một kỷ niệm của một thời chinh chiến. Kinh là cánh đồng Tam Thiên Mẫu mênh mông, hành quân đêm đi mãi không hết, vừa đi vừa ngủ, mơ mơ màng màng lúc nào cũng như thấy trước mặt mình mờ mờ dầy quán chợ, cứ như người đi sa mạc bị ảo ảnh ốc đảo vậy. Ôi những ngày tháng đen tối ra đầu làng nhìn quanh, đâu đâu cũng thấy cái lô cốt gạch đỏ lôm, những cột khói đốt làng bốc lên cao và những đoàn người rông rã chạy càn... Còn đây thì là một trận địa phục kích, đánh xong rút quân dưới sự truy kích của máy bay địch trút bom na-pan xuống vô tội vạ...

Anh trung tá cho xe đỗ lại trước một quán nước bên đường:

- Anh vào mua bán ăn uống gì một tý.

Anh chàng này tâm lý thật: năm năm nay tôi mất nhiều thứ, ví như cái mồm mất chức năng nói, chỉ còn chức năng ăn, lắm lúc tôi “ngừa mồm” quá cứ ôm điều cày nói chuyện với cái góc tường. Năm năm nay bị tước mất một hình thái của sự sống là mua bán, lúc này tôi xà vào quán hỏi giá lung tung, sướng lắm. Tôi lấy cái bánh chưng ăn, gọi cốc nước chè tươi, mua một lạng chè Thái, tính tiền rồi đếm tiền trả, ngần ấy việc tôi làm từ tốn, nghiêm trang, như một kẻ đang thu hồi lại từng phần cuộc sống mà mình đã mất.

Có một chị đàn bà bước vào quán, lôi thôi lếch thếch, nom như Vân Đại. Không phải, nom như Thị Nở, bản thủ. Bà hàng quán cười giới thiệu:

- Người làng chúng em đây, đỡ người từ thừa còn trẻ, không biết vì sao. Hồi ấy cũng xinh gái ra dáng. Bây giờ cứ thấy anh bộ đội nào cũng đòi đi theo. Các anh có mang được đi thì cứ mang. Làng chúng em cho đây!

Chị đàn bà nép vào sau cột, bẽn lễn. Tất cả cười ồ. Tôi thì không.

Ra đến xe, tôi nói nhỏ với anh trung tá:

- Cái thẻ không mang đi được thì đành chịu, chứ mang được thì tôi cũng dám lắm.

Anh ta cười. Tôi nói tiếp:

- Khổ nhiều rồi, bây giờ cứ thấy ai khổ thì thương.

Anh trung tá nhìn tôi đăm đăm, rồi chắc là thấy tôi như muốn phát khóc, anh ta quay mặt đi.

Tôi được đưa về thẳng ủy ban nhân dân huyện Phù Cừ đặt tại thôn Đình Cao, nơi này ngày xưa có đồn chỉ huy tiểu khu của địch. Ông chủ tịch huyện nhận bàn giao tôi với thái độ tự nhiên vui vẻ. Tôi hỏi thăm:

- Không biết bà Tĩnh trong làng bây giờ có còn sống không?

- Còn. Sao anh biết bà Tĩnh?

- Tiểu đoàn tôi ngày xưa hạ đồn Đình Cao này, bà Tĩnh lúc ấy là địch vận xã phối hợp. Hồi ấy mồm mép bà ấy sắc như dao, chửi cả Tây cả ta, chẳng nề ai, bây giờ còn thế không?

- Vưỡn. Vưỡn phát huy.

Rồi ông ta mơ màng nói:

- Thế ra là ngày ấy anh đánh đồn Đình Cao này đây. Hồi ấy tôi là thôn đội phó phụ trách dân công đi tải thương cho các anh. Trận này anh em mình thương vong nhiều, sáng bạch nhật mới cáng đi hết, con mẹ bà già cứ bay vè vè trên đầu chỉ điểm cho pháo bắn, anh có nhớ không?

Sao lại không nhớ? Đánh xong đồn, cậu Nhâm, trung đội trưởng bộc phá, biến đâu mất tích. Mà rõ ràng khi đã im tiếng súng, tôi còn gặp cậu ta trong đồn, bên ụ súng cối, và cậu ta đã mếu máo nói với tôi:

- Trung đội em thương vong sạch, còn độc mình em.

Rốt cuộc, đến tối cậu ta lò dò về đơn vị. Thì ra là suốt ngày hôm ấy, cậu ta đã nhịn đói đi lang thang khắp các cánh đồng như một người mất hồn.

Sao lại không nhớ nhỉ? Đánh suốt đêm, đến gà gáy mới hạ được đòn, xong xuôi mọi việc thì sáng toét, tôi đi với đồng chí cần vụ ra về cuối cùng. Tôi lấm lem bùn đất từ đầu đến chân, lê bước rất nặng nhọc. Phần vì mệt, phần vì buồn, thảng trợn mà buồn. Lại thêm đôi giày “săng đá” nặng như cái cùm ở chân (đánh đòn tôi thường phải đi đôi giày đinh chiến lợi phẩm ấy để đề phòng giẫm phải chông). Có một bà gánh bún riêu đi bán chợ sớm cứ lẻo đẻo theo sau hai chúng tôi:

- Mời hai anh nghỉ chân ăn bát bún cho mát ruột đã.

Tôi lác đầu cảm ơn. Lúc này bụng dạ đau mà ngời ăn, thương binh chắc đang nằm đầy làng, máu me bê bết. Lát sau bà nhắc lại:

- Hai anh nghỉ chân ăn bát bún đã. Em không lấy tiền đâu!

Rồi như để lời mời có sức thuyết phục hơn, bà nói tiếp:

- Em người Đình Cao đây mà.

Xong chuyện ở ủy ban, sang phòng công an huyện. Trưởng phòng công an cũng là con người thoải mái, dễ thương (hay là bây giờ tôi nhìn ai cũng ra dễ thương thì không biết?). Chuyện trò xong, ông ta phổ biến cho tôi quy chế quản thúc. Ông ta làm với vẻ như việc phải làm thì làm thôi, chẳng thú vị gì:

- Chúng tôi bố trí cho anh làm thợ mộc: xưởng ở đây là một hợp tác xã, không có lương cố định mà tính lương theo sản phẩm. Xưởng sẽ bố trí người dạy nghề cho anh. Cố lên, sớm có sản phẩm để có lương mà sống. Anh được đi lại trong phạm vi một cây số xung quanh xưởng, đi xa hơn phải xin phép. Ngoài ra anh không được làm các nghề: cắt tóc, bán hàng ăn uống, chữa bệnh và dạy học. Anh hiểu chưa?

Tôi hiểu. Cắt tóc thì tiện dao đây, tôi có thể cắt phăng luôn cổ khách hàng. Bán hàng ăn uống và chữa bệnh, tôi có thể đầu độc thiên hạ. Dạy học, tôi có thể tuyên truyền phản động.

Cuối cùng ông ta nói thêm:

- Cuối mỗi tháng anh phải lên phòng công an huyện trình diện và báo cáo.

Thực tế là về sau tôi cũng chỉ phải lên trình diện có hai lần thì rồi họ cũng miễn cho cái thủ tục vô bổ ấy. Thậm chí ông trưởng công an huyện còn xui tôi:

- Đi thăm cơ sở kháng chiến cũ hoặc đi chơi đâu anh cứ đi, nhưng đi về cứ lẳng lặng, đừng kể lung tung.

Và tất nhiên đừng có tiện chân téch thẳng về Hà Nội.

Xí nghiệp nơi tôi về lao động được xây dựng trên nền một đồn giặc mà đơn vị tôi đã nhổ ngày trước, cách huyện lỵ bốn cây số. Anh em xếp cho tôi một buồng riêng (lại buồng riêng) ở ngay đầu hồi của xưởng mộc. Buồng đủ kê được bốn cái giường cá nhân nhưng chỉ kê hai, một cho tôi, một để “tiếp khách Hà Nội”. Có một cái bàn, còn ghế thì ông chủ nhiệm bảo:

- Gỗ đấy, anh học nghề đi rồi đóng lấy mà dùng.

Quả thật tôi không ngờ bà con Phù Cừ lại chu đáo với tôi như vậy.

Nhân chuyện buồng riêng, xin kể một câu chuyện ngớ ngẩn.

Tôi về đây được độ một tuần thì các cô trong cả hai xưởng mộc và cơ khí rủ nhau đến thăm ra mắt tôi. Tôi đã kịp biết được rằng các cô sống chung trong một buồng rộng, không lấy gì làm vui vẻ cho lắm. Tôi lên mặt cao đạo khuyên các cô:

- Các cô buồn cười thật. Được sống chung với nhau có chị có em, sướng quá chứ còn gì.

Một cô mau mồm đập lại tôi luôn:

- Anh buồn cười thì có. Sống chung phức tạp bỏ mẹ. Anh mới là sướng.

Biết làm thế nào? Mỗi người một nhu cầu. Sau năm năm vò võ một mình, tôi có nhu cầu anh em quần tụ cho vui, còn các cô ấy sống chung lắm chuyện phức tạp, có nhu cầu ở riêng một mình cho thoải mái.

Buổi “ra quân” đầu tiên làm thợ của tôi không lấy gì làm vẻ vang cho lắm. Tôi ngồi dưới đất, giữa xưởng, mồ hôi mồ kê nhễ nhại ướt nhòe cả đôi mắt kính lão. Và vòng trong vòng ngoài vây kín quanh tôi là các cô phó cậu phó toàn xưởng, khoái trá trước một trò lạ mắt. Sau khi xem ông thầy làm thị phạm, tôi bắt đầu thao tác đục mộng, phang được ba nhát đúng cán đục, đến nhát thứ tư thì choảng luôn vào tay, đau chết điếng. Cả đám thợ trẻ cười ồ:

- Ông anh ơi! Học chơi học bời thôi, không làm được đâu.

Có lý. Xuất thân học trò Hà Nội, cả một đời đi lính cầm súng, cầm bút, năm mươi tuổi đầu hoàn cảnh trở trêu mới bắt đầu học nghề, mà lại là cái nghề khá tinh xảo, thì cũng khó thành cơm cháo thật đấy. Nhưng học chơi học bời thì lấy c... mà đút vào miệng à? Mặt khác, sau năm năm tù túng, chân tay ngứa ngáy, nay trở về với cuộc đời, tôi “máu” ghê lắm, trong lòng sôi sục một quyết tâm rất lớn. Tôi trả lời đám thợ trẻ bằng một câu nói chắc nịch như một nhát dùi đục nện xuống:

- Để rồi xem.

Mất một tuần lễ, mỗi buổi sáng mở mắt dậy, tôi lại có một câu hỏi nảy ra trong đầu. Không phải câu “làm gì cho hết mười hai tiếng đồng hồ hôm nay?” như những ngày ngồi vêu trong tù nữa, mà là câu “hôm nay nghỉ hay đi làm?”. Vì toàn thân tôi đau ê ẩm như bị tra tấn. Tự hỏi thế thôi chứ rất cuộc thì cũng không bỏ buổi nào. Rồi quen dần. Ít bữa sau, nhân một chủ nhật xưởng nghỉ, tôi đóng đôi ghế dài để tiếp các bạn trẻ hay vào buồng tôi chơi. Một anh thợ cả nhìn đôi ghế của tôi nhận xét:

- Cô Bộ chưa chắc đã đóng được đôi ghế như thế này. Chắc chắn, nhẵn nhụi.

Cô Bộ là cô phó trẻ nhất xưởng, nhưng cũng đã bốn năm trong nghề.

Tôi tiếp tục thực hiện cái phương châm đã tiếp sức cho tôi trong những ngày ngồi tù: “Hôm nay hơn hôm qua, ngày mai hơn hôm nay, mỗi ngày giành lấy một thắng lợi nhỏ”. Không có niềm vui thắng lợi, dù là thắng lợi nhỏ, thì khó sống lắm.

Tôi kiên trì chiếm lĩnh dần từng bước các kỹ thuật cơ bản của nghề mộc, cưa cắt, cưa dọc, cưa vanh (cưa theo đường vòng cung, vòng tròn), và cưa sao cho còn nguyên đường chỉ mực, đường cưa chỉ vừa vặn chạm vào đường mực, nói theo ngôn ngữ phó mộc là không được

để “chó liếm mắt mực”. Bào lau thì sao cho phơi bào hớt lên chỉ mỏng bằng tờ giấy pơ-luya, thậm chí bằng cái mạng nhện, bào xong đặt cạnh thước lên kiểm tra, đặt ngang hay đặt dọc cũng không thấy khe ánh sáng, sờ tay lên thì mát rượi, v.v... Rồi vận hành máy cưa lia, cưa đĩa, máy bào, máy khoan, làm sao để máy khỏi xoi tái của mình một ngón tay, thậm chí cả bàn tay... Tiến dần từ những mặt hàng thô như áo quan, bàn ghế học sinh, chạn đựng thức ăn, đến các hàng tinh như cánh cửa huỳnh, ghế ba nan (ghế tựa kiểu cũ), bàn làm việc, giường ba xà (giường kiểu cũ), giường kiểu mới mà ở đây anh em gọi là giường Đức, tủ đứng, tủ ly. Làm bằng đủ các loại gỗ từ xoan đến tứ thiết, không né tránh cả thứ gỗ ác ôn thợ nào cũng sợ là gỗ ngát (loại gỗ thớ có vôi làm cho lưỡi cưa, lưỡi bào đưa một nhát là cùn, dùng làm nhà thì bền. Có câu: nhà nát ngát còn).

Tất nhiên là không thầy đồ mày làm nên.

Xưởng bố trí phó Nhuận, thợ giỏi nhất xưởng, dạy nghề cho tôi. Nhưng phải nói toàn xưởng là thầy tôi.

Bài học đầu tiên phó Nhuận giảng cho tôi là:

- Nghề mộc là một nghề học lỏm, mắt lúc nào cũng phải lơ lơ láo láo nhìn trộm xem người ta làm như thế nào, thấy cái gì hay là học mót luôn. Xem ba, bốn người làm ba, bốn kiểu khác nhau rồi biến báo thành kiểu riêng của mình.

Nghĩa là: học nhưng đừng giáo điều rập khuôn.

Tôi thì tất nhiên không phải loại xem trộm, tôi xem đàng hoàng. Không những thế, mọi người khi làm cái gì mà họ cho là tôi chưa biết thường gọi tôi lại xem, không giấu bí quyết.

Phó Nhuận có cái tài nâng lên thành nguyên tắc:

- Đánh giá thợ giỏi hay thợ tồi chỉ cần xem bộ đồ nghề của anh ta, nhất là cái lưỡi bào. Đồ nghề không chuẩn thì đồ làm được tốt. Lưỡi bào lau mà mài cong miệng hén thì đồ lau được.

Nghĩa là: công cụ sản xuất là quyết định.

Một hôm, nhân lúc tôi đang mài lưỡi bào, anh hỏi:

- Anh mài bằng gì đấy?

Tôi không hiểu, đáp:

- Mài bằng tay chứ còn bằng gì?

Anh đáp gọn lỏn:

- Thợ giỏi mài bằng tai.

Tôi càng không hiểu. Anh giải thích:

- Phải tập nghe tiếng lưỡi bào ma sát vào đá, tiếng ma sát như thế nào là được, như thế nào là không được, như thế nào là sắc rồi, mài nữa là hỏng.

Đó là mối quan hệ giữa hiện tượng và bản chất. Quả thật phó Nhuận đã nâng trình độ hiểu biết nghề nghiệp của mình lên tới tầm triết học.

Có một lần tôi được một cô gái ở địa phương giao cho mấy tấm gỗ hòm đựng máy, thuê tôi đóng một chiếc hòm khóa chuông để cô ta đi lấy chồng. Tôi đã đóng khoảng chục cái hòm như thế. Trước kia tôi đã vì cha mẹ các cô ấy mà chiến đấu, bây giờ lại được đóng hòm để các cô ấy đi lấy chồng, còn gì... “có ý nghĩa” cho bằng. Gỗ hòm máy bản thường rộng 20 đến 25 phân, dày thường 1,5 phân, phải bẻ đôi ra thành hai tấm dày khoảng 5 – 6 mi-li-mét. Làm thế nào dựng được nó lên mà rọc? Tôi hỏi thầy. Thầy đáp:

- Anh chạy ra phố xem có thằng bé con nào đang đá bóng ngoài ấy, thuê nó cái bánh rán, bảo nó vào giữ cho mà rọc.

Ý là: cái gì cũng hỏi, cũng quan sát đi rồi nghĩ ra cách mà làm.

Dần dần phó Nhuận đã truyền cho tôi tất cả các ngón của cái nghề hữu ích và vinh quang này, không quên cả cái ngón rất quan trọng mà bất cứ ông phó biết tự trọng nào cũng phải thành thạo. Đó là: những mảnh khóe bịt mắt khách hàng.

Phó Nhuận giảng:

- Làm ở xưởng đây thì dễ, hỏng máy cũng có thể sửa được. Nhưng người ta mời anh đến nhà đóng đồ cho người ta thì không đơn giản đâu. Giả dụ: anh trót đục cái lỗ mộng quá rộng, xem chừng vào mộng gỗ một cái là nó vào đánh “sụt”. Bây giờ mà anh bày ra cái trò ngồi chêm trước mặt khách hàng là không xong với họ đâu. Vậy phải làm thế nào? Anh phải tinh bơ đi cho em, coi như không có chuyện gì xảy ra cả và ngồi vào mộng đang hoàng, tay phải cầm dùi đục nện cật lực, tay trái đỡ dưới, kim không cho mộng vào nhanh quá. Khách hàng ngồi xem, không biết gì, cứ thấy ta gõ choang choang là khoái. Vào mộng xong, anh cho em hai cái đinh tre thì tha hồ lay. Làm thợ thì phải thế mới lấy được tiền của người ta.

Xin cảm ơn về những lời vàng ngọc ấy.

Tiền đây xin nói như vậy là xông vào đời tôi có hai ông Nhuận, một ông ác, một ông thiện.

Xưởng mộc đôi khi hết gỗ, tôi lại chuyển sang xưởng cơ khí làm thợ gò, hàn, nguội và trong nghề nào cũng ra được sản phẩm, kiếm được đủ sống.

Một hôm, ông bí thư đảng kiêm phó chủ nhiệm hợp tác xã rẽ vào chơi tôi, nói:

- Tôi nói với anh em: ông Thư là loại người ném vào đâu cũng sống.

Tôi là người lính địch hậu, thích nghi với mọi hoàn cảnh, mọi thổ nhưỡng, gieo vào đâu cũng bắt rễ, cũng sống. Không thể thì trụ làm sao được ở cái đất này?

Hôm ngồi với tôi ở ủy ban huyện, nghe tôi và ông chủ tịch gợi lại những kỷ niệm chiến đấu cũ, anh trung tá Cục Bảo vệ ngạc nhiên hỏi tôi:

- Anh Thư trước chiến đấu ở vùng này đây à?

- Anh không biết ư?

- Không.

Tôi nghĩ bụng: thế là cơ quan an ninh cũng có trục trặc kỹ thuật à, các vị thả hổ về rừng rồi. Tự nhận mình là hổ về rừng thì huênh hoang quá. Và không đúng. Đúng ra là phải nói: các vị thả cá xuống nước rồi. Những năm chiến đấu, tôi sống với bà con Tả Ngạn như cá sống trong nước. Và bây giờ tôi lại trở về với nước.

Một quan hệ tình cảm đậm ấm mau chóng hình thành giữa tôi và anh chị em trong xưởng và bà con nhân dân trong vùng. Mặc dù trước khi đưa tôi về đây, huyện đã cho toàn xí nghiệp

nghe hướng dẫn cách đối xử với tôi (chắc chắn không phải là cách đối xử thân thiện), quy định cả đến việc gọi tôi bằng “anh” chứ không chú bác, ông iếc gì hết. Tuy nhiên chẳng mấy chốc bà con đã quên hết và tùy nghi gọi tôi bằng gì thì gọi, kể cả gọi bằng cụ. Nhưng tiếng “anh” vẫn là chính, tiếng “anh” thân mật chứ không phải tiếng “anh” theo quy định.

Một hôm, đi trên đê sông máng, tôi thấy một toán các cô gái đi gặt về đang ngồi nghỉ chuyện trò vui vẻ. Tôi nghĩ bụng: “Đi qua mặt các mẹ ranh này là không yên được với họ đâu. Chi bằng ta chủ động tấn công trước”. Tôi háng giọng:

- Nay các cô ơi, tôi qua đây xem xem cô nào đảm đang nhất để kén cho thằng con út nhà tôi đấy.

Cười ré. Một cô có vẻ đầu đàn nghênh chiến luôn:

- Kén cho cậu con út hay kén cho mình thì ông anh cứ nói thẳng ra, để chúng em còn liệu xem nòi nào thì hợp với vung của ông anh. Ông nhà báo ở xưởng gỗ chứ gì, chúng em biết thừa đi rồi.

Lại cười rú. Lượng sức mình quả bất định chúng, tôi vội chạy dài.

Cái tên anh bộ đội 42 trở thành cổ. Bây giờ bà con gọi tôi là ông Hà Nội, ông nhà báo, ông xét lại, một giống vật chỉ có độc một móng, không có đến hai, như ông bí thư huyện, ông chủ tịch huyện vậy.

Ông xét lại nhưng hoàn toàn không có ý kỳ thị. Ông bí thư Đảng tôi đã nhắc đến ở trên một hôm nói với tôi:

- Anh em có hỏi tôi chuyện ông Thư là thế nào, tôi trả lời: chẳng qua tao bảo tao đúng, mày bảo mày đúng, tao khỏe hơn mày thì tao bỏ mày vào tù, có thể thôi. Tôi nói vậy có đúng không?

Chắc chắn ông ta không biết La Fontaine là ai, vậy mà nói cứ như La Fontaine: chân lý thuộc kẻ mạnh. Giỏi thật! Bí thư có khác!

Còn anh chị em thì nói với tôi:

- Chúng em bảo nhau: anh Thư có lỗi gì với Đảng, với Trung ương, chứ đâu có lỗi gì với chúng mình.

Nghĩa là Đảng và “chúng mình” là hai, việc của Đảng, Đảng lo, đểch dính dáng gì đến chúng tôi.

Một hôm tôi ra cửa hàng mậu dịch ăn uống của huyện ở ngoài phố mua thịt:

- Hôm nay tôi có khách Hà Nội, cô bán cho tôi nửa cân thịt dọi.

Cô nhân viên cửa hàng cân thịt cho tôi xong, gói ghém kỹ, đưa cho tôi rồi giục:

- Anh đi mau lên!

Tôi lấy làm lạ, cầm thịt mang về. Qua cửa phòng ban quản trị xí nghiệp nghe thấy tiếng ông chủ nhiệm gọi giật giọng:

- Ông Thư.

Tôi rẽ vào.

- Đưa đây xem... bao nhiêu đây?... cậu nào lấy hộ cái cân!

Cân xong ông ta chè môi ra:

- Thế này mà là nửa cân?

- Vậy là bao nhiêu?

- Xuýt xoát một cân.

Thảo nào mà cô mậu dịch gói kỹ thế và giục tôi về mau.

Nhưng vui nhất là thái độ của bà con trong lần tôi tuyệt thực.

Câu chuyện chẳng có gì quan trọng: tôi bị sâu chiếc răng hàm, ăn uống rất đau. Tôi lên công an huyện đề nghị cho lên bệnh viện tỉnh để hàn. Ông trưởng công an huyện xin chỉ thị của tỉnh rồi trả lời:

- Thôi, anh ra chợ Từa nhờ ông thợ ngoài ấy chữa cho vậy.

Tôi thừa răng mà ra chợ há mồm cho anh thợ vườn nhà quê chữa. Tôi nghĩ bụng: không đối đầu với các vị này một quán không xong. Bất nạt được một lần, các vị ấy cứ bất nạt mãi.

Tôi quyết định tuyệt thực.

Thế là mô-tô ba bánh cứ chạy rầm rập qua trước cửa xí nghiệp, đi từ huyện lên tỉnh, từ tỉnh xuống huyện, để làm gì không rõ, nhưng ắt phải có cả mục đích uy hiếp tinh thần.

Cả xưởng sợ xanh mắt. Ngoài phố cũng xôn xao.

Bà con nói: nam bảy nữ chín. Nghĩa là nam có bảy vía, nhịn đói chỉ được bảy ngày là chết, nữ chín vía thì được chín ngày. Chẳng ai dám vào thăm tôi, nhưng bà con theo dõi tình hình tôi rất sát, đếm từng ngày.

Té ra tuyệt thực cũng chẳng có gì là ghê gớm cả. Chỉ mất ba ngày đói vàng mắt, lúc nào cũng nghĩ đến ăn. Lúc ấy phải có nghị lực, nhất là phải có tính sĩ diện cao. Vì ăn vào tất phải (xin lỗi!) ỉa ra. Mà đi ỉa thì phải đi qua xưởng, đi xuống nhà xí công cộng, thiên hạ thấy hết thì còn mặt mũi nào? Vì thế mà tôi đã giữ vững được. Từ ngày thứ tư, nghĩ đến ăn cũng đứng đưng, chỉ một bã. Một thì nằm!

Tôi không làm sao cả, chỉ phạm một đại tội: đang lúc đói cơm, đói thuốc (vì tôi phải nhịn cả thuốc lao), thêm quá, tôi rít một điếu lăn quay ra tường chết.

Tối ngày thứ năm có hai người, trong đó có một bà ở ngoài phố lên vào buồng tôi, đưa tôi chuối, bánh, bảo tôi ăn: sắp hết bảy ngày rồi. Tất nhiên tôi không ăn.

Và sáng hôm sau, tức là ngày thứ sáu, tôi thấy ông trưởng công an huyện bước vào phòng tôi, ông phổ biến cho tôi biết là “trên” đã đồng ý cho tôi đi chữa răng. Ông phân trần việc này là do Trung ương quyết định chứ không phải là tỉnh hay huyện. Và bảo tôi chiều lên huyện lấy giấy giới thiệu.

Rõ ràng ông này chưa thực thụ nhập vai công an (ông ta là chánh văn phòng huyện ủy mới chuyển sang công an). Một vị công an thực thụ thì hách cỡ, không đi xuống, nhất là là thân chinh, mà sẽ đưa trát gọi tôi lên. Không phân trần mà sẽ nói: “Vì chính sách khoan hồng của Đảng, chúng tôi cho phép anh đi chữa răng”.

Sau khi ông ta về, trong xưởng rối rít cả lên:

- Thắng lợi rồi, ông Thu ơi!

- Chúng em hãi quá, từ thừa bé chưa thấy ai dám tuyệt thực chống lại chính phủ bao giờ!

- Để em nấu cho anh bát cháo.

- Nhà em có trứng gà đây.

Xưởng trưởng xưởng mộc thì bảo tôi:

- Anh Thư cứ ở nhà nghỉ cho lại sức, giấy đề chiều nay em đi lấy cho.

Mọi người như trút được một gánh nặng.

Sáng hôm sau tôi ra xe ô-tô lên tỉnh. Một cô, nom có vẻ cán bộ, bước lên xe sau tôi, ngồi xuống ghế bên cạnh. Dọc đường hai chúng tôi trò chuyện rôm rả:

- Em là vận động viên thể thao của huyện.

- Môn gì vậy?

- Môn súng ngắn.

- Thế à? Cô bắn có giỏi không?

- Mười viên chín mươi nhăm điểm.

Kèm theo một nụ cười rất xinh. Tôi cười đáp lễ.

Cái cười của cô ta tôi suy ra nghĩa là: “Ông anh xét lại ơi, súng lục trong túi rất đây, ông anh mà chạy em cho một phát thì cứ gọi là bỏ bà”.

Còn cái cười của tôi, tôi quy định cho nó nghĩa là: “Cô em có m chím ơi, ai khảo mà cô em xung? Anh chạy làm khí gì, ngồi tán chuyện với cô em như thế này có vui hơn không?”.

Tôi cảnh giác thì cứ suy diễn ra như thế, nhưng xem ra thì cô cũng chẳng tỏ vẻ gì ác. Ngược lại, còn tỏ vẻ thích thú là khác. Cô thích thú chắc là vì từ thừa bắt đầu đi làm có m đến nay, cô chưa lần nào được vinh hạnh theo bám một tay xét lại, mà lại là một tay xét lại cỡ Trung ương gửi xuống. Cô tươi như hoa, chuyện như khướu. Tôi có cảm tưởng tôi với em ấy gần nhau lâu khéo sinh chuyện.

Người ta muốn tôi và cô công an này trở thành kẻ thù của nhau, nếu cần thì có thể bắn giết nhau. Nhưng không, chúng tôi vẫn là một đôi trai gái bình thường.

Tới bệnh viện tôi xộc luôn vào phòng giám đốc. Xem giấy giới thiệu của tôi, ông ta có vẻ ngạc nhiên: công an mà lại giới thiệu một anh thợ mộc đi chữa bệnh? Tôi chìa ra thêm sổ khám bệnh làm ông càng ngạc nhiên hơn: sổ do bệnh viện Việt Xô cấp. Tên chủ sổ là thiếu tá Trần Thư. Chắc ông ta tưởng tôi là một con cá chím to lắm về cải trang nằm vùng điều tra một vụ án nào quan trọng đây. Nghe tôi giải thích, ông ta vỗ đùi đánh đét một cái:

- Nghe tiếng ông từ lâu, hôm nay mới gặp. Ông nằm xuống đây.

Ông ta trở vào chiếc giường cá nhân lót vải trắng tinh:

- Để tôi kiểm tra sức khỏe toàn thân của ông xem ra sao đã.

Rồi ông nghe phổi, nghe tim, gõ lưng tung.

- Tốt. Ông cảm thấy trong người như thế nào?

- Tôi thấy bụng cứ tức anh ách, ruột cứ lộn lên.

Thấy tôi vừa nói vừa cười, ông biết tôi nói đùa, đáp:

- Bệnh ấy thì tôi chịu.

Rồi gọi cô y tá trực:

- Đưa bác này đến phòng răng, bảo làm ngay cho bác cái răng. Cháu đừng chờ làm xong đưa bác quay về đây.

Khi tôi quay trở lại, ông xoa tay vui vẻ nói:

- Xong mọi việc rồi, ta ngồi xuống đây nói chuyện.

Chuyện hàng tiếng đồng hồ, trong đó tất nhiên có chuyện vụ của chúng tôi và tâm sự về những nông nỗi của một cán bộ trí thức công tác ở tỉnh lẻ. Khi tôi cáo từ ra về, ông hỏi có cần phiếu đường sá gì không. Tôi cảm ơn, không dám lợi dụng lòng tốt của ông. Tiễn chân tôi ông dặn:

- Từ nay cần gì cứ đến gặp tôi, không phải giấy má gì cả.

Mọi việc xong xuôi, ông bí thư Đảng của xí nghiệp mới nói lộ ra với tôi:

- Tay trưởng công an huyện kể với tôi rằng Trung ương phê bình tỉnh là cứng nhắc, gây căng thẳng vô ích. Cứ cho người ta đi rồi cứ người theo dõi thì đã sao? Ông đi có thấy ai theo không?

- Tôi thấy một cô.

- Đấy, đấy, cái Nhâm đấy mà! Ông đoán ra ư?

- Ngồi cạnh cô ấy, tôi ngửi thấy mùi cóm.

- Mùi nó thế nào?

- Thơm thơm.

Xí nghiệp có ngày hội hàng năm, thường diễn ra vào dịp mùa đông, khi trên các triền sông là con nước nhỏ. Đó là ngày gỗ về. Xí nghiệp cử người lên rừng mua gỗ, đóng bè, rồi thả trôi sông Hồng. Gỗ về là tiền về, là công ăn việc làm về, là máy móc lại chạy xình xịch, dùn đục lại gõ chan chát, là cơm no áo ấm, tóm lại gỗ về là... Bác về.

Người ta hỏi thăm nhau:

- Bác về đến đâu rồi?

- Đến cửa Luộc.

Bè gỗ trôi theo sông Hồng, đến Hưng Yên thì rẽ vào sông Luộc, tới La Tiến thì rẽ vào con sông đào có từ xưa, cuối cùng tới Cầu Tràng thì rẽ vào một con sông máng thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải. Xí nghiệp huy động toàn bộ lực lượng trai tráng khỏe mạnh của mình ra Cầu Tràng đón bè gỗ, ở đó mọi người nhảy xuống nước, đẩy bè gỗ trên một đoạn đường bốn cây số sông máng đưa về xưởng.

Chỉ có bốn cây số thôi mà phải mất một ngày trời làm cật lực. Nước sông lạnh buốt nhưng vì làm nóng người nên cũng đỡ thấy lạnh, chỉ có điều là nghỉ cũng phải đứng dưới sông mà nghỉ, ăn uống cũng phải đứng dưới sông mà ăn uống, không thể lên bờ được, lên bờ thì gió rất lạnh. Sông máng nhiều đoạn nông, bè gỗ cứ kéo lê sát đáy bùn, rất nặng, phải vừa đẩy vừa dìm người xuống nước đến tận cổ nâng bè gỗ lên, nhích từng tý một.

Về gần tới xưởng thì trời đã tối, tôi thấy chị em đã nhóm một đống lửa to tướng. Tôi leo lên bờ, rét run lập cập, nghe tiếng chị em riu rít:

- Anh Thư ơi, vào đây, mau lên kéo chết rét.

Ngồi bên lửa hồng giữa đám anh chị em, tôi cảm thấy trong lòng vô cùng vui sướng.

Trong cuộc đời lính và đời tù của tôi không thiếu gì trường hợp phải chịu rét. Chẳng hạn như có lần, vào một đêm đại hàn hay tiểu hàn gì đó, trời mưa phùn, tôi phong phanh chiếc quần đùi và tấm áo trấn thủ, phủ ngoài một tấm ni-lông, bị bõm lội đồng chiêm suốt một đêm, nhiều quãng nước ngập tận bụng, thỉnh thoảng lại giẫm phải cái cọc trâu chìm dưới đáy bùn, đau buốt đến tận tim. Tới sáng, vào trạm liên lạc, ngồi co ro bên bếp, hút điếu thuốc Lào cho tỉnh người.

Nhưng đó là cuộc đời chiến đấu và tôi đang sức trẻ.

Còn chuyện nhà tù Hòa Lò. Chế độ của chúng tôi là mỗi tuần tắm một lần, cứng nhắc vào thứ năm, bất kể thời tiết như thế nào, bắt đầu từ năm rưỡi sáng, mùa hè cũng như mùa đông. Bởi vì có tám xà lim, mỗi xà lim tắm mười lăm phút, tổng cộng hết hai tiếng đồng hồ, phải tắm sớm cho kịp giờ hồi cung. Xà lim tôi là xà lim số 1 cho nên bao giờ cũng ra tắm đầu tiên. Mùa đông, năm rưỡi trời còn tối. Sáng hôm ấy rét khan. Nước bể qua đêm lạnh như nước đá. Tôi làm đủ mọi động tác chuẩn bị: nhảy nhót, xoa người, xoa khô rồi xoa ướt. Vậy mà vừa đội gáo nước đầu tiên, tôi đã nhảy cẫng lên như phải bóng, và có cảm giác... cái chim của mình đã tụt vào trong bụng.

Nhưng lần ấy là tình thế bất buộc.

Còn các lần lội sông kéo gổ này thì tôi đã già, và chẳng có gì bất buộc tôi cả, nhưng tôi đang lên cơn muốn rèn luyện mình. Bởi vì đời tôi rồi đây như thế nào, tôi không biết. Chắc là còn nhiều thử thách: cho nên tốt hơn hết là cứ rèn luyện mình và luôn luôn sẵn sàng.

Đồng thời tôi cũng muốn nói với “các vị” rằng tôi không sợ lao động, các vị đừng đem cái cải tạo lao động ra mà hù dọa tôi, tôi thách vị nào dám về đây làm thi với tôi đấy.

Tất cả tình hình của tôi tất nhiên đã được báo cáo đầy đủ lên trên. Một lần có việc phải lên Bộ Nội vụ khiếu nại, tôi được vị đại diện của Cục An ninh nhắc nhở:

- Cái chúng tôi cần là anh phải chú ý tu dưỡng tư tưởng chứ không phải là lãn lừng ra mà làm đầu.

Tôi đáp bằng một giọng chắc là ngây thơ:

- Thế mà tôi cứ tưởng Đảng cho tôi đi lao động là để cải tạo tư tưởng. Hóa ra là lao động không cải tạo được tư tưởng mà muốn cải tạo được tư tưởng thì phải nhờ đến chính tư tưởng à?

Biết là tôi nói xỏ, vị ấy im lặng và lờ đi.

Vị ấy nhắc nhở tôi như vậy là muốn ám chỉ đến những việc sau đây.

Tôi về Phù Cừ được ít lâu thì một hôm ông trưởng công an huyện tới xí nghiệp, xuống tận xưởng phổ biến cho tôi:

- Trung ương yêu cầu anh viết một bản báo cáo: sau khi ra tù, anh nhận thức về tội lỗi của mình như thế nào? Chúng tôi cho phép anh nghỉ lao động một tuần để ngồi viết, làm càng kỹ càng tốt.

Tôi nghĩ bụng: rõ khéo, “chúng tôi cho phép anh nghỉ lao động một tuần”, nhưng các vị có trả lương tôi cái tuần lễ ấy không? Nếu không thì... xin lỗi.

Đúng một tuần sau, ông xuống lấy báo cáo của tôi mà chắc là ông định ninh phải dày cộp – viết một tuần lễ cơ mà.

Tôi nộp ông một tờ giấy vở học sinh trên đó tôi viết vắn vẹn độ mươi dòng như sau:

“Tôi không có tội, tôi chỉ có một số ý kiến khác Trung ương về một số vấn đề đối nội và đối ngoại. Đó là vấn đề nhận thức, là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nó không phải là vấn đề cách mạng và phản cách mạng, không phải là mâu thuẫn địch – ta. Do đó nó đòi hỏi phải được giải quyết như một mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân”.

Không có lấy một lời sám hối, không có lấy một câu hứa hẹn. Nhận tờ giấy này ở ngay xưởng mộc, ông đọc tại chỗ rồi đứng tần ngần hồi lâu, hình như phân vân không biết có nên cầm tờ giấy về hay ném trả lại vào mặt tôi. Cuối cùng ông mang nó về, cho nên bây giờ chắc chắn nó còn nằm trong cặp hồ sơ lưu của Cục An ninh.

Bẵng đi độ hai năm, một hôm ông trưởng ty công an tỉnh Hải Hưng đi cùng hai cán bộ đến xưởng gặp tôi. Ông giảng giải cho tôi khá dài dòng là phải ăn năn hối lỗi, nhận rõ sai lầm của mình. Tôi đáp một câu mà tôi chắc là ông ta thấy xanh rờn:

- Nhưng Trung ương sai chứ tôi có sai đâu.

Ông ta có vẻ hơi nóng tai nhưng vẫn giữ được bình tĩnh:

- Anh khá tự kiêu đấy nhỉ, dám cho là mình giỏi hơn Trung ương.

- Tôi có cho là mình giỏi hơn Trung ương đâu. Tôi cho là trong trăm cái đúng, chẳng may Trung ương phải một cái sai. Còn tôi thì trong trăm cái sai, ngập phải ruồi được một cái

đúng. Và ngẫu nhiên cái ngáp phải ruồi của tôi lại trúng vào cái chằng may của Trung ương mà thôi.

Nói vài câu nữa rồi ông ta chán bỏ về. Chắc ông ta nghĩ bụng: hôm nay ra ngõ gặp gái, vớ phải thằng xét lại vô phương cứu chữa.

Có một chuyện buồn cười, hoặc nói một cách ngắn gọn là có một chuyện buồn.

Năm 1976, tôi hết hạn quản chế và được tuyên bố giải quản. Nhưng lại được dặn: cứ tạm ở Phù Cừ, tiếp tục lao động, chờ nhận được giấy “giới thiệu” về Hà Nội hãy về (người ta còn phải bàn giao tôi cho nhau).

Nhưng từ nay, đã trở lại là một công dân tự do, tôi tự cho mình cái quyền tự do đi về Hà Nội, không xin phép ai. Tất nhiên, theo phép lịch sự, tôi có báo qua ban quản trị xí nghiệp.

Tôi nhiều lần đi về Hà Nội để thu xếp việc làm cộng tác viên cho nhà xuất bản Văn học, ký hợp đồng, nộp bản dịch, nhận tạm ứng, v.v...

Trong một lần đi về Hà Nội như thế, tôi được tin anh Bùi Công Trùng qua đời. Anh Trùng, nguyên ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, nguyên chủ nhiệm Ủy ban khoa học nhà nước, cũng bị “đính” vào vụ án này, tuy nhiên anh không bị bắt mà chỉ bị “treo giò”.

Được tin anh mất, tôi rất buồn, và chẳng suy nghĩ cân nhắc gì, tôi mua vòng hoa đến đưa tang anh. Đến nơi, tôi thấy trong đám đầu trâu mặt ngựa chúng tôi (ngưu tầm ngưu, mã tầm mã mà) chỉ có các anh Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính. Ba tên đầu sỏ! Ngoài ra chỉ có một mình tôi! Các anh em khác không phải là anh Cả Cò ngốc nghếch như tôi, chắc có cân nhắc thấy không nên đến.

Biết là có thể lồi thòi, tôi tránh (lúc này mới nghĩ đến tránh), không vào trong nhà đứng với ba anh quây quần quanh linh cữu anh Trùng, mà ra giữa sân đứng cùng đám khách viếng “vô thường vô phật”, để công an mật đến theo dõi đám tang hiểu rằng tôi đến đây chẳng qua

cũng chỉ là làm nghĩa vụ thiêng liêng với người đã nằm xuống, chứ không phải đến “tụ tập” làm cái gì cả.

Sự cẩn thận của tôi không đem lại hiệu quả. Ngay hôm sau tôi được giấy gọi lên công an quận. Trưởng công an quận nghiêm nét mặt hỏi tôi:

- Tại sao anh đi đưa ma Bùi Công Trùng?

Tôi đáp:

- Nghĩa tử là nghĩa tận, tôi chết tôi cũng mong được anh em đến tiễn đưa cho đỡ tủi cái vong linh, vậy anh ấy chết tôi phải đi tiễn đưa chứ nhỉ?

Hỏi tiếp:

- Anh đi đưa cũng được, nhưng tại sao anh lại mang vòng hoa đến?

Đáp tiếp:

- Không mang vòng hoa thì anh bảo tôi mang cái gì?

Hỏi ấy chưa có lệ viếng bằng phong bì. Hỏi tiếp:

- Anh mang vòng hoa cũng được, nhưng tại sao lại đề “Vô cùng thương tiếc anh Bùi Công Trùng”? Bùi Công Trùng có tội, đang bị nhân dân phỉ nhổ, anh lại bảo là vô cùng thương tiếc.

Đáp tiếp:

- Tôi nói tôi vô cùng thương tiếc chứ tôi có nói nhân dân vô cùng thương tiếc đâu? Và lại chẳng lẽ đề “Vô cùng vui mừng được tin anh chết” à?

Đến đây ông quận trưởng bí lý lẽ, quay sang giọng sùng sộ:

- Mai anh phải trở về Hưng Yên, tiếp tục làm lao động.

Đáp:

- Tôi hết quản chế, hết cái tạo lao động rồi, tôi muốn làm gì tôi làm. Nhưng có thể mai kia tôi cũng sẽ về Hưng Yên, tuy nhiên không phải là tôi chấp hành lệnh anh, mà là vì tôi thích về Hưng Yên.

Câu chuyện như vậy là buồn cười hay buồn? Xét về tính chất khôi hài thì cũng khó mà nghĩ ra một câu chuyện khôi hài như thế. Nhưng nghĩ đến cái chế độ tự coi mình là xã hội chủ nghĩa thì kể cũng hơi... buồn!

Có lẽ phải giải thích đôi lời tại sao tôi lại thích về Hưng Yên.

Gặp những người anh em đã về Hà Nội, tôi thấy anh em rất nheo nhóc: lương bị cắt, phiếu gạo phiếu thực phẩm bị cắt hết, công ăn việc làm rất khó khăn... Về nhà bây giờ, tôi sẽ là một gánh nặng cho vợ con. Ở Hưng Yên làm thợ tôi có tiền, có phiếu gạo, phiếu thực phẩm, tôi đã ký được hợp đồng với nhà xuất bản, có thể nửa ngày làm thợ, nửa ngày dịch sách, bao giờ có một món nhuận bút từ tế về nhà thì đỡ nheo nhóc hơn.

Thực ra, có một lý do thâm kín khác làm tôi không hăng hái trở về Hà Nội lắm...

Câu chuyện xảy ra ngay từ những ngày tháng đầu tiên sau khi tôi bị bắt kia, nhưng đến những ngày sắp ra tù tôi mới được biết. Do chính vợ tôi kể khi lên thăm tôi tại Bất Bạt.

Tôi chỉ xin nêu vắn tắt vì câu chuyện cũng buồn, không muốn nhắc lại. Nhưng buộc phải kể vì nếu không thì không thể thấy được hết những khía cạnh bất nhân của vụ án này.

Câu chuyện là sau khi tôi bị bắt, vợ tôi rất bối rối: chồng là phản cách mạng, đi tù không biết đến bao giờ, thân phận mình sẽ ra sao, và con cái, lấy gì nuôi chúng nó, tương lai chúng ra sao, con cái phản cách mạng thì liệu có ngóc được đầu lên không? Rồi đi đến oán giận: anh đã làm cho vợ con khổ như thế này đây.

Lập tức có một ông đồng chí ở cơ quan, em vợ của thủ trưởng, nhảy xô vào. Nhận được lời hứa của ông đồng chí là sẽ lấy mình, vợ tôi lên Cục Bảo vệ xin “cắt đứt” với chồng. Nếu như anh chàng kia mềm lòng trước tình cảnh của vợ con tôi và ra tay tế độ thì tôi cho đấy là một nghĩa cử. Nhưng không, hẳn ta chỉ coi tình cảnh của một người đàn bà đang bị chết đuối

là một cơ hội ngàn vàng để hắn thỏa mãn dục vọng của hắn mà thôi. Và sau khi đã no xôi chán chè rồi thì... xin chào.

Đó là ông em vợ, còn ông anh rể, ông Hoàng Tùng, tổng biên tập báo *Nhân dân*, ủy viên Trung ương Đảng, thì hứa hẹn che chở vợ tôi, và có che chở thật, nhưng đồng thời lại ra sức... quấy rối tình dục. Được cả hai anh em, quý hóa thế!

Cuối cùng câu chuyện vỡ lở. Bắt đầu như một bi kịch, nó đã kết thúc như một vở hài kịch cười ra nước mắt. Chuyện ông Hoàng Tùng thì tất nhiên người ta ém nhem đi.

Vợ tôi bị dồn đến bước đường cùng, không còn cách nào khác là bẽ bàng quay trở lại với chồng, làm lủi đi tiếp tế cho chồng mấy năm trời, đợi đến ngày chồng sắp được ra tù để thú thật hết, xin được tha thứ.

Thảo nào mà một hôm, vào khoảng thời gian một năm sau khi tôi bị bắt, cũng tại nhà tù Bất Bạt này, tôi đã nhận được lá thư đầu tiên của vợ tôi, viết rất dài bằng một giọng bi quan và kết thúc bằng một câu thông thiết: “Anh ơi! Em không biết cuộc đời em sẽ còn trôi dạt đến tận bến bờ nào?”. Và kể chuyện xong, vợ tôi phát biểu một lời mơ ước: “Em chỉ còn mong đến ngày nào trả xong hết nợ, em sẽ mua một con sáo, cho vào lồng, treo góc nhà để thỉnh thoảng nghe nó hót cho nhẹ đầu óc”. Đến lúc ấy tôi mới hiểu được những năm tháng vừa qua, vợ tôi đã sống trong một tâm trạng căng thẳng như thế nào.

Biết làm thế nào? Trời sinh mỗi người một tính: tôi là anh Cả Cò gốc nghệch, còn vợ tôi thì là một người đàn bà yếu đuối. Mà xã hội thì sênh nhà ra là gặp Sở Khanh, kể cả Sở Khanh cộng sản lẫn không cộng sản. Nhất là Sở Khanh cộng sản.

Vợ tôi ngồi kể, mặt cúi gằm. Một người đàn bà có nhan sắc (vì thế ông Hoàng Tùng mới thêm nhỏ dãi), vậy mà lúc này nom già xọp. Có gì là lạ? Chồng như thế, mình như thế, có thằng con trai đầu lòng thì đi mặt trận Lào bị bom què mất cái cẳng, mổ đi mổ lại năm lần mới nối được cái xương đùi. Lo nuôi hai đứa trẻ và cho chúng đi sơ tán, lặn lội núi rừng đi tiếp tế cho chồng ngồi tù, châu chực bệnh viện chăm sóc đứa con bị thương, rồi lại mười hai ngày đêm đánh B52 ở Hà Nội..., sức mấy mà chẳng già?

Như Cự Mao nói: công bầy tội ba.

Tôi là một kẻ bại trận, và ngồi trước mặt tôi là một kẻ bại trận còn ê chề hơn đang cầu xin tôi tha thứ. Thôi thì những kẻ cùng khổ hãy thương lấy nhau chứ còn biết làm thế nào. Tôi ngậm ngùi nói:

- Thôi em ạ, đừng khóc nữa, cơn ác mộng đã qua rồi. Ta làm lại từ đầu.

- Xin làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Nhưng rất dễ hiểu là quá khứ đã không được xóa đi một cách đơn giản. Nó còn đè nặng lên tâm trí tôi một thời gian dài. *Le cœur a des raisons que la raison ne connait pas*. Trái tim có những lý lẽ mà lý trí không biết.

Lao động là tôi quên hết. Tôi bị rối loạn bài tiết mồ hôi, cho nên động chân động tay làm cái gì là mồ hôi ra như tắm. Anh em thường đùa:

- Anh Thư đổ mồ hôi hộ toàn xưởng.

Nhưng chính những lúc mồ hôi ra như tắm, quần đùi ướt sũng như vừa lội dưới sông lên, toàn thân dính đầy mùn cưa, chính những lúc ấy là lúc tôi thấy thoải mái nhất.

Buồn là những buổi tối. Xí nghiệp vẫn hảnh người. Những anh chị em có gia đình ở gần thì ai về nhà nấy. Lèo tèo ở cơ quan có một số anh chị em thì loanh quanh việc nhà hoặc ngồi ôm lấy cái đài. Anh em ở đây rất mê nghe đài, mở hết cỡ, cho “quát” càng to càng vui nhà.

Một mình tôi lững thững đi ra đường. Tôi nhớ những tối mùa đông rét mướt, tôi đi lang thang một mình trên cái đường phố nông thôn gió đồng lồng lộng, hai bên đường lèo tèo dăm bảy ngôi nhà. Từ cầu sông máng đến ngã ba là trăm hai mươi bước, từ ngã ba đến đầu đường rẽ vào Cao Xá là bốn trăm bước, lộn trở lại, rồi lại quay lên. Ánh đèn leo lét lọt qua vách liếp mấy ngôi nhà bên đường. Trong nhà hảnh là cảnh gia đình sum họp. Buồn tình tôi lại nghe ngao hát, lần nào cũng chỉ một bài *Lời du tử* của Nguyễn Đình Phúc, bài hát mà ngày xưa, khi tôi còn là chính ủy, nếu có anh cán bộ cấp dưới nào hát trước mặt tôi thì... không xong với tôi.

Chiều nay biết về nơi đâu

Dừng chân ta ngắm cảnh bao la sầu

Dừng nơi đây, dừng nơi đây

Đường dài chí lớn ta dừng nơi đây
Trông mây bay, trông mây bay
Về nơi quê nhà, ta buồn chỉ có mình ta.

Rồi những chủ nhật. Xưởng vắng tanh vắng ngắt. Tôi lượn lờ giữa những cỗ máy im lìm, bê dựa vào tường một tấm gỗ nằm vương lối đi, nhặt mấy cái đinh vương vãi. Rồi về buồng nằm khoèo suy nghĩ.

Chỗ tôi đang nằm đây trước kia là đồn địch đầu tiên mà tiểu đoàn tôi đã tiêu diệt sau khi được trang bị lại bằng vũ khí thu được ở chiến dịch Biên giới. Diệt đồn xong, tôi trèo lên nóc chiếc lô cốt cao ba tầng. Đứng nhìn xuống cảnh vật xung quanh, tôi vô tình sờ phải một vật gì dính dính ở trên bờ tường. Tôi nhìn kỹ: một vật gì đen đen. Chà, cả một tảng mông đít bị đạn SKZ 120 ly xé ra và quăng lên tận nóc lô cốt! Sợ thật!

Ít lâu sau, trong một tuần lễ, trung đoàn tôi đã phá tan toàn bộ hệ thống đồn bốt địch trong huyện Phù Cừ, mở đầu bằng trận Đình Cao tôi đã nói ở trên. Huyện Phù Cừ rạo rục không khí giải phóng sớm. Cứ mừng đi, mặc dù trước mắt cảm chắc sẽ có một trận càn lớn trả đũa. Chính trong trận càn này, tiểu đoàn trưởng Nguyễn Mạnh đã hy sinh.

Còn tôi thì bây giờ nằm đây, như một cánh chim đường trường bay mãi đã mỏi. Mà đường trường trước mắt còn xa lắc, chưa thấy bến bờ là đâu.

Hoặc như một con thú bị thương nằm dài trong hang mà liếm những vết thương đầy trên mình mảy. Những vết thương càng liếm càng sưng tấy, nổi khổ càng nghĩ càng đau...

Cô đơn...

Hồi trong tù tôi không cảm thấy cô đơn. Vì tôi nghĩ mình còn một hậu phương, một bến đậu. Nay cái hậu phương ấy không còn nữa. Nói cho đúng thì là còn mà không còn. Vẫn cái phép biện chứng của ông Thọ, nó trùm lên tất cả các mặt của vụ án này.

Cô đơn nặng như chiếc cối đá đeo vào cổ!

Đúng lúc đó một người con gái Hưng Yên đã đến với tôi.

Như một niềm an ủi.

Niềm an ủi của mảnh đất Hưng Yên gửi tới anh bộ đội 42 xưa.

Sau đây là vài đoạn trích từ cuốn nhật ký của tôi viết hồi đó.

Ngày...

Người con gái ấy đến với tôi, ngồi hát cho tôi nghe, giọng hát lúc đầu thiếu tự tin, rồi cao vút lên:

Cho em hỏi rằng có ở nơi đâu

Bát ngát xanh tươi những rặng trâm bầu

Rồi tôi hôm ấy tôi đi xem người ấy biểu diễn. Sân đình cũ, nay là sân kho, sáng rực ánh đèn sân khấu. Tiếng trống chèo rộn rã như giục các chàng trai hãy mau mau bỏ cửa bỏ nhà mà đi theo cô gái hát chèo.

Trên sân khấu, em lộng lẫy như một bà hoàng. Nhưng không, em chỉ là một cô gái hồng nhan bạc mệnh. Em đã trải qua một mối tình oan nghiệt. Và bây giờ mới hai mươi sáu tuổi đầu mà đôi mắt em thăm thẳm sau lớp quầng thâm và nụ cười của em chua chát.

Em vất vả một nắng hai sương kiếm hạt gạo, và những ngày mùa màng rồi rã, em theo gánh hát đi mê hoặc những chàng trai tứ xứ. Tôi muốn làm một cái gì cho em. Nhưng tôi biết làm gì được, tôi chỉ là một tên tù giam lỏng, có làm gì thì chỉ là gây thêm một chuyện rắc rối cho em mà thôi.

Ngày...

Mảnh đất Hưng Yên xưa kia, khi mình mảy nó lở loét hàng trăm đồn bốt giặc, tôi đã cống hiến cho nó tuổi trẻ sôi nổi của mình.

Mảnh đất Hưng Yên ngày nay, khi nó trở lại là một vùng quê xanh rờn, nó đã thành nơi đi đày của tôi.

Mảnh đất Hung Yên khi xưa, mỗi lần tạm biệt nó khăn gói lên đường đi Việt Bắc họp, tôi đã nóng lòng trở về với nó, cứ làm như vắng tôi thì mọi việc ở đó hỏng bét.

Mảnh đất Hung Yên ngày nay, mỗi lần tạm biệt nó về thăm nhà, tôi đã trở về với nó trong lòng đầy dửng dưng miễn cưỡng.

Dường như để gỡ lại nỗi oan trái ấy và làm lành với tôi, mảnh đất Hung Yên đã đem đến cho tôi một đứa con đầy vẻ dịu dàng của nó.

Mảnh đất Hung Yên tình nghĩa, ta cảm ơn người.

Ngày 11 – 7

Sau buổi biểu diễn, tôi đi theo em về nhà ở huyện bên. Mỗi đêm diễn em được bồi dưỡng một đồng và một chiếc bánh chưng con. Bánh chưng em nhường cho đứa con gái nhỏ, còn em thì vào trong buồng ngồi tè he dưới đất ăn bát cơm nguội.

Trần trọc không ngủ được, tôi ra sân ngả lưng xuống chiếc chõng tre, nằm nhìn bầu trời trắng sáng, nhìn mảnh sân sáng ánh trăng sao, và cảm thấy lòng mình cũng trong sáng như ánh trăng sao. Tôi tự ví mình như chàng chăn cừu trên núi ngòi dưới bầu trời sao canh gác cho nàng Stéphanette ngủ.

Bên trong nhà yên ắng, không nghe thấy một tiếng thở nhẹ. Sau một tối vất vả, chắc em đã ngủ. Em ơi, tài tình chi lắm cho trời đất ghen.

Hôm sau em gội đầu. Em ngồi bên bậu cửa gỡ tóc ra hong. Vừa hong vừa nói chuyện: chuyện làm ăn vất vả, chuyện vui buồn của kiếp hát rong. Tôi ngồi lùi lại phía sau, với tay quạt cho mái tóc ấy chóng khô. Nhìn những sợi tóc quăn quýt lấy đôi vai mảnh dẻ, tôi cảm thấy trong lòng dâng lên một niềm hạnh phúc đơn sơ giản dị, mộc mạc và thanh bình như buổi chiều hè đồng quê này.

Ngày...

Tiếc rằng tôi không nuôi được hộ em đứa con gái nhỏ. Tôi và nó sẽ thành đôi Jean Valjean và Cosette: một kẻ đi đày và một cô bé xấu số. Tôi sẽ mua cho nó một con búp bê và sẽ kể

chuyện sự đời cho nó nghe. Tất nhiên tôi sẽ kể như thế nào để nó không cảm thấy cuộc đời là đen bạc.

Ngày...

Ở Hà Nội về tôi tạt vào thăm em:

- Những ngày ở Hà Nội tôi chỉ mong cho phương Nam mưa thuận gió hòa.

- Mưa gió là tại trời, anh ạ.

Tại trời và tại người. Trời sinh ra hai chúng ta đều giàu tình thương. Người làm cho cả hai chúng ta đều khổ và thấy nhau khổ thì thương.

Ngày...

Trên đường đi đâu em ghé qua chỗ tôi. Em nói:

- Em cũng cảm ơn mảnh đất Phù Cừ này đấy.

Tôi hiểu đó là câu trả lời của em sau khi đọc những trang nhật ký tôi đưa cho em xem.

Em ra cầu ao rửa chân và đứng dưới cầu ao, em ngược lên nhìn tôi mỉm cười. Này em ơi, từ nay đừng có dại mà nhìn ai bằng con mắt như thế và nụ cười như thế. Chết người như bõn chứ không đùa đâu.

Ngày...

Tôi đi chợ Tết. Nói đúng hơn là tôi đi tìm em. Chợ Tết tan sớm, mới chín giờ mà đã vắng gần hết người. Tôi không thấy em, chỉ thấy một cô gái đứng tần ngần bên dăm củ su hào chưa bán hết. Ở lại thì nóng ruột công việc Tết nhất ở nhà, ra về thì tiếc công tưới tắm. Vừa thấy tôi, cô đơn đã mời chào. Tôi đã mua hết cho cô, nói giá bao nhiêu tôi trả đủ từng nấy.

Tôi mua cho cô vì tôi có một người bạn nhỏ lúc này chắc cũng như cô đang đứng ở một góc chợ nào đó, tần ngần trước mấy củ su hào chưa bán hết.

Tôi mua cho cô để cầu chúc cho người bạn nhỏ của tôi ngày năm hết Tết đến cũng gặp được may mắn như cô.

Khoảng trưa em đến, đuôi xe đạp treo hai sọt su hào đã bán hết. Em đón tôi về nhà ăn Tết.

Ngày...

Căn phòng của tôi lâu nay vắng bóng em, càng lạnh lẽo vắng vẻ. Mặc dù có một cô bạn ngoài phố ít lâu nay năng sang chơi. Tôi chẳng có gì trách cứ cô ta cả, cô ta cũng thương người như em. Tôi chỉ không thích cô ta ở một điều: lần nào đến, cô ta cũng cứ ngồi nhè vào đúng góc ghế em vẫn ngồi.

Người đâu mà vô ý vô tứ!

Ngày 11 - 7

Tôi chọn ngày này, ngày mà đúng một năm về trước tôi đến thăm nhà em, để đến nói với em lời từ biệt. Trông thấy tôi, em hỏi:

- Sao lâu anh không đến?

Tôi không trả lời mà hỏi lại:

- Hôm nay ngày mấy nhỉ?

Ngước nhìn lên lịch rồi đáp:

- Ngày mười một tháng...

Nửa chừng ngưng bật. Và quay mặt đi.

- Tôi đến từ biệt em. Tôi về Hà Nội.

Không đáp. Lát sau nói một câu bằng quơ:

- Thế mà đã tròn một năm rồi đấy nhỉ!

Tôi đi. Em ở lại. Đối với em là tiếp tục những ngày một nắng hai sương và những tối sân đình rộn rã.

Còn đối với tôi thì đó là bước sang một đoạn đường mới đầy gian khổ: tôi về vực dậy cái gia đình kiệt quệ và đổ nát của tôi. Và như thơ Thế Lữ:

Em đi đường em, tôi đường tôi
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi
Đã quyết không mong sum họp mãi
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi./.

VÀI LỜI BẠT

Theo nhân sinh quan cộng sản thì sống là đấu tranh. Hơn thế: hạnh phúc là đấu tranh. Nếu đúng như vậy thì đời tôi mấy chục năm qua là một chuỗi hạnh phúc liên tục, triền miên, tràn trề, tối tăm mặt mũi, không kịp thở. Giờ đây, trong những ngày tháng cuối cùng của đời tôi, trước mắt tôi cũng đang là một hạnh phúc mới, nghĩa là một cuộc đấu tranh mới: đấu tranh chống lại những lăm chằm của một thân thể tàn tạ vì chiến đấu gian khổ, vì tù đầy, vì tuổi già, vì bệnh tật.

“Đấu tranh này là trận cuối cùng”.

Đấu tranh để ăn được, để (xin lỗi) ia đái cho tử tế, để ngủ được, để đi đứng cho ngay ngắn, không đánh vông, đụng đầu đồ đầy, lấy bà lấy bầy nom như nỡm già, để tự phục vụ mình khỏi phiền lụy đến con cháu, để tận dụng chút sức tàn làm được một việc gì có ích. Nhiều lúc cũng nản lắm, lại phải lên giây cót. Được một cái là lên giây cót cũng dễ, chỉ cần nghĩ: hồi ở tù khổ thế mà còn vượt được, nữa là bây giờ, ăn nhằm gì? Thế mới biết đi tù có lợi thật. Cũng là nhờ ơn Đảng và Chính phủ.

Tôi noi gương một số vị chức sắc trong Đảng và nhà nước đã già cóc để đại vương vẫn cứ nhất định đòi “phục vụ nhân dân” thêm một nhiệm kỳ nữa.

Chỉ khác là tôi không phục vụ nhân dân mà chỉ phục vụ con cháu tôi thôi.

Tôi tạ ơn trời bắt tôi mang lăm bệnh nhưng lại để cho tôi một bộ óc ở tuổi gần tám mươi còn đủ minh mẫn để dịch được sách mỗi ngày dăm sáu tiếng. Cộng thêm hai tiếng tập tành là đại thể vẫn đủ tám giờ vàng ngọc. Tôi cũng vô cùng biết ơn các anh chị em đã đem sách đến cho tôi làm suốt dăm năm nay, kiếm được khối tiền nuôi cháu ăn học.

Niềm vui của tôi bây giờ chính là đứa cháu gái ấy, con bé đọc *Kiều* mà tôi đã nhắc đến ở đầu cuốn sách này. Hồi ấy cháu lên tám. Bây giờ cháu đã là một thiếu nữ mười bảy, theo con mắt tôi thì là xinh xắn, học lớp 11, học sinh giỏi được học bổng quốc gia (tất nhiên là đeo kính cận), giỏi văn và ngoại ngữ, thích đóng kịch (từng đóng vai... Romeo trong một tiểu phẩm tự biên tự diễn ở trường), không vào Đoàn nhưng vẫn bị các bạn trong chi đoàn bắt đóng tiền Đoàn phí.

Ở đầu cuốn sách này, tôi có phát biểu mong ước vài chục năm nữa sẽ có một cuốn tiểu thuyết hay mang tên tác giả Nguyễn Thị Cẩm Linh. Đó là chuyện tương lai. Còn trước mắt thì

cháu vừa hoàn thành một bản dịch dày vài trăm trang (dịch theo hợp đồng với một nhà xuất bản, có tiền nhuận bút ứng trước hẳn hoi), truyện thiếu nhi viết bằng tiếng Anh. Tôi cho đó là một bước mở đầu hứa hẹn. Không biết chuyện đó có là một quả pháo xịt như chuyện mẹ cháu biểu diễn ác-coóc ở sân khấu trường Trung Vương không?

Tôi đề cho cháu sống thoải mái, không tác động gì nhiều, chỉ ra sức nhồi nhét cho cháu một ý tưởng: sống ở đời phải có tinh thần vượt thác. Nhất là trong hoàn cảnh của cháu không thể dựa dẫm vào ai, chỉ nhờ được vào bản lĩnh của chính mình.

Đầu năm vừa rồi cháu chúc Tết tôi:

- Cháu chúc ông năm mới chân cứng đá mềm.

- Thế cháu thì sao?

- Cháu cũng vậy.

Tôi cảm thấy hình như mình đã có thể yên tâm nhắm mắt. Giống như Mao Chủ tịch nói với Hoa Quốc Phong:

- Đồng chí nắm công việc, tôi yên tâm.

Tuy nhiên vẫn có một điều lo ngại. Một lần tôi hỏi cháu sau này sẽ thi vào đại học gì, cháu trả lời vào đại học Báo chí. Tôi sợ quá bảo cháu:

- Ông chấp tay lạy cháu đấy. Cháu đi vào cái nghề dớ dẩn ấy làm gì?

- Ông nhầm rồi. Bây giờ nó dớ dẩn, nhưng đến đời cháu thì nó sẽ khác.

Khéo cháu nó nói đúng thật. Đến cái góc của chủ nghĩa Marx là xóa bỏ chế độ tư hữu mà còn phải thay đổi, tư hữu được thừa nhận, thậm chí người ta còn được khuyến khích làm giàu, vậy thì còn cái gì không thể thay đổi? Góc đổi, ngọn sẽ đổi theo. Chỉ còn vấn đề thời gian.

Qui vivra verra. Khắc sống khắc biết.

Đây là nói ai còn sống được. Còn anh, anh Cả Cò ơi, đối với anh mọi sự đã an bài. Chỉ mươi sai cánh nữa là tới bến bờ rồi đó. Thế là hết một kiếp anh Cả Cò. Kiếp sau thì sao? Chắc là sẽ khôn hơn...

Hà Nội, tháng Tư – 2002

Sửa lần cuối. (Đã chắc là cuối không?) ./.

2/ 2004

PHỤ LỤC

I/ Thư của ông Nguyễn Trung Thành, nguyên Vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng gửi lãnh đạo Trung ương.

Hà Nội, ngày 3 tháng 2 năm 1995

Nguyễn Trung Thành

Kính gửi:

- Đồng chí Tổng bí thư.
- Các đồng chí trong Bộ Chính trị và Ban bí thư.
- Các cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.
- Các đồng chí trong Ban Kiểm tra Trung ương.
- Các đồng chí trưởng Ban Tổ chức Trung ương,
Ban Nội chính Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ.
- Các đồng chí viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, chánh án Tòa án tối cao.

Đề nghị: Cứu 32 đảng viên bị xử trí oan khuất gần 30 năm nay trong cái gọi là “Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tìm báo cho nước ngoài”.

I/ Tôi, Nguyễn Trung Thành, nguyên là cán bộ thuộc Ban Tổ chức Trung ương (1951 - 1988), nguyên là Vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng (1962 - 1988), nguyên là ủy viên thường trực Tiểu ban Bảo vệ Trung ương (1977 - 1979) và chuyên viên Ban Tổ chức Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nay đã về hưu được xếp chuyên viên 9.

Tôi đã có tham gia các công tác sau đây:

- Giúp phát hiện và sửa chữa những sai lầm trong chính đôn tổ chức, cải cách ruộng đất đợt 4 và đợt 5 (1955 - 1956).
- Giúp Trung ương xem xét về mặt chính trị của cán bộ dự kiến bầu vào Trung ương ở các kỳ Đại hội III, IV, V, VI, và kiện toàn bộ máy các cơ quan nhà nước.
- Giúp thẩm tra 10 cán bộ cao cấp có nghi vấn về chính trị.
- Góp phần trực tiếp phát hiện và giải quyết một số vụ án sai, bắt oan nhiều cán bộ, đảng viên vô tội.

2/ Từ năm 1963, tôi được phân công giúp việc cho Ban Bí thư, Ban Tổ chức tài liệu Trung ương, theo dõi và làm một phần trong vụ án nói trên trong nhiều năm với sự phối hợp của các đồng chí: Trần Hữu Đắc (Ủy ban

Kiểm tra Trung ương); Trần Quyết, Cục trưởng; Hoàng Thao, Phó cục trưởng, và các cán bộ thuộc Bộ Công an nay là Bộ Nội vụ; Kinh Chi, Cục trưởng (Tổng cục Chính trị).

Trong hàng chục năm trước đây, do chỗ chỉ biết được từng bộ phận riêng lẻ của tài liệu, nên tôi vẫn tin chắc rằng các kết luận của Bộ Chính trị và của Trung ương đối với vụ án là đúng đắn và chính xác.

3/ Gần đây do có nhiều đơn khiếu nại liên tục của những người bị xử trí và thân nhân trong vụ án, do có thư đề nghị của nhiều cán bộ đảng viên, và theo chỉ thị của trên, đồng chí Nguyễn Đình Hương, Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ có giao cho tôi nắm lại toàn bộ vụ án để báo cáo với Ban Bí thư Trung ương. Trong hơn một năm qua, tôi có điều kiện và đầy đủ thời gian nghiên cứu lại toàn bộ các hồ sơ tài liệu của vụ án, đi sâu phân tích các tài liệu, so sánh đối chiếu các tài liệu điều tra, các lời khai cung, các biên bản những cuộc họp của ban chỉ đạo vụ án, các đơn khiếu nại trước và nay, v.v...

4/ Qua nghiên cứu lại một cách tỉ mỉ, nghiêm túc và thận trọng, tôi nhận thấy một cách có căn cứ rằng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng trước đây khi kết luận về vụ án đã tin vào những báo cáo của ban chỉ đạo vụ án. Những báo cáo đó đã không dựa vững chắc trên những cơ sở khách quan có thực, mà chỉ dựa vào một số lời khai (bản thân những lời khai này có nhiều mâu thuẫn giữa người này với người khác, giữa lời khai trước và sau của cùng một người) mà không được xác minh cẩn thận. Hơn nữa lời khai của các cán phạm khi đang bị công an bắt giữ không có giá trị pháp lý đích thực. Ngay lúc công bố kỷ luật có người đã chối, không công nhận kết luận. Sau này hầu hết bọn họ và thân nhân đều khiếu oan.

Do báo cáo của ban chỉ đạo thiếu những cơ sở chứng cứ, nên các kết luận của Bộ Chính trị và của Trung ương đều thiếu căn cứ xác thực.

5/ Từ việc phân tích, đối chiếu các tài liệu điều tra và các bản khai cung, rõ ràng không thể quy cho những người bị bắt về những tội chống Đảng, chống Nhà nước, có tổ chức, có cương lĩnh, cung cấp tình báo cho nước ngoài, v.v...

Nhiều đồng chí bị bắt đã phạm một số sai lầm so với những quy định trong điều lệ Đảng, nhưng họ không phạm tội so với những điều khoản pháp luật.

Trong những người bị xử trí, phần lớn là cán bộ cao cấp, trung cấp (4 ủy viên trung ương, 1 thiếu tướng thứ trưởng, 4 vụ trưởng, 3 đại tá). Một số là cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đã bị thực dân Pháp bắt và cầm tù nhiều năm.

6/ Với sự thôi thúc của lương tâm hàng ngày hàng giờ bị cắn rứt, tôi cho rằng vấn đề cấp bách hàng đầu hiện nay là phải khẩn thiết giải oan cho những đồng chí đã bị bắt và bị xử trí oan. Điều đó chỉ có lợi cho uy tín của Đảng, cho sự đoàn kết trong và ngoài Đảng, cho sự ổn định chính trị hiện nay. Đảng ta chính đại quang minh đã từng thừa nhận khuyết điểm trước toàn dân, đã sửa chữa nhiều vụ án bắt oan sai và qua đó đã vững mạnh lên.

7/ Các vấn đề cấp bách thuộc quyền lợi cần giải quyết ngay cho số đồng chí bị bắt và xử trí oan là:

- Xếp một mức lương thỏa đáng từng trường hợp làm căn cứ định lương hưu, và được truy lĩnh từ tháng 1 năm 1994.

- Với những người đã tham gia cách mạng trước tháng 12/1944, được hưởng chế độ ưu đãi, thâm niên hiện hành, thâm niên quân đội.

- Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể cấp một khoản trợ cấp đền bù.

- Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể hoặc cấp nhà, hoặc bổ sung diện tích, hoặc giúp coi nơi cải tạo nơi ở.

- Được hưởng chế độ khen thưởng tương ứng.

- Hòa nhập vào sinh hoạt các Hội, Đoàn tương ứng (Nhà tù, Hưu trí, Câu lạc bộ, Hội cựu chiến binh, v.v...).

8/ Để xác định lại những nhận xét trên đây của tôi, và cũng để thẩm tra lại toàn bộ công việc điều tra và xử lý vụ án trước đây, tôi đề nghị với Bộ Chính trị cho lập ra một ban thẩm tra vụ án nói trên qua đó rút ra những bài học cho Đảng ta sau này. Tôi xin sẵn sàng phục vụ vô điều kiện.

Với lòng trung thực, với ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ Đảng và bảo vệ sinh mệnh chính trị của đảng viên, tôi tha thiết kính mong Bộ Chính trị, Ban Bí thư có những quyết định dứt khoát để sớm cứu các đồng chí bị xử trí oan trước lễ kỷ niệm 105 năm ngày sinh của Bác Hồ và 50 năm Cách mạng Tháng Tám.

Kính

Nguyễn Trung Thành

Nơi ở: 10C Dốc Ngọc Hà – Phòng 201-202

Điện thoại: 258261/3746

II/ Trích thư của tác giả gửi Tổng biên tập báo Quân đội Nhân dân.

Hà Nội ngày 12 tháng 3 năm 1988

Trần Thư

Kính gửi: Anh Trần Công Mân,

Tổng biên tập báo Quân đội Nhân dân.

Hồi trong năm anh có cử anh Toại đến gặp tôi để truyền đạt ý kiến của anh Nguyễn Quyết bảo làm đơn trình bày lên Tổng cục Chính trị trường hợp của tôi. Từ bấy đến nay tôi cứ lẩn lữa mãi, không qua quyết viết. Không phải vì tôi không có thời gian. Cũng không phải tôi không hiểu thiện ý của các anh. Tôi phân vân không muốn viết vì những lý do sau đây:

1/ Ngồi tù thì đảng nào tôi cũng ngồi rồi, chuyện ấy đã qua và bây giờ không có gì bù đắp lại được cho tôi 20 năm đã mất đi cùng với tất cả những điều đúng mà tôi và gia đình đã phải chịu đựng.

2/ Danh dự tôi đã được phục hồi rồi. Bất kỳ ai được biết trường hợp của tôi đều cho là tôi bị oan và đều chê trách Đảng ta tại sao không dám sửa sai. Vậy là tuy Đảng chưa phục hồi cho tôi nhưng nhân dân đã làm cái việc đó thay Đảng. Tôi thấy đối với tôi như thế là đủ. Tôi làm theo lời Đảng, lấy dân làm gốc.

3/ Cuộc sống của tôi và gia đình tôi qua bao nhiêu đảo điên nay đã ổn định, kiếm đủ ăn. Con cái tôi bị phân biệt đối xử, không học đầu lên được, đến nay cũng đã có công ăn việc làm tử tế, chẳng là sự nghiệp gì quan trọng thì cũng là sự nghiệp của người lao động bình thường.

4/ Tôi không có tham vọng cá nhân nào, không nghĩ đến việc trở lại công tác vì đã quá tuổi làm việc, và cũng không nghĩ đến việc trở lại Đảng.

Như vậy là việc của tôi, tôi cho là đã xong, hà tất phải đơn từ làm gì.

Chỉ còn lại việc của Đảng: việc có một thời gian Đảng ta đi theo chủ nghĩa Mao, chống lại Liên Xô, khủng bố, bắt bớ một số cán bộ, đảng viên của mình, là một vết đen trong lịch sử của Đảng. Sớm muộn lịch sử cũng sẽ đem chuyện ấy ra phán xét. Đó là điều không có chút gì nghi ngờ cả. Hiện nay, các điều kiện để phân tích đúng sai đã quá đầy đủ. Nếu thế hệ các anh lãnh đạo hiện nay (là những nhà lão thành cách mạng) không làm nổi việc đó mà phải để cho các thế hệ con cháu giải quyết thì tôi cho là một điều đáng để các anh suy nghĩ...